

Những Chuyện Luân Hồi Hiện Đại

Dịch giả: Thích Tâm Quang

Lời Giới Thiệu & Lời Người Dịch

LỜI GIỚI THIỆU

Nói đến luân hồi, nhiều người quan niệm đó như là chuyện xưa tích có, nhưng thật ra vô cùng mật thiết với đời sống thăng trầm của kiếp người mà chẳng mấy ai lưu tâm. Cũng như không khí hít thở hằng ngày rất thiết yếu cho đời sống, nhưng phần đông không mấy người để ý đến. Từ đó cho ta thấy rằng, không khí trong không gian quan trọng đối với sức khoẻ sanh tử đời sống nhân sanh như thế nào, thì luân hồi cũng tương quan mật thiết trọng yếu đối với kiếp sống thăng hoa hay đọa lạc của con người cũng như thế ấy. Chỉ khác ở chỗ là, không khí thuộc về thể khí mắt phàm và dụng cụ khoa học có thể thực nghiệm. Còn tâm linh con người thuộc về tinh thần, quanh quẩn trong luân hồi nổi chìm trong sáu nẻo, mắt phàm khó mà thấy biết.

Tuy nhiên những hiện tượng nhất là về tâm linh tinh thần mắt phàm không thể thấy biết và khoa học không thể chứng nghiệm mà bảo rằng không có luân hồi là nông nổi thiếu suy tư. Đối tượng của trí thức khoa học là chứng minh sự hình thành của vật thể. Đối tượng của tuệ giác Phật học là thuyết minh tận cùng chân lý của vạn pháp. Khoa học đang khởi đầu bước lên trên con đường tận cùng chân lý của Phật học. Trước đây hơn 2500 năm, Đức Phật Thích Ca đã thuyết minh về đạo lý luân hồi nhân quả, ngày nay các nhà trí thức nhân loại mới bắt đầu vén màn huyền bí luân hồi.

Đối với vấn đề luân hồi, vào hạ bán thế kỷ 20, những nhà khoa học, triết học, tâm lý học v.v... đã nhiều năm để tâm cố gắng nghiên tầm thực nghiệm qua những hiện tượng và đã gặt hái được những thành quả đáng kể, điều đó được ghi nhận trình bày qua các bản báo cáo, sách báo bằng phương pháp khoa học thực nghiệm, làm cho vấn đề luân hồi trở nên sáng tỏ.

Để cống hiến cho những ai yêu thích tìm hiểu đời sống tâm linh sinh động thăng trầm chuyển hóa qua các dạng thức, Tỳ Kheo Thích Tâm Quang đã dày công nghiên cứu các tác phẩm Âu Mỹ nổi tiếng thực nghiệm về luân hồi và dịch thành tập “Những Chuyện Luân Hồi Hiện Đại”.

Nay xin giới thiệu đến độc giả bốn phương cùng thưởng thức.

Hoa Kỳ, Xuân Giáp Tuất 1994

Tỳ Kheo Thích Đức Niệm

LỜI NGƯỜI DỊCH

Luân Hồi, Đạo Lý căn bản của Phật Giáo là một sự thực có thể chứng nghiệm được. Luân Hồi, Nhân Quả, Nghiệp Báo mang lại an lạc hạnh phúc cho con người nói riêng và công bằng xã hội cho nhân loại nói chung. Tin tưởng Luân Hồi, Nhân Quả, Nghiệp Báo là hướng thiện đi đến Chân, Thiện, Mỹ; ngược lại không tin tưởng Luân Hồi, Nhân Quả, Nghiệp Báo thì tự mình sẽ rơi vào hố sâu, vực thẳm, đau khổ triền miên.

Khi còn tại thế, Đức Phật đã nói: “Ngu Si là tội tăm nhất, không tin tưởng Luân Hồi, Nhân Quả, Nghiệp Báo là nguồn gốc sinh ra tội lỗi nhất.”

Ngày nay có các quốc gia bất hạnh cầm đầu bởi những người không tin tưởng Luân Hồi, Nhân Quả, Nghiệp Báo đã gây ra bao tội lỗi và đưa dân tộc đến chỗ tối tăm, thoái hóa, đau khổ, tan rã.

Bắt đầu từ thế kỷ thứ 20, các nước trên thế giới nhất là các nước Âu Mỹ văn minh tiên tiến, các Học Giả, các Khoa Học Gia, đã tiến sâu vào lãnh vực nghiên cứu, điều tra, thực nghiệm vấn đề Luân Hồi.

Nhận thấy các Học Giả, Bác Học, các Giáo Sư như các Tiến Sĩ Y Khoa Ian Stevenson, Raymond A. Moody, các Tiến Sĩ Giáo Sư Robert Almeder, Hans Holzer, Sylvia Cranston, Carey Williams, H.N. Banerjee, John Van Auken, đã xuất bản các cuốn sách nổi tiếng về các chuyện luân hồi điển hình, trung thực đã được kiểm chứng nên chúng tôi mạo muội trích

dịch một số các bài trong các cuốn sách để cống hiến cho độc giả bốn phương.

Dù đã hết sức cố gắng nhưng không khỏi có nhiều khiếm khuyết, vậy nên chúng tôi rất hoan hỷ đón nhận các ý kiến quý báu của các vị cao minh, độc giả bốn phương để lần tái bản sau được hoàn chỉnh hơn.

Cũng trong dịp này chúng tôi xin thành kính tri ân Chư Tôn Đức, Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng, Ni, đã khích lệ tinh thần và các Quý Đạo Hữu Viên Minh Phạm Đình Khoát, Quảng Lâm Châu Ngọc Tòng, Minh Hỷ Phan Duyệt, Quảng Hải Ngô Thanh Hùng, Diệu Chân Lương Thị Mai và Diệu Hỷ Nguyễn Cung Thị Hỷ đã góp phần công đức trong việc ấn hành dịch phẩm này.

Chúng tôi xin hồi hướng công đức hoằng pháp này lên ngôi Tam Bảo và nguyện cầu Hồng Ân Chư Phật thù từ gia hộ Quý Vị cùng Bửu Quyển thân tâm thường an lạc và hạnh phúc.

Xuân Giáp Tuất 1994, Phật Lịch 2537

Tỳ Kheo Thích Tâm Quang

Phần I

GIÁO SƯ SYLVIA CRANSTON VÀ CAREY WILLIAMS

Giáo Sư Sylvia Cranston là một chuyên gia khảo cứu về luân hồi từ 30 năm nay. Bà là tác giả của các cuốn sách nổi tiếng về luân hồi như An East-West Anthology, Reincarnation in World Thought, Phoenix Fire Mystery...

Bà đã từng đi diễn giảng tại Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Anh, Ái Nhĩ Lan và đã xuất hiện nhiều lần trên các đài vô tuyến truyền thanh truyền hình.

Giáo Sư Carey Williams, người Hoa Kỳ, chuyên dạy Y Tế, phụ trách nhiều lớp giảng dạy về sự sống chết của con người.

Chúng tôi xin trích dịch một vài chuyện trong cuốn Reincarnation, A New Horizon In Science, Religion and Society của hai tác giả do nhà Xuất Bản Julian Press, New York, phát hành năm 1984.

TRƯỜNG HỢP LẠ LÙNG CỦA GEORGE RITCHIE ĐÃ
CHẾT RỒI SỐNG LẠI, HIỆN NAY LÀ BÁC SĨ, ĐÃ THẤY
NHỮNG GÌ KHI HỒN LÀ KHỎI XÁC.

Tác Giả: Sylvia Cranston và Carey Williams

Trường hợp lạ lùng của bệnh nhân George Ritchie đã chết rồi sống lại (hiện đang là Bác Sĩ Tâm Trí) đã khiến cho các Khoa Học Gia cũng như các nhà Tâm Lý Học đặc biệt chú ý. Bác Sĩ Raymond Moody đã bỏ ra 5 năm để nghiên cứu trường hợp đặc biệt này. Bác Sĩ Raymond Moody vừa là Bác Sĩ vừa là nhà Phân Tâm Học, là tác giả cuốn sách nổi tiếng “Life After Life” với số độc giả cả triệu người đã phổ biến trường hợp của George Ritchie đến thế giới Tây Phương. Cuốn sách do Bác Sĩ Raymond Moody viết để tặng Bác Sĩ George Ritchie, trước đây là một bệnh nhân trong Quân Đội. Câu chuyện có thật này đã được đưa lên màn ảnh với tựa đề Beyond And Back. Cuốn phim này đã làm chấn động dư luận.

Lúc 20 tuổi, George Ritchie, một sinh viên y khoa với hoài bão trở thành bác sĩ, đã phải gia nhập Quân Đội. (Sau này George Ritchie đã trở thành vị bác sĩ trẻ tuổi nhất tốt nghiệp tại Đại Học Đường Virginia). Khi chiến tranh chấm dứt cũng là lúc George Ritchie tốt nghiệp y khoa. Bác Sĩ George Ritchie là Chủ Tịch Hàn Lâm Viện Nội Khoa và Ngoại Khoa Richmond, chuyên về tâm trí và đã trở thành Viện Trưởng Viện Tâm Trí của Bệnh Viện Towers ở Charlottesville. Bệnh Viện này đã sát nhập với Đại Học Đường Virginia. Hiện nay Bác Sĩ George Ritchie có một phòng mạch riêng tại Richmond và là Chủ Tịch Sáng Lập Viên Đoàn Thanh Niên Quốc Tế.

Tài liệu này được viết theo trong cuốn “Return From Tomorrow” của Bác Sĩ George Ritchie và trong băng ghi âm của Bác Sĩ có nhiều chi tiết chưa được tiết lộ.

Là một người lính được huấn luyện tại trại Barkeley, Texas, George Ritchie nhận định rõ giá trị của một người lính bộ binh trong Quân Đội Hiện Đại với cơ khí hóa tối tân. Vì nhu cầu cần Bác Sĩ để phục vụ cho Quân Đội nên George Ritchie được tuyển chọn gửi đi huấn luyện tại Đại Học Đường

Y Khoa Virginia. Nhưng chẳng may trước hôm đi, George Ritchie bị bệnh nặng, hai lá phổi bị sưng, phải vào nhà thương điều trị. Thời đó thuốc Penicilline được coi là phát minh kỳ diệu nhưng cũng không chữa nổi căn bệnh sưng phổi, bệnh tình của George Ritchie rất trầm trọng.

Người phụ trách trông nom khu George Ritchie điều trị đã thấy George Ritchie tắt thở. Được báo cáo Bác Sĩ trực đến khám nghiệm, xác nhận George Ritchie đã chết và ra lệnh làm thủ tục đem George Ritchie vào nhà xác. Chính trong khoảng thời gian 9 phút này việc lạ lùng đã xảy ra.

Bác Sĩ Donald G. Francy, Y Sĩ Trưởng của Trại Barkeley gọi trường hợp của George Ritchie sống lại là một trong những sự lạ lùng và ly kỳ nhất chưa từng bao giờ có. Trong một bài đã được kiểm chứng, Bác Sĩ Francy viết như sau:

“Bệnh nhân George Ritchie đã chết hẳn rồi lại sống lại rất mạnh khoẻ là một trường hợp chưa từng có. Điều đáng lưu ý là một người bị bệnh tim, khi tim ngưng đập có thể dùng cách này hay cách khác để làm tim đập lại. Nhưng trường hợp của George Ritchie với bệnh sưng phổi, cơ thể đã bị nhiễm độc, các cơ quan trong người đều bị phá hủy thì việc làm cho trái tim đập lại không thể thực hiện được. Hơn nữa, George Ritchie đã chết ít nhất là 9 phút, thì bộ não hư hỏng không thể toàn vẹn được.”

Bây giờ là khoảng thời gian sau khi George Ritchie đã được xác nhận là thực sự chết nhưng anh cảm thấy tinh thần tỉnh táo thấy mình như trong một thân xác vật vì khác lạ được chuyển đến một căn phòng nhỏ trong lúc tình trạng trở nên nguy kịch. Lúc này khoảng nửa đêm. Ý nghĩ đầu tiên của anh là phải đi chuyển xe buýt sáng sớm để tới Trường Y Khoa tại Richmond để kịp dự lễ khai giảng khóa mới. Nhưng lạ lùng thay! Quần áo của anh đâu rồi? Anh tìm khắp nơi trong phòng. À! có lẽ ở dưới giường chăng?

“Tôi đi vòng quanh, rồi lạnh cứng. Có người nào đó đang nằm trên giường tôi kìa! Tôi lại gần, đó là một người đàn ông còn trẻ, tóc màu nâu cắt ngắn, nằm ngay đơ. Nhưng... không thể như thế được! Chính tôi vừa ra khỏi cái giường này mà. Tôi thắc mắc, khó hiểu sự kỳ lạ này. Thật là quá lạ lùng nghĩ đến việc này - nhưng không còn thì giờ nữa!”

Anh phải đi tìm người phụ trách nơi đây để lấy lại quần áo. Ritchie trông thấy một trung sĩ đang đi ngoài hành lang, anh chặn lại và yêu cầu ông ta giúp đỡ. Nhưng người này không thấy anh và cũng không nghe thấy anh nói cứ tiếp tục đi thẳng khiến anh phải tránh ra nhường lối cho ông ta đi.

Nóng lòng tới Trường Đại Học, Ritchie ra khỏi bệnh viện rồi bay theo hướng bắc về Richmond với một tốc độ nhanh chóng. Anh phân vân không biết đi có đúng đường không.

“Một con sông rộng ở dưới tôi. Tôi thấy có một cái cầu dài, cao và tít đằng xa bên kia sông có một hành phố lớn mà tôi chưa bao giờ đến cả. Tôi muốn đáp xuống kiếm người hỏi thăm. Tôi từ từ ngưng lại, ngay dưới tôi có hai con đường chập lại làm một và tôi bị cuốn hút bởi một luồng ánh sáng xanh chiếu ra từ một bảng hiệu gắn đèn nê-ông của một tòa nhà có mái ngói đỏ. Tấm bảng hiệu “Past Blue Ribbon Beer” treo ngay trên cửa sổ và trước nhà bảng hiệu “Cafe” lơ lửng trên cửa ra vào...”

Trên con đường nhỏ dẫn vào quán Cafe bán đêm này, có một người đang rào bước. Tôi bèn xuống đi bên cạnh và hỏi:

“Làm ơn cho tôi biết đây là thành phố nào?”

Ông ta vẫn tiếp tục đi thẳng... Chúng tôi tới quán Cafe. Ông ta xoay tay nắm cửa bước vào. Có lẽ Ông ta bị điếc hử? Tôi lấy tay trái đập lên vai của Ông ta. Không có gì cả mà hình như tay tôi vừa để vào khoảng không. Rõ ràng tôi thấy ông ta mà, tôi còn nhận ra ông ta có một chòm râu đen ở cằm cần phải cạo đi nữa.”

Mọi suy nghĩ Ritchie tựa hẳn vào một người đàn ông đang mắc dây điện thoại ở kế bên và đi xuyên qua.

Trước khi đi đến phần kế tiếp, chúng tôi thấy cần phải báo cáo là, một năm sau đó, bất ngờ Ritchie đã khám phá ra tên của thành phố này. Trên đường trở về trại Barkeley trước khi đi công tác tại Âu Châu, Ritchie cùng những người bạn sinh viên y khoa đi xe hơi về trại. Đến ngày thứ ba họ tới Tiểu Bang Missisipi, một Tiểu Bang mà chưa bao giờ Ritchie đặt chân tới cả. Khi đến vùng ngoại ô của Vicksburg, Ritchie đã tả lại như sau:

“Thành phố này tuy xa lạ nhưng hình như rất quen thuộc. Tôi đã biết rõ từng nét cong của bờ biển, từng khúc rẽ đường. Nơi đó, tôi biết rõ đường phố như thế nào! Tôi biết chắc chỉ còn một con đường ngắn là tôi có thể đến ngôi nhà trắng có mái ngói đỏ, có chữ Cafe bằng nê-ông gắn trên cửa ra vào. Khi xe tới gần tôi nhận được ra con đường nhỏ mà tôi đã cùng một người không nhận ra tôi đi tới quán này. Cũng còn cả cột điện thoại mà tôi đã đứng ở đó rất lâu... bao lâu? Giờ nào, ngày nào với loại thân hình nào?”

Trong cơn thoát xác, Ritchie cảm thấy đi Richmond thật phù phiếm không ai thấy và nghe được anh cả.

“Nếu tôi có trở về gia đình thì cũng chẳng ai thấy tôi? Ý tưởng cô đơn xâm chiếm tôi, dù sao tôi cũng phải về ngay nơi mà mọi người thấy tôi và nghe được tôi chứ.

Rồi George Ritchie nghĩ đến cái xác hãy còn đang nằm tại bệnh viện. Ritchie đã vội vàng quay trở về bệnh viện tại Trại Barkeley. Tới nơi Ritchie đã phải xục xạo tìm lại cái xác nằm tại một trong hai trăm căn phòng của 5 ngàn binh sĩ đang ngủ. (Lúc đó Trại Barkeley có 250 ngàn khóa sinh)

Đèn không được sáng, thật khó khăn mới nhìn được mặt họ. Cả giờ rồi, đã toát cả mồ hôi, qua hết phòng này đến phòng khác mà vẫn không kết quả. Đột nhiên anh nhớ ra! Tay trái anh có đeo một cái nhẫn hội viên Phi Gamma Delta. Và tiếp tục tìm kiếm, anh đã tìm được cái xác một người đàn ông trong một căn phòng nhỏ, phủ một tấm chăn và tay trái có đeo chiếc nhẫn.

“Tôi tiến lại từ từ, mắt dán chặt vào cái bàn tay đeo nhẫn. Tôi khiếp hãi. Dưới ánh đèn mờ ảo, tôi thấy bàn tay đó thật trắng và thật mềm. Trước đây, tôi đã nhìn thấy bàn tay này ở đâu rồi nhỉ? Tôi đã nhớ ra: Cha Dabney nằm trong phòng khách Moss Side. Tôi lúi lại gần cửa ra vào. Người nằm trên giường đã chết. Tôi cảm thấy khó chịu như trước đây tôi đã phải ở chung với người chết trong một phòng... Nhưng... cái nhẫn là của tôi mà, vậy chính là tôi mà - vậy thì một phần của tôi nằm trên cái giường này, phủ bởi tấm chăn. Vậy có nghĩa là tôi đã... Đó là lần đầu tiên tôi đã trực nhận đến chữ chết” liên quan đến những gì đang xảy ra cho tôi. Nhưng tôi chưa chết mà - sao tôi có thể chết trong khi tôi vẫn còn thức đây? Tôi

bấu vào tấm chăn, cố gắng kéo xuống để mắt tôi nhìn được phía ngoài. Nhưng vô ích, tất cả các cố gắng của tôi cũng không đủ để tạo một cơn gió nhẹ thoảng qua căn phòng im lặng nhỏ bộ này. Sau cùng thất vọng tôi ngồi xuống giường. Tôi nghĩ: Tôi đã thoát ra khỏi xác nên không tiếp xúc lại được. Đây là chính là lúc tôi cảm thấy da thịt tôi và tôi (hình hài và linh hồn) ở hai hành tinh riêng biệt.”

Chợt George Ritchie thấy trong phòng tự nhiên sáng hẳn lên. Anh nhìn vào cái bóng đèn 15 watts và chắc chắn cái bóng đèn này không thể sáng đến thế được!

“Tôi ngạc nhiên thấy ánh sáng càng ngày càng rúc lên ở trong phòng, tất cả các bóng điện trong bệnh viện thấp lên cũng không thể sáng như thế, tất cả những ngọn đèn trên thế giới cũng không thể sáng như thế, sáng như cả triệu ngọn đèn dùng để bàn cùng cháy lên một lúc.”

Bây giờ George Ritchie nhận thấy không phải là ánh sáng mà là một người đang bước vào phòng, nói đúng hơn là một Người được làm bằng ánh sáng.

“Con Người này đã tỏa ra sức thần thông của chính mình xưa hơn cả thời gian và hiện đại, hơn bất cứ ai mà tôi đã được gặp.”

Người này đã nhìn thấy suốt cuộc đời của anh.” Người này đã biết đến cả những gì khó ưa trong tôi, Người đã chấp nhận và thương yêu tôi”.

Người này đã hỏi anh: “Anh đã làm được những gì trong đời?” Câu hỏi được nhắc đi nhắc lại nhưng anh lẩn tránh. Cuối cùng là anh cũng phải trả lời là chẳng làm được gì trong suốt cuộc đời.

Không thể nào trong một vài chương mà có thể kể hết được. Con Người Thiên Thể này đã dẫn dắt Ritchie đi; sau này Ritchie gọi là “Một Cuộc Kinh Lý Giáo Dục”. Ritchie đã được dẫn đến thế giới thiên thể ở tầng trời cao nhất. Ở thế giới thiên thể này Ritchie đã nhìn thấy cảnh các linh hồn đam mê nhục dục Những người nghiện rượu được kéo ra khỏi các quán rượu, các quán cà phê và đây là địa ngục của họ: Những người nghiện rượu trông thấy người khác đang uống mà không được động đến cái ly. Ritchie nhìn thấy những người khác vì say mê

ái dục mà trở thành bất lực. Đây là địa ngục của họ, Ritchie đã nhìn thấy những người tự tử vì thất vọng. Ritchie cũng được dẫn đến thăm một văn phòng mà người thoát xác đang la hét và bắt người làm phải thi hành công việc như thế nào nhưng các người làm này đâu còn tuân lệnh nữa. Đây là ông chủ đã quá cố của Ritchie.

Tuy đã được Southern Baptist (một tông phái Tin Lành) dạy dỗ nghiêm khắc Ritchie cũng vẫn thấy giạt mình. Anh thấy Anh đang ở trong một Thư Viện Vĩ Đại có nhiều cuốn sách nói về vũ trụ mà chưa ai viết - và cuốn Thánh Kinh chỉ là một mà thôi.

Khi được đưa tới tầng trời thứ ba thì Ritchie bị ngất ngậy bởi vô lượng ánh sáng của người Đồng Hành Thiên Thể mà sau này Ritchie nghĩ là Đấng Tối Thượng, Tối Cao hơn cả. Đó là Đức Chúa Christ với người Thiên Chúa Giáo - Đức Phật với người Phật Giáo - Khrisna (Phạm Thiên) với người Ấn Độ Giáo - Messiah Giáo Chủ với người Do Thái Giáo - Có lẽ tất cả đều đúng.

Đã đến lúc phải trở về với nhiều nuối tiếc. “Những bức tường đã ngăn chặn chúng tôi. Những bức tường rất hẹp như những cái hộp; rồi trong khoảnh khắc tôi nhận ra được cái phòng của bệnh viện mà tôi đã bỏ đi trong một thời gian”. Anh cố gắng nhập vào cái xác đang nằm trên giường, Anh cố gắng mở mắt nhưng không sao mở mắt được vì bị tấm chăn phủ mắt. Anh muốn đỡ hai tay nhưng không thể được và cảm thấy như đang nâng hai thanh sắt nặng. Anh chậm chạp xích hai bàn tay lại gần nhau và xoay cái nhẫn vài lần.

Rồi đầu óc Ritchie lại mờ đi. Ritchie lại rơi vào tình trạng hôn mê và hình như lại chết một lần nữa. Chính sau này thân xác anh cử động được nhưng đầu óc anh vẫn mê man mất 3 ngày. Lần này khi mở mắt ra anh nhìn thấy cô y tá đang nhìn anh mỉm cười và nói: “Thật vui mừng ông đã trở lại với chúng tôi, đã có lúc chúng tôi tưởng không thành công”.

Sau này Ritchie được biết khi người trông nom bệnh viện trở lại để sửa soạn đưa Ritchie vào nhà xác thì đôi tay anh đã được đổi vị trí. Nguyên lúc Bác Sĩ khám nghiệm phủ mặt Ritchie, đặt hai cánh tay thẳng và để đôi bàn tay úp xuống. Nhờ vậy Ritchie đã nhìn thấy cái nhẫn của mình. Nhận thấy có

sự thay đổi (đôi tay không ở vị trí có) người trông nom (binh nhì) vội cấp báo Bác Sĩ. Sau khi khám nghiệm lại cẩn thận, vị Bác Sĩ đã một lần nữa tuyên bố Ritchie đã chết hẳn.

Tuy nhiên người trông nom bệnh viện này không thừa nhận lời tuyên bố của Bác Sĩ đề nghị: “Có thể chích một mũi Adrenalin vào thẳng tim cho Ritchie sống lại”. Về việc này, George Ritchie đã nhận xét như sau: “Việc này không thể có được, thứ nhất là vì một người binh nhì đâu có thể tranh cãi với cấp sĩ quan chỉ huy của mình, hơn nữa lại là một bác sĩ chuyên môn có bằng cấp, thứ hai lời đề nghị của người trông nom trên phương diện y khoa chuyên môn thật là lố bịch và buồn cười. Bệnh sung phổi đã làm tê liệt tất cả các bộ phận trong cơ thể việc tiêm thuốc kích thích tim không thể chấp nhận được. Về trường hợp của tôi, bất cứ một nhà y khoa nào cũng không thể làm gì hơn được. Ấy thế mà đề nghị cho một người đến cạnh chừng của người trông nom bệnh viện với Bác Sĩ cho rằng việc này không hữu lý đã được chấp thuận và đề nghị này lại thành công!

Thời gian bình phục thật là khó khăn. Khi trở về Richmond, Ritchie chỉ như một bộ xương, không ai có thể tin được Ritchie có thể theo học lớp y khoa. Phải mất đúng một năm Ritchie mới hoàn toàn bình phục. Sau đó Ritchie được chuyển trở lại Trại Barkeley và được gửi sang phục vụ một đơn vị ở Âu Châu. Khi chiến tranh kết liễu, Ritchie đã tiếp tục học lại, đậu Bác Sĩ và đã trở thành một Bác Sĩ chuyên khoa về tâm trí.

Bác Sĩ George Ritchie đã viết như sau:

“Khi tôi xin vào nội trú tại Đại Học Đường Virginia, một người bạn đã khuyên tôi đừng nên cho Ban Tuyển Chọn biết chuyện tôi đã xuất hồn vì những người chấm điểm có thể nghi ngờ tôi. Người đầu tiên phỏng vấn tôi là Bác Sĩ Wilfred Abse, Giáo Sư Ngành Phân Tâm Học, Tâm Lý Học thuộc Viện Tâm Trí và là một trong những người đứng đầu trong Ngành Phân Tâm Học tại Virginia. Ngay khi bước vào phòng Bác Sĩ Abse đã nói với tôi:

“Tốt, này Bác Sĩ Ritchie hình như Ông đã được gặp Chúa Christ. Tôi tưởng rằng cơ may của tôi đã bị ném qua cửa sổ. Bác Sĩ Abse là người Do Thái, một người nghiên cứu về triết

học Freud. Ông ta đã trực tiếp phỏng vấn tôi. Tôi đã nói hết sự thực và không dấu diếm chút nào về việc xảy ra tại Trại Barkeley, Texas.

Không thể ngờ được hai tuần lễ sau cuộc phỏng vấn tôi nhận được thư thông báo Ban Tuyển Chọn đã chấp nhận tôi vào nội trú và tôi đã trở thành một Bác Sĩ về tâm trí.

Những năm sau này, Bác Sĩ Abse trở thành người bạn thân của tôi. Trong một câu chuyện giữa chúng tôi, Bác Sĩ Abse đã cho biết: “Mọi người nơi đây đều biết rõ câu chuyện xuất hồn của Anh; nếu trong cuộc phỏng vấn Anh dấu diếm thì tôi đã không chọn Anh vì cho Anh là một người không có tinh thần vững vàng, một người như vậy ắt hẳn không thể phân biệt đâu là sự thật, đâu là ảo tưởng.”

Cũng tại Bệnh Viện này, Bác Sĩ George Ritchie đã tiến tới chức vụ Viện Trưởng Viện Tâm Trí.

-ooOoo-

-2-

MỘT NGƯỜI NÔ LỆ DA ĐEN MÙ LÒA TRỞ THÀNH NHẠC SĨ LỪNG DANH

Tác Giả: Sylvia Cranston và Carey Williams

Chú mù Tom sanh năm 1849 tại Georgia, Hoa Kỳ trong thời kỳ chế độ nô lệ còn đang mạnh mẽ. Là một người da đen, chào đời vào thời này, lại bị tàn tật ngay từ lúc mới sanh, thật là một bất hạnh!

Trong một tạp chí, Webb Garrison đã viết một bài với tựa đề “CHÚ MÙ TOM VÀ SỰ HUYỀN BÍ CỦA ÂM NHẠC”. Ông đã ghi như sau:

“Hầu hết mọi nông dân tại Georgia trong một trăm năm qua đã đặc biệt chú ý đến việc thương mại nô lệ. Trong đó có Perry H. Oliveer ở Quận Moscogee. Bởi thế khi người nô lệ da đen của ông sanh ra một đứa con trai mù thì tự nhiên ông phải thất vọng vô cùng. Ít lâu sau trong một cuộc đấu giá nô lệ, ông đem bán người mẹ cho Tướng James Bethune ở Columbus, Georgia. Sau đó ông mới đem thằng nhỏ da đen bị mù ra khỏi nơi dẫu và nói rằng: “Tôi quên không cho Ngài biết người đàn bà nô lệ này còn đứa con trai. Tôi đồng ý cho không đứa nhỏ

này” (Theo Coronet, tháng 7 năm 1952). Người mẹ đáng thương cùng đưa con trai mù 1 tuổi đau lòng từ bỏ căn nhà và bạn bè để về làm nô lệ cho người chủ mới xa lạ. Tướng James Bethune đặt tên cho đứa trẻ là Thomas Green Bethune, nhưng cả thế giới này chỉ biết Chú là “Chú Mù Tom”. Trong cuốn tiểu thuyết nổi tiếng “My Antonia” bà Willa Cather đã thuật lại cuộc đời của Chú mà bà gọi là Người Mù Arnault.

Trong nhiều bài tường thuật về sự kỳ diệu này, bài có giá trị nhất là bài của Bà Ella May Thornton, Quản Thủ Thư Viện Georgia, 1 Quản Thủ được xếp vào hàng danh dự của các Tiểu Bang. Đó là Bài “Sự Huyền Bí Của Chú Mù Tom” của Bà đăng trong tập “The Georgia Review” xuất bản mùa đông năm 1961. Sau đây là một đoạn:

“Lúc Tom còn nhỏ đang phải bồng trên tay thì Tom đã tỏ ra rất nhạy cảm trong bất cứ một tiếng động nào và đặc biệt về âm nhạc. Tất cả những người trong giòng họ Tướng James Bethune lúc bấy giờ phần đông đều thông minh, học thức và giàu lòng từ thiện đều công nhận tài năng khác thường của đứa bộ da đen này.

Khả năng kỳ diệu về âm nhạc được khám phá khi chú Tom mới lên 3 tuổi. Vào một buổi chiều trên thềm ngôi biệt thự, thành linh giọng của Chú vang lên hòa ca với giọng hát của các ái nữ Tướng Bethune. Không những Chú đã ca phần êm dịu ở phần đầu bản nhạc nhưng phần thứ hai mới là khó hát nhất... Thế mà Chú đã trọn vẹn hát hết bản nhạc một cách tài tình không gượng gạo.

Cuộc trình diễn bất ngờ lần sau vào năm Chú lên 4 tuổi, cũng vào một buổi chiều các thiếu phụ trẻ tuổi sau khi đã chơi dương cầm mấy tiếng đồng hồ tản mát quanh biệt thự. Bỗng nhiên họ được nghe lại những bản nhạc mà họ đã chơi từ lúc đầu. Mọi người vội vã trở về phòng khách, họ sững sờ thấy một chú Mọi đen nhỏ xíu đang say sưa dạo nhạc trên đàn dương cầm với những bản mà chú vừa được nghe.

Trước đây không một ai trong gia đình Tướng Bethune cho phép Chú Tom được chạm vào cây đàn. Ella May Thornton còn nhấn mạnh thêm: “Một đứa trẻ nô lệ mà đánh đàn dương cầm thì làm sao có thể dẫu nổi một gia đình đông đúc như gia đình Tướng Bethune!”.

Tạp chí Nghiên Cứu về âm nhạc xuất bản Tháng 8 năm 1940 đã ghi nhận như sau: Ngay khi bắt đầu chơi dương cầm, Chú đã biết sử dụng các phím đàn trắng và đen, Như vậy chứng tỏ Chú đã từng hiểu biết về dương cầm của âm nhạc Tây Phương. Các phím đàn dương cầm sắp xếp không như nốt thường mà do óc sáng chế kỳ diệu của một người có biệt tài về âm thanh. Thật khó sử dụng đối với một đứa trẻ bị mù và chưa từng được ai chỉ dẫn huấn luyện. Bà Thornton nhấn mạnh: “Chú có thể chơi các bản nhạc cổ điển nổi tiếng một cách thành thạo, khác hẳn những người chơi đàn bằng tai thường thấy. Chú Tom đã dùng các ngón tay mình một cách rất chính xác nhà nghề. Cho nên năm 1862, một chuyên viên điều luyện về âm nhạc nói là Chú Tom chơi đàn giỏi được như vậy, chắc hẳn phải được học ở Nhà Trường “. Mặc dù thân kinh Chú Tom hoàn toàn bị giới hạn nhưng nếu cho Chú vào học tại các Trung Tâm dành cho các trẻ em chậm phát triển thì thật sai lầm. Chú Tom có một bộ óc điện tử có thể ghi và trình tấu lại các bản nhạc dù mới chỉ nghe có một lần. Với khả năng siêu việt Chú có thể lập lại chính xác một bản nhạc mới dài 20 trang. Ngoài ra Chú Tom còn có khả năng sáng tạo nữa. Bà Thornton nhớ lại “Thời bấy giờ ở Columbus, Georgia có rất nhiều giáo sư âm nhạc; trong đó có giáo sư Carlo Patti, anh của Bà Adelina. Tướng Bethune đã nhờ Giáo Sư Patti chỉ dạy thêm nhạc cho Chú Tom. Chính Giáo Sư là người đã từng dạy nhạc cho các ái nữ của Tướng Bethune, nhưng ông từ chối và nói như sau: “Tôi không thể chấp nhận lời yêu cầu, Thế giới chưa bao giờ thấy được một sự lạ như thế ở một người da đen, và từ xưa tới nay chưa từng thấy một hiện tượng nào như thế. Tôi không thể dạy cho Chú thêm một chút gì nữa, tầm hiểu biết của Chú về âm nhạc còn hơn cả chính tôi đã biết và đã học - trường hợp thần đồng này quả là một ngoại lệ và sự việc này đã biến thành một hiện tượng hữu hình. Tôi không thể hiểu nổi. Tất cả những gì tôi có thể giúp Chú ấy là cho Chú ấy nghe những bản nhạc hay và chính Chú ấy sẽ tự ghi lại và tự tấu được không cần sự hướng dẫn hay chỉ bảo của tôi.”

Vào lúc 8 tuổi Chú bắt đầu trình diễn các bản hòa tấu trước công chúng. Lúc 12 tuổi, trong cuộc Chiến Tranh Nam Bắc, Chú Tom trình diễn tại Nữ Ước trong một cuộc hòa tấu ngày 19 Tháng Giêng năm 1861. Trong cuộc Chiến Tranh Nam Bắc này, Chú đã trình diễn rất nhiều lần tại các thành phố sau chiến

tuyển của cả hai phe bảo thủ và thống nhất. Hàng ngàn binh sĩ cả hai phe lâm chiến đã được dự thính nghe Chú trình diễn. Một số khán giả này đã tường thuật lại một cách thích thú và trung thực về tài năng của Chú trong các Nhật Ký, Tùy Bút, Phỏng Vấn xuất bản trên các báo chí sau đó. Năm 1866 và năm 1867, Chú đã đi trình diễn tại các Quần Đảo thuộc Anh Cát Lợi, tại Lục Địa và trên khắp nước Mỹ. Chú đã trình diễn tại Tòa Bạch Ốc và chính Chú điều khiển buổi trình diễn này.

Chú Tom không bị giới hạn về một loại nhạc nào cả, Chú có thể trình diễn Nhạc Khúc của Beethoven, Mendelssohn, Bach và Chopin và cũng có thể chơi các bản nhạc bất luận về loại gì.

Nguồn cảm hứng đến với Chú trong lúc Chú ngồi dạo dương cầm khiến cho Chú sáng tác được những bài ngẫu hứng cùng những bản trường ca bất hủ có tới cả nghìn bản. Các sáng tác với âm điệu tuyệt vời cùng những lời nhạc rất hay có thể nói lên Chú Tom đã nắm được trọn vẹn khoa học và kỹ thuật về âm điệu nhạc lý. Chỉ có thể cho rằng tất cả các yếu tố tạo thành sức mạnh âm nhạc đó đã có sẵn trong con người Chú Tom.

Ella May Thornton đã kết thực bài tham cứu bằng một câu hỏi: “Một câu được đặt ra để hỏi các Nhà Tâm Lý Học, các Nhà Vật Lý Học, các Nhà Khoa Học cùng các Chuyên Gia về Âm Nhạc có thẩm quyền có thể giải thích về trường hợp này của Chú Tom không? Sau một thời gian nghiên cứu tôi đã không tìm được câu trả lời. Chỉ có thể giải thích được đó là Luân Hồi và người ta đã kết luận rằng ở một thời điểm nào đó, ở một nơi nào đó, ở một kiếp nào đó Chú Tom đã là một nhà nhạc sĩ siêu đẳng.”

Sự hiện diện của Chú Mù Tom ở Âu Mỹ đã có một ý nghĩa đặc biệt. Trong giai đoạn cuối cùng của chế độ mọi nô người da đen tại Hoa Kỳ, Chú Mù Tom đã chứng tỏ cho hàng triệu khán thính giả trên thế giới biết rằng một người nghèo, bị khinh rẻ, bị coi là chậm tiến, một người da đen thất học đã làm nên sự nghiệp vĩ đại mà không một người da trắng nào dù tài giỏi đến mấy nữa cũng không làm được. Phải chăng tài năng này Chú đã có từ kiếp trước? Cho nên các giáo sư đã tìm được sự giải thích, đó là Luân Hồi. Tương tự như thế trường hợp

của Bà Sơ Teresa, một Tu Sĩ Ky-Tô-Giáo, Giáo Sư Mỹ Thuật tại Chung Viện Brooklyn, có mặt trong một buổi thuyết trình về luân hồi của Hội Thanalogy Foundation tại Đại Học Đường Columbia, được hỏi bởi một học sinh rằng có phải những nét vẽ điêu luyện của Sơ là do sự huấn luyện và thực hành sau nhiều năm kinh nghiệm mà có phải không? Sơ Teresa đã xác nhận là do tiền kiếp của Sơ mà có.

Trong những chuyện luân hồi do Tiến Sĩ Ian Stevenson điều tra đã chứng minh được có luân hồi nên con người đã có những khả năng đặc biệt, điều mà những khả năng đến với con người từ lúc nào và phát triển từ bao giờ chúng ta không phát hiện được. Ian Stevenson đã nêu lên thí dụ: “Trong hiện kiếp chúng ta biết đi đứng nhưng không ai có thể nhớ lại chúng ta đã biết tự lúc nào. Con người tuy không nhớ được những gì ở tiền kiếp song những tài năng và những cá tính đặc biệt ở kiếp trước đã là các chất liệu cho chúng ta trong kiếp này.”

-ooOoo-

-3-

BÀ SHAKUNTALA DEVI, MỘT NHÀ TOÁN HỌC ĐẠI TÀI

Tác Giả: Sylvia Cranston và Carey Williams

Bà Shakuntala Devi, Nhà Toán Học Thần Đồng này đã được cả Quốc Tế công nhận và biết đến. Bà là người sanh trưởng tại Ấn Độ. Bà đã du hành qua nhiều nước trên thế giới và đã làm cho các nhà toán học sửng sốt ngỡ ngàng với tài năng xuất chúng của Bà.

Bà đã tìm được đáp số của các bài toán còn nhanh hơn cái máy điện tử tối tân nhất. Trong chuyến du hành sang nước Mỹ năm 1977, tài nghệ siêu việt của Bà đã được các báo chí ca ngợi. Bà đã được US National Standard trao giải thưởng Univac 1108 vì tính được 23 căn số của 201 con số trong 50 giây. Tên Bà đã được ghi trong cuốn Guinness Book of World Records (Cuốn Sách Ghi các Thành Tích Kỷ Lục Trên Thế Giới). Bà có thể tính nhanh hơn máy điện tử mà không phải chuẩn bị trước. Muốn được như Bà, máy điện tử cần phải có 13,466 chỉ dẫn và 4,883 dữ kiện. Nếu nói là may mắn, theo máy điện tử thì kết quả sự may mắn đó là 1 trong 598 triệu lần.

Tài năng của Bà đã được khám phá khi Bà mới lên 3 tuổi. Lúc ấy cha mẹ Bà thấy Bà có tài năng kỳ lạ về những con số nên đã đem Bà đến Học Viện Địa Phương để tìm hiểu. Trước mặt các vị Giáo Sư của Đại Học Đường Bangalore, Bà đã chứng tỏ tài năng phi thường qua những đáp số về Logarithms (Đôi Số) về căn số của con số phức tạp và về tổng số chỉ trong ít phút. Tên tuổi của Bà đã trở nên lừng lẫy. Học vấn của Bà chỉ ở mức trung bình nhưng Bà cho biết: “Tôi rất thích các con số và say mê các con số, mọi sự trên đời dù là nghệ thuật, khoa học hay triết lý, tất cả đều căn cứ trên những con số”. Khi còn nhỏ tuổi, tài năng phi thường của Bà được coi như thiên phú và Bà cứ tưởng rằng tất cả mọi người đều giống như Bà nghĩa là cũng có tài như Bà về toán học và Bà đã ngạc nhiên vô cùng khi thấy sự thực không phải như vậy.

Người ta đặt câu hỏi: Bà du lịch vòng quanh thế giới để phô trương tài năng của Bà mục đích để kiếm tiền phải không? Không phải như vậy.

Ngày 3 Tháng 1 Năm 1974, tờ báo Ottawa Citizen phỏng vấn Bà với tựa đề: “NGƯỜI ĐÀN BÀ TÍNH TOÁN GIỎI BẬC NHẤT TRÊN THẾ GIỚI”. Bà nói: “Tôi tin rằng những thành tích của loài người là quan trọng nhất, điều đó chứng tỏ con người vẫn còn siêu việt hơn máy móc. Thế giới còn chưa hiểu hết được khả năng của trí tuệ con người, nó vô cùng tận, tôi đã chứng tỏ cái khả năng ấy”.

Trong một cuộc phỏng vấn khác trên Đài Vô Tuyến Truyền Hình tại Ottawa của chương trình “This Day” (Ngày Nay) để trả lời câu hỏi tại sao Bà lại có tài năng đặc biệt đó, Bà cho biết người Ấn Độ giải thích là bởi sự “LUÂN HỒI”, kiếp trước Bà ở Ai Cập. Điều không thể chối cãi là đã có rất nhiều các nhà toán học kỳ tài trên đất nước của các vị Pharaohs (Những nhà Vua nổi tiếng Ai Cập). Kim Tự Tháp Cheops (Một kỳ quan trên thế giới) với lối kiến trúc hoàn toàn dựa trên căn bản toán học phức tạp đến nỗi các điều tra viên, 1 thế kỷ qua đã cố nặn óc mà vẫn chưa tìm được hết mọi bí ẩn.

-ooOoo-

-4-

CÔ BÉ BLANCHE BATTISTA

Tác Giả: Sylvia Cranston và Carey Williams

Câu chuyện Luân Hồi này do Bác Sĩ người Anh Raynor Johnson điều tra và chính Bác Sĩ Johnson đã giới thiệu gia đình Battista với Mục Sư Tiến Sĩ Leslie Weatherhead, Cựu Chủ Tịch Hội Methodist Conference Anh tại Melbourne, Úc Đại Lợi. Tiến Sĩ Weatherhead đã kể lại trong một bài thuyết giảng về đề tài: “Một Trường Hợp Luân Hồi”.

Đại Úy Battista và vợ, đều là người Ý có sanh một người con gái tại La Mã và đặt tên là Blanche. Đại Úy Battista có mướn một người vú em Thụy Sĩ nói tiếng Pháp tên Marie để trông nom Bé Blanche. Marie thỉnh thoảng dạy bộ Blanche bài hát ru con bằng tiếng Pháp. Bé Blanche rất thích bài này thường hát đi hát lại mỗi ngày nên thuộc lòng. Chẳng may Bé Blanche bị chết nên Marie phải trở về Thụy Sĩ.

Đại Úy Battista viết: “Tiếng hát Ru con từ nay đã im bật trong gia đình nhưng âm vang của nó vẫn nhắc nhở chúng tôi nỗi đau buồn về cái chết của đứa con nên chúng tôi cố tránh không nghĩ đến các kỷ niệm.”

Bé Blanche chết được 3 năm, người mẹ, Bà Signora Battista mang thai. Lúc thai được 4 tháng, Bà đã thấy một giấc mơ lạ lùng trong lúc nửa tỉnh nửa mê, Bà cả quyết thấy rõ ràng Bé Blanche hiện ra và nói với Bà bằng giọng quen thuộc như hồi nào: “Mẹ ơi con sẽ trở về với mẹ”. Rồi Bé Blanche biến mất. Đại Úy Battista hoài nghi, nhưng đến tháng 2 năm 1906, vợ ông sanh một bộ gái và ông cũng đặt tên cho đứa con gái này là Blanche. Đứa con mới sanh giống hệt như đứa con gái trước.

Chín năm sau cái chết của đứa con gái đầu, khi đứa thứ hai được 6 tuổi thì một việc bất ngờ đã xảy đến. Đây là lời của ông:

“Trong khi tôi và vợ tôi đang ở trong phòng đọc sách kế cận phòng ngủ thì cả hai chúng tôi đều nghe thấy giọng hát ru con bằng tiếng Pháp văng ra từ phòng ngủ của đứa con gái chúng tôi đang ngủ. Lấy làm lạ chúng tôi liền vào xem thì thấy con gái chúng tôi đang ngồi trên giường và hát bài ru con với một giọng Pháp rất tự nhiên. Bài hát này chưa được ai trong chúng tôi dạy cho con gái cả. Vợ tôi hỏi con đang ca bài gì đó

thì nó trả lời đang ca bài hát bằng tiếng Pháp. Tôi liền hỏi: “Ai dạy con bài hát hay vậy?” Nó đã trả lời: “Không ai dạy con cả, bài hát này đã có sẵn trong đầu óc của con”.

Blanche, người con gái Ý Đại Lợi, khi luân hồi đã báo cho mẹ biết là sẽ trở lại và Blanche hãy còn nhớ bài hát bằng tiếng Pháp mà trước Blanche đã được Marie, người trông nom em dạy em ở tiền kiếp.

-ooOoo-

-5-

“LÀ MỘT QUÂN NHÂN, TÔI CHIẾM CỬA THÀNH”

Tác Giả: Sylvia Cranston và Carey Williams

Câu chuyện sau đây được giải thưởng hạng nhất trong một cuộc thi toàn quốc với chủ đề: “Một sự trùng hợp lạ lùng mà tôi biết”.

Cuộc thi này do Tạp Chí “The American Magazine” tổ chức và câu chuyện được đăng trong Tháng Bảy Năm 1915. Dù chỉ là một sự trùng hợp hay một sự gì khác nữa, độc giả có thể tự mình phán xét lấy. Người kể lại chuyện này là một thiếu phụ tại Minneapolis.

Nội dung của câu chuyện ngắn có thực này rất đơn giản nhưng rất giá trị vì được ghi lại trung thực từ nhiều năm qua, tài liệu lịch sử hiện còn lưu trữ là những bút tích hiện hữu đã chứng minh cụ thể.

Người đàn bà đáng tin cậy nhất kể lại câu chuyện ấy như sau:

“Anne, cô em gái cùng mẹ khác cha của tôi nhỏ hơn tôi 15 tuổi là một đứa bộ kỳ quặc ngay từ tám bộ. Nó không giống một ai trong gia đình, da nó ngăm ngăm trong khi mọi người khác đều trắng trẻo dòng dõi thừa hưởng Tô Cách Lan - Ái Nhĩ Lan của cha ông.

“Ngay khi biết nói rành rẽ, nó thường kể những câu chuyện hoang đường về nó. Vì thấy khá ngộ nghĩnh, tôi đã dùng bút chì ghi lại những điều nó nói trong nhật ký của tôi. Tôi có bốn phen phải trông nom nó - mẹ tôi rất bận rộn - và tôi rất hạnh diện về bà. Ở một đứa trẻ như nó không thể nào có

được những câu chuyện hoang đường, với lại cái trí óc non nớt của nó làm sao có thể hiểu được những việc đại loại như thế.

Điều đáng nói nữa là tất cả mọi việc nó làm đều như một thói quen; nó chẳng bao giờ giải thích là tại sao nó lại làm như vậy. Nếu bạn nhìn cách thức nó cầm ly sữa lên và uống một hơi cạn ly sữa thì bạn sẽ không khỏi ngạc nhiên và bật cười vì nó mới có 3 tuổi đầu.

Những việc như thế làm mẹ tôi khó chịu và bà thường quở trách nó. Là một đứa trẻ ngoan, cố gắng vâng lời, nhưng rồi sau đó lại đầu vào đó.

“Mẹ à! Con không thể làm hơn thế được, từ trước đến nay con vẫn làm như vậy mà”. Nó nói với mẹ tôi bằng giọng trẻ thơ pha nước mắt.

Quá nhiều việc xảy ra do thói quen về cách ăn nói, cách suy nghĩ và cách hành động của nó nên cuối cùng chúng tôi không để ý đến nữa và cho nó là một đứa trẻ hoàn toàn khác hẳn những đứa đồng tuổi.

Năm nó lên 4 tuổi một hôm cha tôi làm nó phẫn uất điều gì đó, nó tức mình ngồi ngay dưới đất trước mặt chúng tôi và bảo rằng nó có ý định đi xa.

” -Trở về thiên đường, nơi con từ đó đến đây hả?” Cha tôi châm biếm hỏi. Nó lắc đầu

“-Con không đến với Cha từ thiên đường”. Nó bình thản xác nhận. Thái độ này vẫn thường thấy ở nó.

” -Trước tiên con sẽ lên mặt trăng - Cha có biết gì về mặt trăng không? Trên đó cũng có người nhưng muốn lên rất khó”.

Đó là một dự định hoang đường, tôi lấy bút ghi vào nhật ký.

Cha tôi tiếp: “-Vậy ra con từ mặt trăng đến với chúng ta à?”

“-Ồ! Không phải ” Nó trả lời cha tôi với một thái độ điềm tĩnh.

- Con đã ở đấy nhiều lần, có khi là đàn ông, có khi là đàn bà.

Về bình thần của nó khiến cha tôi bật cười làm nó tức giận. Nó không thích bị điều cợt.

“-Đúng vậy, đúng vậy.” Nó phản đối ngay:

“Một lần con đã đến Gia Nã Đại lúc đó con là đàn ông, ngay cả tên con con còn nhớ nữa mà”.

Cha tôi chế nhạo:

“- Ái chà! Ái chà! Một đứa con gái nhỏ tại Hoa Kỳ lại là một người đàn ông Gia Nã Đại Thế con còn nhớ tên là gì?” Nó suy nghĩ một chút rồi trả lời:

- “Lishus Faber”, Nó nhắc lại và cả quyết đúng là tên Lishus Faber. Nó nói rõ ràng rõ nên tôi đã ghi lại trong nhật ký của tôi cái tên “Lishus Faber”.

“-Này Lishus Faber, thời đó anh làm nghề gì? Cha tôi vẫn hỏi nó với điệu bộ điều cợt.

“- Con là quân nhân và con đã chiếm được cửa thành”. Nó trả lời cha tôi một cách cao ngạo của một người thắng trận.

Tất cả đều đã được tôi ghi vào nhật ký. Đã rất nhiều lần, chúng tôi cố gắng hỏi nó giải nghĩa thêm các câu nói của nó nhưng nó một mực chỉ nhắc lại câu trên và tỏ vẻ tức giận vì chúng tôi đã không hiểu. Trí tưởng tượng của nó ngừng lại khi nói đến giải nghĩa. Dù chúng tôi sống trong một cộng đồng có kiến thức và tìm mọi cách để tìm hiểu câu chuyện như một người tìm hiểu câu chuyện có liên quan đến những đến những đứa con yêu quý của mình nhưng không một ai có thể ước đoán được.

Vài người khuyến khích tôi cố gắng đi xa hơn nữa và tôi đã bỏ một năm để nghiên cứu lịch sử Gia Nã Đại với hy vọng tìm thấy một trận chiến nào đó có người “chiếm được cửa thành”. Tất cả đều vô vọng. Cuối cùng tôi được một quản thủ thư viện giới thiệu với tôi một cuốn tài liệu, một cuốn sách dày cũ và rất ngộ nghĩnh với chữ s s viết giống như f s. Đã một năm qua tôi không còn hy vọng gì tìm hiểu được. Thế mà một cuốn sách cổ xưa sống động vì có nhiều hình vẽ với nhiều truyện ngắn đã giúp tôi tìm thấy câu chuyện thật bất ngờ.

Câu chuyện nói về thành tích chiến đấu của một đội quân nhỏ, chiếm đánh một thành phố cũng không có gì quan trọng.

Một viên Trung Ủy trẻ với toán quân của ông - với giọng chữ hiện ra trước mắt tôi - “Chiếm Cửa Thành”; Viên Trung Ủy này tên là “Aloysius Le Febre” (Trùng hợp với tên và câu nói của đứa em nhỏ ngây thơ của tôi đã nói trước đây với cha tôi!).

Về việc em gái tôi cho rằng con người đã có lần sống trên mặt trăng thật là kỳ lạ, tuy nhiên theo quan điểm của các nhà thông thiên học, sự việc rất có thể vì mặt trăng trước đây là một hành tinh có người sinh sống và là nơi ở xa xưa của chúng ta. Điều đáng quan tâm là giờ đây người ta đã khám phá ra những viên đá do các phi hành gia mang về từ mặt trăng đều đã có lâu đời hơn các viên đá hiện tại trên trái đất.

-ooOoo-

-6-

CÓ PHẢI VỊ BÁC SĨ TÂM LÝ NGƯỜI HOA KỲ ĐÃ SỐNG Ở THẾ KỶ THỨ 17

TẠI ÂU CHÂU KHÔNG?

Tác giả: Sylvia Cranston và Carey Williams

Không phải chuyện bình thường khi một nhà tâm lý học viết khảo luận, nhất là cuốn sách đó nói về luân hồi. Và nhất định một câu chuyện như vậy phải được nghiên cứu kỹ lưỡng - nếu không cũng là chính kinh nghiệm bản thân của tác giả về tiền kiếp, khiến cho tác giả mạnh dạn viết thành sách. Nhà Tâm Lý Học này là Bác Sĩ Tâm Lý Frederic F. Flach; ông là giáo sư chuyên khoa tâm lý của Đại Học Y Khoa Nữ Ước và cũng là Bác Sĩ Tâm Lý của Dưỡng Đường Payne Whitney ở Bệnh Viện Nữ Ước. Ông có phòng mạch riêng rất đông khách. Cuốn sách của Bác Sĩ Flach có tựa đề “Fridericus” được xuất bản vào năm 1980.

Đầu tiên Bác Sĩ Flach chú ý đến luân hồi trong lúc khảo cứu đề tài “Sức Mạnh Kỳ Bí Của Phiền Muộn”. Thật là hy hữu - một đồng sự của ông đã khám phá ra bản luận án số 1620 bằng tiếng La Tinh của một Bác Sĩ người Thụy Sĩ cùng tên Frederich F. Flach nghiên cứu một đề tài như ông. Lúc đó ông cho chỉ là một sự trùng hợp lạ lùng nhưng ông không khỏi

không nghĩ phải chăng vị Bác Sĩ Thụy Sĩ kia chính là ông thời nay.

Sau khi phát hành cuốn sách Fridericus, Bác Sĩ Flach đã kể với phóng viên ông tin tưởng mãnh liệt chính ông là Bác Sĩ Fridericus.

Vị Bác Sĩ Thụy Sĩ ở tại Basel ” là một Bác Sĩ chuyên về tâm lý giống như tôi hành nghề này rất hiếm ở thời ấy. Có một sự trùng hợp lạ lùng giữa những điều vị Bác Sĩ Thụy Sĩ viết và điều tôi nghiên cứu”. Ông nói: “Còn một sự trùng hợp khác nữa là miền Âu Châu mà Fridericus tới, những thành phố mà Fridericus đi qua trong đời cũng chính là những nơi mà gia đình tôi đã sống. Gia đình tôi một phần gốc ở gần Zurich. Có một thị xã mang tên Flach. Một phần khác ở ngay phía Bắc biên giới, tức là phía nam của Đức Quốc bây giờ. Một phần khác nữa thì từ Strasbourg đến. Nếu bạn khoanh tròn khu vực đó thì thấy đúng là Bác Sĩ Thụy Sĩ đã đến từ vùng đó. Ông là một Bác Sĩ hành nghề tại Thị Xã Worms ngay phía bắc Strasbourg, và ở tại Basel, Heidelberg và Mulhouse. Lại nữa ông lấy vợ hai lần. Tôi cũng lấy hai lần vợ. Ông ta có ba người con, tôi cũng có ba con.

Năm 1977, Bác Sĩ Flach đi Âu Châu để tìm hiểu thêm về Fridericus (Bác Sĩ Thụy Sĩ). Bác Sĩ Flach nói:

“Mục đích chính của tôi là tìm mọi dấu vết của Fridericus. Tôi đã đến Basel, Worms, Heidelberg, Strasbourg và Mulhouse. Tôi muốn biết cảm nghĩ của tôi khi đến các vùng này. Tại Basel tôi cảm thấy rất quen thuộc - một cảm giác âm cúng như được về nhà.”

Cuốn sách “Fridericus” được viết theo quan điểm của một Bác Sĩ Tâm Lý được huấn luyện kỹ càng, có nhiều kinh nghiệm. Và thật là thích thú khi theo dõi các lập luận để giải quyết vấn đề chính được nêu lên bởi bốn chuyên gia khác nhau. Trong đó đa số cuộc đối thoại xoay quanh vấn đề có hay không có luân hồi.

Trường hợp của Bác Sĩ Flach không có nhiều chi tiết không là một trường hợp đặc biệt nhưng cũng là dấu hiệu đáng quan tâm trong hiện đại. Điều chắc chắn là 50 năm về trước

đây không một nhà tâm lý nào lại dám đề cập đến vấn đề (Luân Hồi) như vậy.

-ooOoo-

-7-

MỘT TRƯỜNG HỢP KỲ LẠ TẠI LEBANON

Tác Giả: Sylvia Cranston và Carey Williams

Vào năm 1962 khi Tiến Sĩ Stevenson đến Ba Tây để điều tra một vụ luân hồi gặp một người di cư gốc Lebanon cho Tiến Sĩ biết rằng ở làng anh ta, làng Kormayel có rất nhiều trường hợp tái sinh. Anh ta có viết thư giới thiệu Tiến Sĩ với người anh họ của anh ta hiện còn đang sống ở đó, nhưng mọi đến 2 năm sau Tiến Sĩ mới đến thăm được. Vào thượng tuần tháng 3 năm 1964, Tiến Sĩ Stevenson, không báo trước đã tự đến nơi đó và được biết người mà Tiến Sĩ Stevenson muốn gặp đã đi Beirut để tránh mùa đông lạnh lẽo của miền quê hương rừng núi này.

Dân làng Kormayel biết được nhiệm vụ của Tiến Sĩ Stevenson đã báo cho Tiến Sĩ biết có một em bộ 5 tuổi tên Imad Elawar đã luôn luôn nhắc về tiền kiếp của em từ khi một tuổi. Đối với dân bản xứ, việc này không xa lạ vì có nhiều trường hợp tương tự. Trên thực tế Tiến Sĩ Stevenson thấy dân nơi đây không theo Hồi Giáo mà theo đạo Druse và tỷ lệ luân hồi tại đây được coi như cao nhất thế giới. Hai trăm ngàn người Druse phần lớn sống tại Lebanon, Syria, miền Bắc Do Thái và Jordan. Còn một thiểu số di cư sang Hoa Kỳ và Ba Tây.

Tiến Sĩ Stevenson đã tìm được người cha em Imad và ông này lại chính là người anh họ với người bạn của ông tại Ba Tây. Câu chuyện trở nên hấp dẫn và có giá trị đặc biệt vì ông có thể điều tra trước hai gia đình liên hệ về cả quá khứ lẫn hiện tại để biết rõ sự tồn tại của mỗi gia đình. Vén được màn bí mật ông có thể quan sát em nhỏ ngay tại nhà về tính tình của em và cũng về việc lần đầu em gặp lại những người thân tiền kiếp của em. Sau hết trước khi đi kiểm những người này, Tiến Sĩ Stevenson đã ghi 50 dữ kiện mà em Imad đã nhớ được.

Bây giờ bắt đầu vào chuyện.

Imad sanh ngày 21 tháng 12 năm 1958, khi bắt đầu biết nói thì lời nói đầu tiên của em là những tên Jamileh và Mahmoud. Khi biết nói trôi chảy rồi thì em tiết lộ nhiều chuyện ở kiếp trước, tên những người mà em biết, tài sản mà em có và vài biến chuyển có xảy ra trong đời em. Em kể lại em là người của gia đình Bouhamzy sống ở làng Khriby cách làng Kormayel một con đường núi khúc khuỷu dài 25 dặm. Trong gia đình hiện thời của em chỉ có cha em là người đã đến Khriby để dự tang lễ của một người Druse nổi tiếng.

Imad đã nói về những người mà em nêu tên và lớn tiếng hỏi họ sống với nhau ra sao. Trong giấc ngủ em cũng nói như vậy. Cả thầy có 14 tên em nhắc đến. Người được nhắc nhiều nhất là Jamileh, một phụ nữ đẹp mà em say sưa so sánh với người mẹ kém hấp dẫn hiện tại. Em nói Jamileh mặc bộ quần áo màu đỏ do em mua tặng và mang giày cao gót - loại giày mà ngày nay các phụ nữ trong làng cũng ít dùng. Mẹ của Imad cho biết khi lên 3 tuổi em có nói em muốn cao bằng Jamileh và một hôm nằm trên giường với mẹ em đã yêu cầu mẹ hãy cư xử như Jamileh.

Em còn nhớ thời tiền kiếp em thích đi săn em có một cây súng hai nòng. Để mô tả cây súng có hai nòng em dùng hai ngón tay khép lại với nhau. Về tài sản em có một căn nhà, một xe hơi nhỏ màu vàng, một chiếc xe buýt và một chiếc xe vận tải chở đá.

Về những chuyện ở kiếp trước em nhớ một lần em có đánh một con chó. Nhưng chuyện làm em khổ tâm nhất là một tai nạn xe cộ nghiêm trọng đã xảy ra. Một chiếc xe vận tải đã đụng phải một người đàn ông (tức là em) làm gãy hai chân và cán nát bụng. Người đàn ông được chở đi Bác Sĩ và đã phải giải phẫu. Bà mẹ và Bà Nội của em cho rằng việc này rất đáng quan tâm vì ngay khi mới biết đi em vẫn hay nói rằng em sung sướng biết mấy khi có thể đi lại được! Người cha em cho tất cả những chuyện trên là nhảm nhí và gọi em là đứa điều ngoa, vì vậy em chỉ dám kể cho những người đàn bà trong nhà mà thôi.

Tuy nhiên mọi người trong nhà đều thấy một hôm lúc Imad lên 2 tuổi đã chặn một người lạ mặt ngoài đường ôm chầm lấy ông ta mừng rỡ. Người lạ mặt liền hỏi “Em biết tôi

sao?” - “Vâng, ông là người hàng xóm của tôi ” em trả lời. Người này là Salim Aschar, người làng Khriby ngày xưa ở cạnh nhà Imad sự thực này mãi sau mới khám phá ra được chứ vào lúc này cũng chưa ai biết em là người của gia đình Bouhamzy. Tuy nhiên điều này không ngăn cản gia đình hiện tại của em đi đến kết luận - hoàn toàn không chính xác như chúng ta sẽ biết sau này. Nghĩa là lúc đầu Tiến Sĩ Stevenson đã được người ta cung cấp những tin tức sai lạc.

Đây là câu chuyện mà cha mẹ em đã cung cấp:

Những lời nói đầu tiên khi em mới biết nói là Mahmoud và Jamileh, chính là tiền thân của em và người vợ. Mahmoud đã bị xe vận tải đụng chết. Chuyện này không những đã do Imad kể lại mà chính em là một đứa trẻ rất sợ hãi mỗi khi nhìn thấy xe vận tải lớn và các xe buýt. Ngay cả lúc còn chập chững biết đi em vẫn thường chạy trốn khi nhìn thấy 2 loại xe trên.

Một chuyện nhỏ nữa là ngày hôm sau Tiến Sĩ Stevenson cùng Imad và cha em đến Khriby. Em đã tỏ ra xúc động như là em đã xa cha mẹ lâu năm nay mới được về thăm lại. Trên đường đi em đã cho Tiến Sĩ Stevenson biết thêm về ký ức của em. Nhưng cuộc viếng thăm này không mang lại một kết quả cụ thể nào để chứng minh câu chuyện bí mật về tiền kiếp của Imad vì đúng là có Mahmoud Bouhamzy, nhưng hiện nay người này còn đang sống. Vợ anh ta không mang tên Jamileh và căn nhà cũng không như Imad đã mô tả.

Ngày hôm sau đó, Tiến Sĩ Stevenson quyết định một mình đến Khriby để điều tra lấy. Tiến Sĩ đã thấy một người Bouhamzy tên Hafez có người cha bị xe cán gãy hai chân và đè nát bụng. Và mặc dầu đã phải giải phẫu hai lần song ông ta vẫn chết. Vợ ông ta cũng không phải là Jamileh và căn nhà cũng không giống như Imad mô tả. Sự điều tra của Tiến Sĩ Stevenson cho đến ngày ấy cũng chưa đi đến kết quả cụ thể.

Bất ngờ một tia sáng tự nhiên lóe lên! Hafez cho biết ông ta có một người anh họ rất quyến luyến với cha của Hafez và vô cùng đau xót trước tấm thảm kịch tai nạn ấy. Người này tên Ibrahim Bouhamzy có một người chú tên Mahmoud có một người tình nhân tên Jamileh. Mối quan hệ giữa hai người Mahmoud và Jamileh đã làm cho dư luận xôn xao. Vẻ đẹp của Jamileh rất thanh tú, nàng ăn diện theo thời trang đúng như

Imad đã mô tả. Hơn thế nữa căn nhà mà Imad nói đến đúng là căn nhà của Ibrahim Bouhamzy. Ibrahim đã chết vì bệnh lao vào khoảng trên 20 tuổi và đã bị bán thân bất toại lồi một năm trước khi chết. Imad sung sướng biết bao khi được đi vòng quanh nơi này! Sau khi Ibrahim chết, Jamileh đã lấy chồng và chuyển đến một làng khác.

Bình luận về sự thất bại lúc đầu Tiến Sĩ Stevenson nói: “Vì sự suy luận sai lầm của gia đình Imad cộng thêm vào sự quá tin tưởng vào lòng thành thật của họ khi họ cung cấp các tin tức, hơn nữa giữa đám người Hồi và người Cơ Đốc Giáo xung quanh thì người Druse vẫn được tiếng là thành thực”.

Khi Tiến Sĩ Stevenson quay trở lại gia đình Imad và báo cho họ kết quả điều tra của mình, cha mẹ Imad không được vui vì quan hệ của Imad với Jamileh ở tiền kiếp làm gương mặt của Bà mẹ Imad sa sầm đau khổ.

Hôm sau Tiến Sĩ Stevenson dẫn Imad và người cha đến nhà Ibrahim để xem Imad có thể nhận ra được điều gì kể từ khi Ibrahim chết vào năm 1949.

Theo lời Imad trước khi đi nhà này có hai cái giếng, một cái đầy nước còn một cái thì cạn. Tiến Sĩ Stevenson đã đích thân đi xem những cái giếng này. Cả hai đều đã bị lấp từ khi Ibrahim chết. Thực ra đây không phải là giếng nước mà là 2 cái hầm xây bằng bê tông để chứa nước cốt nho. Theo như Tiến Sĩ Stevenson miêu tả, có một bộ phận đặc biệt được chế ra để hầm được luân phiên điều chỉnh nghĩa là hầm này đầy thì hầm kia cạn.

Đến lúc này thì xuất hiện 3 người đàn bà cùng dẫn Imad đi vòng quanh nhà. Ba người này là mẹ, chị của Ibrahim và người hàng xóm. Imad đã trả lời đúng 13 câu hỏi liên quan đến những người thân ở tiền kiếp. Tuy nhiên, Imad không nhận ra người mẹ mặc dù Imad vẫn thường nói rất thương yêu mẹ. Giờ đây người mẹ đã già và thay đổi hẳn. Người chị liền hỏi: “Thế em có biết ta là ai không?” Imad trả lời ngay: “Chị Huda”. Rồi chỉ một bức tranh sơn dầu trên tường và bảo đó là em Fuad. Một bức ảnh lớn được đưa ra và chỉ vào Imad họ hỏi: “Ai đây? Em của em hay là người chú của em?” Imad trả lời: “Tôi đây “

Người chị tiền kiếp lại hỏi Imad: “Trước khi chết em có nói một câu gì em còn nhớ không?”

Imad trả lời: “Chị Huda! Gọi Fuad cho em”. Đúng như vậy, Người em Fuad vừa ra khỏi nhà một lúc Ibrahim muốn gặp em lần cuối nhưng không kịp, Ibrahim đã chết liền sau đó. Ibrahim rất thương em, một tấm hình nhỏ của Fuad được trao cho Imad để làm kỷ niệm. Imad nâng niu và hôn tấm hình này rất là âu yếm.

Trong khi đi xem nhà, Huda đã được Imad cho biết bà mẹ có lần bị cái cửa dẫn ra sân kẹp ngón tay. Tiến Sĩ Stevenson nhận thấy ngón tay của Bà mẹ hiện nay hãy còn bị dẹt vì tai nạn này.

Một người hỏi Imad: “Khi em ngủ thì chiếc giường được đặt như thế nào?” Imad cho biết cái giường để theo hình chữ thập. Rồi một câu hỏi thích hợp khác được nêu lên: “Khi em đau ốm, những người bạn đến nói chuyện với em bằng cách nào?” Imad trả lời:

“Qua cửa sổ”.

-“Tại sao?”

-“Vì họ không dám vào phòng sợ lây bệnh Và cũng vì thế mà cái giường được kê như trên.” Imad trả lời.

Một câu hỏi thử thách khác:

“Thế cây súng được giấu ở đâu?” Imad chỉ đàng sau cái tủ quần áo trong một cái hộc trên tường. Mẹ của Ibrahim xác nhận là đúng và thêm vào chỉ có Bà Cô và Ibrahim là biết chỗ giấu súng mà thôi.(Việc này được giữ bí mật; ở thời đó có súng là bất hợp pháp).

Trường hợp này có hai diễn biến rất hay. Những diễn biến này được khám phá bởi Mahmoud, người chú của Imad trong một vài lần tiếp xúc với Tiến Sĩ Stevenson khi Tiến Sĩ Stevenson trở lại Lebanon để phỏng vấn các nhân chứng.

Mahmoud là tên một trong hai người mà Imad thường nhắc đến lần đầu tiên khi còn nhỏ. Khi Imad đến Khriby, Imad đã không gặp được Mahmoud, nhưng đến mùa hè năm 1970, Imad 12 tuổi, Mahmoud, người chú bất thần đến thăm nhà Imad. Imad không nhận được ra là Mahmoud. Khi Mahmoud

đưa một tấm hình cho Imad coi, tấm hình này Mahmoud có bộ ria mép, hỏi Imad hình này là ai thì Imad đã trả lời: “Đó là hình Chú Mahmoud”. Sau đó người chú có mời Imad về Khriby ở với ông ta vài ngày. (Imad đã không đến Khriby từ khi Tiến Sĩ Stevenson và Imad đến đó vào năm 1964).

Diễn biến thứ hai khiến người chú xúc động vô cùng xảy ra khi Imad và ông ta đang đi bộ tại Khriby. Thấy một người đàn ông trên đường, Imad đã chặn lại và xin phép nói chuyện. Người chú hỏi Imad: “Con muốn nói gì với người đó? Ông ta là một cựu quân nhân đấy” Imad trả lời chính là lý do mà Imad muốn trò chuyện. Imad đã nói chuyện rất lâu với người này và người này cho biết Imad chính là Ibrahim tái sinh và nhắc lại với người này về những thời trước đã cùng sống với nhau như thế nào. Người cựu quân nhân này đã xác nhận với người chú Mahmoud là chính ông ta và Ibrahim đã gia nhập Quân Đội Pháp một ngày và đã cùng sống với nhau trong quân ngũ.

Trong phần kết luận, Tiến Sĩ Stevenson đã báo cáo trong số 57 điều Imad nói về tiền kiếp trước khi gặp những người thân có thì Imad đã nói trúng 51 điều. Những điều đúng này gồm có cả cái xe hơi màu vàng, xe buýt, xe vận tải mà Imad thường nhắc tới và nói những thứ trên là thuộc của Imad ở tiền kiếp.

Phần II

TIẾN SĨ IAN STEVENSON

Tiến Sĩ Ian Stevenson sanh ngày 31 Tháng 10 Năm 1918 tại Montreal, Gia Nã Đại. Cha ông là phóng viên của Tạp Chí Time, Luân Đôn. Ian Stevenson học về y khoa và tâm lý tại Đại Học Y Khoa Mac Gill, Montreal, Gia Nã Đại và đậu Y Khoa Bác Sĩ năm 1943. Tiến Sĩ Ian Stevenson đã phục vụ tại Bệnh Viện Saint Joseph, Tiểu Bang Arizona, Hoa Kỳ, Viện Đại Học Louisana, New Orleans từ Năm 1947 đến Năm 1957. Bắt đầu năm 1957 Tiến Sĩ điều khiển Ngành Tâm Trí và là Viện Trưởng Viện Tâm Trí tại Đại Học Virginia, Charlottesville.

Tiến Sĩ là tác giả của nhiều bài khảo luận về Bệnh Tâm Trí đăng trên các Tạp San Y Học. Ngoài việc trị bệnh cho các

bệnh nhân Tiến Sĩ còn phụ trách giảng dạy tại các Trường Đại Học Hoa Kỳ.

Tiến Sĩ là một nhà phân tích về tâm trí có biệt tài và đến năm 48 tuổi Tiến Sĩ đã đạt đến nấc thang danh vọng cuối cùng; thế mà Tiến Sĩ bỏ nghề y khoa chuyên môn để bước sang một lĩnh vực khác, đó là công cuộc điều tra và nghiên cứu về Luân Hồi.

Trong một cuộc phỏng vấn, Ký Giả Eugene Kinkaid của tờ New Yorker đã hỏi Tiến Sĩ lý do gì đã khiến Tiến Sĩ bỏ nghề y khoa chuyên môn để đi theo một nghề không chính thống. Tiến Sĩ đã trả lời:

“Tôi không đồng ý các phương pháp áp dụng để chữa trị các bệnh nhân tinh thần. Lý thuyết của ngành tâm trí hiện nay cho rằng cá tính của một con người là do ảnh hưởng của tính chất di truyền hoặc là ảnh hưởng thời gian của người cha hay người mẹ trước và sau khi sanh, Song rất nhiều trường hợp tôi đã khám phá ra chúng ta không thể đồng ý với lý thuyết trên cả về tính cách di truyền lẫn ảnh hưởng thời gian.”

Tiến Sĩ Ian Stevenson đã giải thích trong việc nghiên cứu về luân hồi Ông đã phải dùng đến nhiều phương pháp chuyên môn của một nhà sử học, một nhà luật học, một nhà tâm trí học và tìm các dữ kiện qua những chứng nhân, tài liệu như nhật ký, giấy khai sanh, báo cáo giáo nghiệm, hồ sơ bệnh lý, tin tức của các báo chí vân vân...

Tập San về Bệnh Thần Kinh và Trí Não (The Journal of Nervous and Mental Disease) số 165 Tháng 9 Năm 1977 đã dành riêng nói về công cuộc nghiên cứu luân hồi, về có sự sống sau khi chết của Tiến Sĩ đã khiến cho các độc giả cùng các nhà khoa học gia rất chú ý đến những chứng minh của Tiến Sĩ. Cũng trong Tháng 5 Năm 1977 Tiến Sĩ đã đăng một bài khảo luận “The Explanatory Value of The Idea of Reincarnation” nêu vấn đề luân hồi trên tập san này.

Phản ứng của các độc giả ra sao? Tiến Sĩ Eugene Brody, nhà xuất bản tờ báo cũng là một nhà tâm trí học của Viện Đại Học Y Khoa Maryland trong một cuộc phỏng vấn đã cho biết như sau: “Tôi đã nhận được lối 300 đến 400 lá thư của các

Khoa Học Gia yêu cầu cho in lại số báo trên. Quả là đã có nhiều người chú trọng đến vấn đề này.”

Tiến Sĩ Ian Stevenson đặc biệt khảo cứu các trẻ em trên thế giới cả Đông lẫn Tây có ký ức về tiền kiếp. Ông đã xuất bản 5 cuốn sách về luân hồi, trong đó có cuốn “Children Who Remember Previous Life” (Những Thiếu Nhi Còn Nhớ Tiền Kiếp) do nhà Xuất Bản University Press of Virginia, Charlottesville phát hành năm 1987 mà chúng tôi xin trích dịch vài truyện trong tác phẩm này.

-ooOoo-

-8-

GOPAL GUPTA

Tác giả: Tiến Sĩ Ian Stevenson

Gopal Gupta sanh ngày 26 Tháng 8 Năm 1956 tại Dehli Ấn Độ. Cha mẹ của Gopal thuộc giai cấp trung lưu, học vấn không đáng kể. Từ lúc lọt lòng đến lúc 2 tuổi không có gì đặc biệt.

Khi Gopal bắt đầu biết nói từ khoảng 2 đến 2 tuổi rưỡi, có một người khách đến thăm gia đình Gopal. Cha của Gopal sai Gopal đem cất cái ly người khách vừa uống xong. Gopal đã làm cho mọi người ngạc nhiên. Em nói rằng: “Con không thể làm việc đó vì con là một Sharma (thuộc Bà La Môn, một giai cấp thượng lưu của Ấn Độ). Trong cơn giận giữ, Gopal đã làm vỡ cái ly. Cha của Gopal bắt Gopal giải thích lý do. Gopal liền kể lại vài chi tiết về tiền kiếp của em. Em cho biết trước kia em ở thành phố Mathura, cách xa Dehli 160 dặm về phía nam. Em là chủ nhân một hãng thuốc Sukh Shancharak, có một căn nhà rất lớn, có nhiều đầy tớ, có hai người anh và một người vợ. Em đã cãi nhau với một trong hai người anh và đã bị bắn chết.

Gopal cho biết ở tiền kiếp em thuộc dòng dõi Bà La Môn nên từ chối không chịu cất ly vì người Bà La Môn thường không bao giờ cầm những vật dụng gì mà người giai cấp thấp hơn đã đụng tới. Gia đình của Gopal hiện tại thuộc dòng Bania, giai cấp thương mại.

Cha mẹ của Gopal không có liên hệ gì với Mathura, nên sự phát hiện của Gopal về tiền kiếp không gọi cho cha mẹ Gopal một ký ức nào cả. Mẹ của Gopal không thích và cũng chẳng bao giờ khuyến khích Gopal nói về tiền kiếp cả. Cha của Gopal thì lại càng lạnh nhạt với những câu chuyện về tiền kiếp khi Gopal kể. Tuy nhiên thỉnh thoảng cha của Gopal có kể lại cho vài người bạn nghe về chuyện tiền kiếp của Gopal. Một trong những người này cho biết hình như ông ta có nghe thấy một vụ giết người trùng hợp với câu chuyện trên ở Mathura, nhưng cha của Gopal chưa tin nên cũng chẳng mấy quan tâm để đi Mathura tìm hiểu sự việc có thật hay không.

Cho đến năm 1964, nhân cơ hội có một buổi đại hội về tôn giáo tổ chức tại Mathura, cha của Gopal trong lúc đi dự hội đã khám phá ra là tại Mathura có hãng thuốc Sukh Shancharak. Ông tìm đến Hãng thuốc và được gặp viên Quản Lý. Ông kể lại cho Viên Quản Lý nghe chuyện Gopal nói về tiền kiếp. Viên Quản Lý rất ngạc nhiên vì có một chủ nhân của hãng này đã bị người anh ruột bắn chết cách đây mấy năm. Người chủ này là Shaktipal Sharma chết ngày 27 Tháng 5 năm 1948, vài ngày sau khi bị bắn.

Viên Quản Lý báo cho gia đình Sharma biết việc viếng thăm của cha Gopal. Vài người trong gia đình Sharma đã tới Dehli thăm gia đình Gopal và đã mời Gopal tới Mathura. Trong những cuộc gặp gỡ tại Mathura cũng như Dehli, Gopal đã nhận ra một số người và một số nơi mà trước kia Shaktipal đã quen biết và thêm vài tin tức đặc biệt về đời tư của Shaktipal Sharma. Gia đình của Sharma rất ngạc nhiên vì Gopal đã cho biết trước đây Shaktipal Sharma dự định muốn mượn một số tiền của vợ và muốn lấy số tiền để cho anh mình vay hùn vốn vào công ty. Cuộc cãi vã đã xảy ra giữa hai anh em, Shaktipal muốn cho người anh nguôi giận đã tặng số tiền cho vay lên nhưng người vợ lại từ chối không cho. Do đó người anh đã cáu kỉnh và trong lúc nóng giận đã bắn Shaktipal Sharma. Chi tiết của tấn thảm kịch này đã được dấu kín không ai được biết ngoại trừ những người trong gia đình. Vụ người anh giết em này đã được đăng tải trên báo chí. Sự hiểu biết tường tận về nội vụ cùng với sự nhận dạng được một số người trước đây đã quen với Shaktipal khiến cho gia đình của Shaktipal Sharma phải công nhận Gopal chính là hiện thân của

Shaktipal. Song song với những lời tuyên bố về tiền kiếp, Gopal đã tỏ ra phong thái của một người Bà La Môn giàu có cho nên cá tính của em đã làm trở ngại không ít đến gia đình hiện tại của em. Em đã không ngần ngại nói rằng em thuộc giòng dõi cao quý hơn những người hiện tại của gia đình em. Em đã từ khước những công việc nội trợ cho rằng những công việc này chỉ đáng để cho những người đầy tớ làm mà thôi. Em không bao giờ uống sữa nếu sữa nếu được rót vào một cái ly đã có người khác sử dụng.

Tiến Sĩ Jamua Prasad đã từng cộng tác với tôi (Ian Stevenson) nhiều năm trong nhiều trường hợp tại Ấn Độ, đã bắt tay điều tra vụ này năm 1965. Riêng tôi bắt đầu vào năm 1969 khi tôi đích thân phỏng vấn hai gia đình tại Dehli cũng như Mathura. Tôi vẫn còn liên lạc với họ cho đến năm 1974. Sau khi đi thăm Mathura vào năm 1965 thì Gopal không có ý định đến thăm nơi này nữa. Vài năm sau 1965 thỉnh thoảng Gopal có đến Dehli thăm hai người chị của Shaktipal. Nhưng sau đó thì sự liên lạc giữa hai gia đình đã không được duy trì nữa. Gopal càng lớn lên thì cái phong thái Bà La Môn của tiền kiếp thể nhập nơi anh ngày dần biến mất và anh từ từ hòa mình với đời sống khiêm tốn của gia đình hiện tại. Anh cũng ít nói đến đời sống của Shaktipal Sharma, nhưng đến cuối năm 1974 cha của Gopal vẫn nghĩ rằng con của ông còn nhớ đến những ký ức của chuyện này.

Đối với tôi (Ian Stevenson) trường hợp luân hồi này rất đáng được kể đến vì sự trung thực, làm sao Gopal có thể biết rõ về lúc sống cũng như lúc chết của Shaktipal Sharma. Tuy Shaktipal Sharma thuộc một gia đình khá giả tại Mathura và việc anh bị thảm sát đã làm xôn xao dư luận nhưng hai gia đình Sharma và Gopal đã sống ở hai thành phố cách xa nhau và thuộc hai giai cấp khác hẳn nhau. Đời sống xã hội của hai gia đình ở trong hai qóy đạo riêng biệt và chính tôi tin tưởng mãnh liệt là hai gia đình theo như lời họ thuật lại đã không bao giờ được biết nhau cho đến khi xảy ra sự việc trên.

-ooOoo-

-9-

CORLISS CHOTKIN JR.

Tác Giả: Ian Stevenson

Trường hợp này là lời nói trước của một người đánh cá lớn tuổi ở Tlingit, Alaska tên Victor Vincent. Ông cô cho người cháu gái Corliss Chotkin Sr biết là sau khi ông cô chết, ông cô sẽ đầu thai làm đứa con trai của cô ta. Ông cô chỉ cho cô ta thấy hai vết sẹo sau hai lần giải phẫu, một trên sống mũi và một đằng sau lưng. Ông cô nói là đứa con cô ta (tức là ông cô tái sinh) sẽ mang 2 vết sẹo như trên.

Victor Vincent chết vào mùa xuân năm 1946. Khoảng mười tám tháng sau, ngày 15 tháng 12 năm 1947, cháu gái của ông cô sinh một đứa con trai và được đặt tên là Corliss Chotkin Jr. Đứa nhỏ mang hai vết sẹo y như hai vết sẹo của Victor Vincent trước kia. Vào năm 1962, lần đầu tiên khi tôi (Ian Stevenson) xem xét hai vết sẹo tôi được Bà Chotkin cho biết hai vết sẹo có thay đổi theo thời gian nhưng hãy còn rất rõ ràng. Nhất là vết sẹo đằng sau lưng đã làm tôi kinh ngạc, nó rộng chừng 5 ly, dài chừng 3 phân, so với chỗ da khác thì vết sẹo này có màu sẫm hơn và hơi lồi, có nhiều chấm đen chung quanh tựa như vết thương được khâu nhiều mũi.

Khi Corliss vừa được 13 tháng Bà Chotkin thường tập cho Corliss gọi tên của nó, thì Corliss thường nóng nảy nói rằng: “Mẹ không biết con là ai à? Con là Kakhody mà”. Kakhody là cái tên do Bà lúc đặt cho Victor Vincent khi còn sống. Bà Chotkin có kể lại cho một người cô thì bà này cho biết là sau khi Victor Vincent qua đời được ít lâu bà có nằm mơ thấy Victor Vincent trở về sống với gia đình Chotkin. Bà Chotkin chưa bao giờ cho bà cô ấy biết là chính Victor Vincent đã nói trước với bà là sẽ tái sinh làm con trai bà.

Khi được chừng 2, 3 tuổi Corliss đã nhận ra nhiều người mà trước đây Victor Vincent đã từng quen biết trong đó có người vợ của Victor Vincent. Corliss còn kể 2 biến cố xảy ra trong cuộc đời của Vincent mà chỉ có mình Vincent biết được mà thôi. Thêm nữa còn có nhiều nét đặc biệt giống như Victor Vincent, chẳng hạn như cách chải đầu. Corliss đã chải kiểu tóc giống như Vincent trước đây. Cả hai cùng nói lắp (cà lăm), cùng thích bơi lội và tàu bè, cùng thuận tay trái, cùng có chung khuynh hướng về tôn giáo. Cũng như Vincent, Corliss có khiếu về máy móc, có khả năng về sử dụng và sửa chữa. Mẹ

của Corliss cho biết đã tự học một mình cách làm sao cho chiếc thuyền máy chạy được. Khác hẳn với cha là ông Chotkins, một người không mấy thích máy móc và càng không có năng khiếu về máy móc.

Khi lên 9 tuổi, Corliss ít nói đến tiền kiếp của mình, cho đến năm 1962 thì hầu như Corliss không còn nhớ gì nữa.

Tôi (Ian Stevenson) đã gặp Corliss và gia đình cả thảy 3 lần và đầu năm 1960 và 1 lần vào năm 1972. Lần gặp cuối cùng tôi thấy Corliss không còn nói lắp (cà lăm) như trước nữa, khuynh hướng về tôn giáo của anh cũng giảm đi song anh vẫn còn thích máy móc. Trong cuộc chiến tranh tại Việt Nam, Corliss đã được gửi sang chiến đấu trong đoàn Pháo Binh. Một trái đạn nổ gần bên đã làm Corliss bị điếc. Năm 1972 lần cuối cùng gặp lại Corliss, tôi thấy anh vẫn mạnh khỏe và đang làm việc tại một nhà máy xay bột gần nhà của anh tại Sitka Alaska

-ooOoo-

-10-

MA TIN AUNG MYO

Tác Giả: Ian Stevenson

Ma Tin Aung Myo sanh ngày 26 Tháng 12 năm 1953 tại làng Nathul miền thượng Miến Điện. Cha Cô là U Aye Maung và mẹ cô là Daw Aye Tin. Khi còn đang mang thai Ma Tin Aung Myo, 3 lần Bà mơ thấy một người lính Nhật cởi trần, mặc quần soọc đã theo bà và nói rằng ông ta sẽ đến ở với vợ chồng Bà.

Khoảng 3, 4 tuổi, Myo đã có những hiện tượng nhớ đến tiền kiếp của mình. Mỗi lần thấy máy bay bay ngang làng Nathul, Myo đều sợ hãi và khóc. Tình trạng này kéo dài nhiều năm. Lúc lên 4 tuổi có lần Myo khóc sụt sùi; được hỏi lý do cô trả lời là cô khao khát được về nước Nhật. Rồi sau đó Myo kể là Myo là người lính Nhật đóng quân ở Nathul trong thời Đệ Nhị Thế Chiến khi Quân Đội Nhật Bản chiếm giữ Miến Điện. Myo nói rằng cô là hỏa đầu quân và bị bắn chết trong một cuộc oanh tạc của máy bay Đồng Minh. Myo cung cấp vài chi tiết khác về tiền kiếp mà cô còn nhớ. Trước kia

Myo ở phía Bắc nước Nhật, đã lập gia đình và có một con. Trước khi nhập ngũ gia đình có một cửa hàng nhỏ.

Trong lúc Quân Đội Nhật rút lui khỏi Miến Điện, Cô bị máy bay bắn chết. (Có thể sự việc xảy ra vào năm 1945). Cô đã mô tả lối ăn mặc của người lính Nhật và cách thức ẩn tránh khi bị máy bay oanh tạc. Riêng cô bị kẹt ngoài bờ đê nên đã bị bắn chết. Myo không nhớ tên cũng như quê quán của người lính Nhật. Tuy nhiên những gì Myo kể lại rất phù hợp với những biến chuyển trong thời gian Quân Đội Nhật chiếm đóng Miền Thượng Miến Điện. Mẹ của Myo cho biết có quen thân với một người lính Nhật làm hỏa đầu quân khi quân đội Nhật Bản đóng tại nơi đây, nhưng không biết anh lính Nhật này chết tại đâu.

Lối xử sự của Myo rất khác thường, giống như phong cách của một người lính Nhật. Myo không thích khí hậu nóng bức tại miền thượng Miến Điện và cũng không thích các món ăn nấu theo kiểu địa phương, Myo thích ăn đồ ăn có đường, cá sống. Myo thường tỏ vẻ mong đợi ngày trở về Nhật Bản và có nhiều khi nằm úp mặt khóc vì nhớ nhà. Myo cũng thường tức giận mỗi khi có ai nhắc tới người Anh hoặc người Mỹ trước mặt Myo.

Điều đặc biệt nhất là Myo thích làm con trai. Cô hay mặc quần áo đàn ông và thích cắt tóc kiểu con trai. Vì vậy khi đi học Myo bị nhà trường bắt buộc phải ăn mặc theo kiểu phụ nữ. Myo đã từ chối và năm lên 11 tuổi Myo đã bỏ học. Vì học vấn kém nên Myo đã phải làm nghề tầm thường. Năm 1974 khi tôi (Ian Stevenson) gặp Myo lần đầu tiên thì cô đang bán rong đồ ăn ở ga xe lửa.

Thưở còn nhỏ, Myo thích chơi trò đóng vai người Lính. Myo đòi cha lần nào đi Mandalay cũng phải mua cho cô một cây súng giả. Ba người chị cũng như người em trai độc nhất của cô lại không thích trò này. Myo thích chơi đá banh và khúc côn cầu, hai môn thể thao chỉ dành cho con trai.

Cha mẹ Myo đã có 3 người con gái trước khi sanh Myo. Tuy cả hai ông bà đều muốn có một đứa con trai, nhưng điều đó không có nghĩa là hoan nghênh tinh thần thích làm con trai của cô. Người mẹ phản đối con kịch liệt còn người cha thì khoan dung hơn.

Càng lớn, Myo càng có vẻ đàn ông, Myo thích ăn mặc theo kiểu con trai và không nghĩ đến việc lấy chồng. Ngược lại Myo nói rằng thích một người vợ. Myo coi mình như một nam nhi và không thích được đối xử như một phụ nữ. Khi U Win Maung, người phụ tá của tôi (Ian Stevenson) tại Miến Điện gọi Myo bằng “Ma”, tiếng lịch sự để chỉ người phụ nữ Miến, thì cô yêu cầu được gọi cô là Maung, tiếng thông dụng để chỉ thanh niên Miến hoặc không dùng danh từ nào cả. Trong một cuộc phỏng vấn, cô đã nói với tôi và U Win Maung rằng cô sẽ rất hài lòng nếu chúng tôi chọn bất cứ cách nào để giết cô miễn là bảo đảm cho cô khi được sanh trở lại cô sẽ là đàn ông. Gia đình Myo cho rằng sự luyến ái của Myo khác thường như vậy vì tiền kiếp Myo là đàn ông và cũng xác nhận cái tính khí y hệt thanh niên của cô là do tiền kiếp cô là người lính Nhật Bản.

Tuy rằng chi tiết để xác minh người lính Nhật không được đầy đủ nhưng tất cả những hành động cũng như tính tình của Myo đã phản ánh rõ ràng Myo đúng là hiện thân của một người Lính Nhật Bản.

Tôi (Ian Stevenson) đã gặp lại Myo vào năm 1975 và sau đó thì không gặp nữa nhưng U Win Maung, người phụ tá của tôi tại Miến Điện đã gặp Myo vào năm 1970, sau này còn gặp lại cô 2 lần nữa vào năm 1977 và năm 1981.

-ooOoo-

-11-

MỐI TÌNH TUYỆT VỌNG

Tác Giả: Ian Stevenson

Đây là một trường hợp Tiến Sĩ Ian Stevenson đăng trên tờ Journal of Nervous and Mental Disease (Tì Báo nói về Bệnh Thần Kinh và Tâm Trí) và năm 1983.

Tại Rio Grand Do Sul, một Tiểu Bang cận nam của Ba Tây, một bé gái của một trại chủ giàu có tên là Senor C.J. De Oliveira ra đời. Tên bé gái là Maria nhưng thường gọi là Sinha và thân mật hơn là Sinhazinha.

Khi lớn lên Sinha rất yêu mến đời sống thôn dã nơi quê cha và thỉnh thoảng nàng thường đến chơi làng Dom Feliciano

cách 12 dặm. Nơi đây Sinha quen với Ida Lorenz, vợ một giáo viên.

Rồi thì 2 lần tình yêu đến nhưng lần nào nàng cũng đều bị người cha nghiêm khắc bảo thủ ngăn cản và một trong 2 thanh niên đã tự tử vì tuyệt vọng. Sinha ngày càng héo hon sâu nảo. Lo lắng người cha đã thu xếp cho nàng đi du ngoạn Pelotes, một thị trấn ven biển trong mùa hội nhưng tình trạng của nàng cũng không khả quan hơn.

Với mục đích hủy hoại thân mình nàng đã tự hành xác bằng cách dầm thân dưới trời giá lạnh cho đến khi kiệt sức. Nàng bị khan tiếng, nhiễm trùng cổ họng, sung phổi rồi ho lao. Vài tháng sau nàng chết.

Trước khi chết nàng có tâm sự với người bạn thân Ida Lorenz rằng bệnh hoạn là tự nàng làm ra. Nàng còn căn dặn 2 điều:

“Một, tôi sẽ tái sinh làm con gái của Ida và hai, khi biết nói tôi sẽ kể lại mọi điều về đời sống hiện tại của tôi lúc đó chị sẽ nhận ra”.

Ida có nói cho chồng biết và hai người cùng chờ xem sự việc xảy ra sao. Ngoài ra không một ai trong gia đình biết cả.

Vài tháng sau khi Sinha chết, Ida sanh được một bộ gái đặt tên là Marta. Marta có những nét đặc biệt tương tự như Sinha. Khi Marta chưa đầy 1 tuổi, người cha của Sinha đến thăm gia đình Ida Lorenz, một gia đình khác ông Valentin cũng đến chơi cùng lúc ấy. Ông Valentin có vẻ thương yêu chiều chuộng Marta, nhưng ngược lại Marta cứ đeo theo cha của Sinha mặc dầu ông này thường không thích trẻ nhỏ. Marta đã vượt râu ông và nói: “Chào Ba”. Lúc đó với ông lời chào ấy không có ý nghĩa gì nhưng rồi 11 năm sau ông mới công nhận là Sinha tái sinh thành Marta.

Sau đây là lời của ông Ida Lorenz, người cha hiện tại của Marta kể lại do Tiến Sĩ Ian Stevenson, người điều tra vụ này chuyển dịch Người chị tên Lola của Marta đã thấy một chuyện sau:

“Lúc Marta được 2 tuổi rưỡi, một hôm sau khi giặt xong quần áo ở một con suối gần nhà Marta và Lola trở về nhà.

Marta nói với chị: “Lola công em đi” Lola (cũng như tất cả trẻ con hàng xóm của chúng tôi) không biết gì về lời hứa sẽ tái sinh của Sinha nên trả lời: “Em đi được đâu cần chị công”. Marta nói: “Đạo trước lúc em lớn và chị nhỏ em thường công chị đó”. Lola vừa cười vừa vặn lại: “Em lớn lúc nào?” Marta trả lời: “Lúc em không ở đây, mà ở xa chỗ này, nơi có nhiều bò đực, bò sữa, có nhiều cây cam, và có nhiều con vật như dê, nhưng không phải các con dờ này (nó muốn nói các con cừu mà nó chưa bao giờ thấy). Câu này mô tả cái nông trại của cha mẹ Sinha.

Rồi vừa đi vừa chuyện trò Marta và Lola về tới nhà. Lola kể cho chúng tôi những ý tưởng lạ lùng của Marta và tôi nói với Marta: “Đây con gái nhỏ của Ba, Ba chưa bao giờ ở đây sao con lại nói con ở đây?” Marta trả lời: “Đúng vậy, lúc đó con có cha mẹ khác”.

Một người chị khác của Marta trêu em:

“Thế em cũng có một người đầy tớ da đen như bây giờ phải không?” (muốn nói đến đứa con gái da đen mồ côi mà chúng tôi đang nuôi). Marta trả lời ngay: “Không, lúc đó người đầy tớ da đen của chúng tôi đã lớn và biết cả nấu ăn, chúng tôi cũng có một em da đen nhỏ, và một hôm em nhỏ này quên không múc nước về nên bị cha tôi đánh”.

Nghe vậy tôi liền nói: “Cha chưa bao giờ đánh một em nhỏ da đen nào cả con gái bộ nhỏ ạ” Marta nói: “Nhưng đó là người cha kia của con mà; bị đánh em nhỏ kêu khóc và cầu cứu con: Sinhazinha hãy cứu tôi! và con đã xin cha đừng đánh nó nữa và thằng nhỏ chạy ngay đi múc nước về”.

Tôi hỏi: “Vậy ai là Sinha hay Sinhazinha? “. Marta trả lời: “Chính là con đây, con còn có tên là Maria và một cái tên nữa mà con không nhớ”.

Tên đầy đủ của Sinha là Maria Januaria De Oliveira.

Để thử xem Marta nói có đúng không, Ida cũng hỏi một câu: “Mẹ thường đến nông trại thăm Sinha, vậy Sinha thường làm gì để đón tiếp mẹ?” Marta nói nó thường pha sẵn cà phê, vừa đứng chờ trước nhà vừa nghe máy hát để trên thềm đá.

Sau khi phỏng vấn người em gái của Sinha, Tiến Sĩ Ian Stevenson được biết quả đúng như vậy. Sinha thường làm thế để tiếp đón người bạn quý của mình tức người mẹ hiện tại.

Ida hỏi Marta là Sinha đã nói thế nào khi Ida đến thăm Sinha lần cuối cùng trước khi Sinha chết. Marta đã diễn tả: “Nàng thều thào bên tai Ida, chỉ vào cuống họng mình rằng nàng không thể nói được vì đau cuống họng”. Cảnh này chỉ một mình Ida biết mà thôi.

Liên tiếp mấy năm sau, Marta kê khai 120 bản về đời sống của Sinha và về những người mà Sinha quen biết. Người cha hiện nay của nàng còn giữ tất cả những tài liệu này. Có nhiều điều ông ta, vợ ông ta và ngay cả đến những đứa trẻ khác trong gia đình hoàn toàn không biết nhưng sau khi phối kiểm thì thấy đều rất trung thực.

Bấy giờ Marta thường nhắc đến căn nhà của Sinha và mong ước được về thăm nhưng mãi đến năm 12 tuổi vào cái tuổi mà Marta ít nhắc đến tiền kiếp của mình thì Marta mới được mãn nguyện. Vừa đặt chân tới nhà có Marta đã nhận ra cái đồng hồ treo tường và nói là của mình. Nàng còn nói rằng sau cái đồng hồ có in tên nàng bằng chữ vàng. Người cha ở tiền kiếp nghe vậy bèn lấy cái đồng hồ xuống, quả nhiên đằng sau có in dòng chữ vàng: “Maria Januaria De Oliveiro”. Cái đồng hồ do Sinha mua và tự mình lên dây. Đó là đồ vật duy nhất mà Marta nhận được tại nông trại.

Sau chuyến viếng thăm của Marta, một người bà con của Sinha nghe nói Sinha tái sanh, đã không báo trước mà tìm đến nhà ông bà Lorenz và hỏi Marta như sau: “Nếu quả cô là Sinha, xin cho tôi biết quan hệ giữa chúng ta như thế nào?” Không chút ngập ngừng Marta đã trả lời đúng: “Bà là chị họ và cũng là mẹ đỡ đầu”. Người đàn bà này hoàn toàn chưa bao giờ biết làng Dom Feliciano, nơi mà gia đình và Marta đang sống.

Một chuyện khác xảy ra khi Marta 19 tuổi và được một nông trại mời đến kèm trẻ. Gia đình này theo đạo Cơ Đốc Giáo gốc nên không bao giờ Marta đề cập đến luân hồi. Một phụ nữ già da đen cũng làm tại nơi đây thấy Marta đã nói với mọi người: “Cô gái này giống hệt như Sinha “. Hóa ra người

đàn bà da đen chính là người đầy tớ trước đây của nông trại Oliveiro mà lúc lên 2 tuổi rồi Marta đã có lần nhắc tới.

Sinha tìm cái chết bằng cách tự hủy hoại thân thể mình với bệnh lao phổi và thanh quản - nay hai bệnh nghiệp chướng trên đã trở lại với nàng - Marta rất dễ bị cảm lạnh và sung phổi trong khi những đứa con khác của gia đình Lorenz không một ai bị bệnh này cả. Tiến Sĩ Ian Stevenson đã bình luận: “Bệnh đau về hệ thống hô hấp và yết hầu của Marta hiện nay đúng là bệnh tình trước đây của Sinha. Tôi tin rằng trong hiện tại Marta hay mắc chứng bệnh này là vì có sự liên quan đến tiền kiếp và cái chết của Sinha”.

Hậu quả thứ hai là hoàn cảnh trái ngang có thể đưa nàng đến ý định tự hủy hoại thân mình. Marta có xác nhận với Tiến Sĩ Ian Stevenson, mặc dù chưa bao giờ có ý định tự tử cả, xong có thể làm việc ấy nếu có sẵn một khẩu súng.

Trên bình diện xác thực và khách lệ, nàng đã vượt đến sự tốt đẹp của bản thân tiền kiếp. Nàng đã được nhiều người đặc biệt nhớ đến nàng vì tình thương yêu và lòng nhân ái đã được thể hiện trong cuộc sống hiện tại của nàng. Với kinh nghiệm tái sanh nàng đã tìm được cách hữu hiệu để làm giảm bớt sự đau khổ và ưu sầu của những người chung quanh.

Tiến Sĩ Ian Stevenson đã viết trong báo cáo:

“Một ngày nọ một thiếu phụ đến thăm gia đình Lorenz và ta thán về cái chết của người cha. Thiếu phụ này nói: “Ồ các bạn thân mến, người chết rồi không bao giờ trở lại được”. Nghe vậy Marta đã lên tiếng: “Xin bà đừng nói thế, tôi cũng đã chết và bà có thấy không tôi đang sống lại đây”.

Một bữa khác trong cơn mưa bão, một người chị của Marta đã lo lắng cho người em Emilia mới chết có thể bị ướt dưới mộ sâu. Marta đã nói: “Chị đừng nói vậy, Emilia đâu còn ở nghĩa địa, Emilia đã ở một nơi an toàn tốt đẹp hơn nơi của chúng ta hiện nay, linh hồn không bao giờ bị ướt cả”.

-ooOoo-

-12-

SHAMLINIE PREMA

Tác Giả: Ian Stevenson

Shamlinie Prema sanh ngày 16 Tháng 10 năm 1962 tại Sri Lanka Colombo. Cha mẹ của Shamlinie sống ở Gonagela, cách Colombo 60 cây số về phía nam và lớn lên tại đó.

Cha mẹ của Shamlinie nhận thấy ngay từ khi biết nói, Shamlinie đã rất sợ nước, thường dấy dựa khóc thét lên mỗi khi có ai muốn đem em nhúng xuống nước. Em cũng sợ cả xe buýt và thường khóc lóc mỗi khi cha mẹ đem lên xe buýt hay nhìn thấy xe buýt từ đằng xa. Sự việc này làm cho cha mẹ em bối rối, ông bà cho rằng những biến cố ở kiếp trước đã ảnh hưởng tới đời sống hiện tại của em.

Đến khi biết nói em đã liên tiếp kể chuyện tiền kiếp của em cho cha mẹ cũng như những người thân thuộc. Em cho biết ở tiền kiếp em sống tại làng Galtudawa cách xa Gonagela 2 cây số. Em nói rằng cha mẹ tiền kiếp của em còn đang sống tại Galtudawa và em thường nhắc đến bà mẹ Galtudawa. Em cũng nói tới mấy người chị và hai người bạn học cùng trường. Em tả căn nhà ở tiền kiếp mà em đã sống, địa thế cũng như đặc điểm khác hẳn cái nhà mà em đang sống. Em kể nguyên do cái chết của em xảy ra như thế nào. Một buổi sáng để đi học em đi mua bánh mì trên con đường bị ngập nước. Một chiếc xe buýt chạy ngang làm bắn tung nước và em bị hất xuống ruộng. Em chỉ còn biết dờ tay vẫy gọi “Mẹ” và sau đó em cảm thấy như ngủ thiếp đi.

Ở Galtudawa có một cô gái tên là Hemaseelie Guneratne bị chết đuối ngày 8 tháng 5 năm 1961 trong hoàn cảnh tương tự. Hemaseelie đã lùi một bước để tránh xe buýt và cô bị rơi xuống ruộng lúa ngập nước. Hemaseeli là một học sinh 11 tuổi. Cha mẹ Shamlinie không hề quen biết gia đình Hemaseelie và cũng chưa gặp Hemaseelie lần nào cả. Tuy nhiên cha mẹ Shamlinie có được nghe chuyện cô học sinh chết đuối, cũng cảm thấy buồn nhưng sau đó rồi ông bà cũng quên bẵng đi.

Lần đầu tiên nghe em kể câu chuyện bị chết đuối cha mẹ em không nghĩ rằng em có liên quan đến cô bé Hemaseelie bị chết đuối cả. Khi Shamlinie lên 3 tuổi em nhận ra một người anh em họ của Hemaseelie khi người này đang đi trên đường phố ở Gonagela. Hơn một năm sau, Shamlinie lại nhận ra người chị của Hemaseelie cũng tại Gonagela. Đồng thời

Shamlinie đòi đi Galtudawa để thăm “Mẹ Galtudawa” và em cho rằng người mẹ hiện tại không sánh bằng “Mẹ Galtudawa” ở tiền kiếp.

Cuối cùng cha mẹ của em đã đưa em đến nhà Hemaseelie Gueratne ở Galtudawa. Nhiều người tụ tập nơi đây vì họ nghe nói có một cô gái tái sinh trở về thăm làng có. Sự hiện diện của những người lạ mặt khiến Shamlinie thấy thiếu thoải mái. Tuy nhiên Shamlinie cũng nhận ra “bà mẹ của Hemaseelie tên là W.L. Podi Nona” trong khi đó gia đình Guneratnes vẫn còn hoài nghi. Cuộc viếng thăm rất ích lợi vì đã xác minh được những việc mà Shamlinie đã từng tuyên bố. Hầu hết những chuyện Shamlinie kể về tiền kiếp đều trùng hợp với đời sống của Hemaseelie tại Galtudawa. Thêm vào đó, hai gia đình trong khi trao đổi tin tức đều nhận thấy Hemaseelie và Shamlinie đều có nhiều điểm giống nhau về cách thức ăn mặc cũng như sở thích ăn uống.

Tôi (Ian Stevenson) bắt đầu điều tra vụ này và năm 1966, vài tuần lễ sau khi Shamlinie viếng thăm Galtudawa lần đầu tiên. Tôi đã phỏng vấn một số người còn nhớ rõ những điều Shamlinie đã kể và đã làm, về cả cuộc đời tiền kiếp của Hemaseelie. Một năm sau tôi có đến thăm cả hai gia đình để có thể kiểm chứng và cũng để xem sự tiến triển của Shamlinie ra sao. Ngoại trừ một vài điều cách biệt nho nhỏ, còn tất cả những tin tức mà tôi thu lượm được đều rất xác thực và các nguồn tin mới này vẫn rất phù hợp với những điều mà họ nói trước kia.

Sau lần viếng thăm đầu tiên Galtudawa, Shamlinie trở lại thêm vài lần nữa thăm gia đình Guneratnes và sau đó các chuyến viếng thăm thưa dần ngày càng ít đi và Shamlinie càng lớn lên thì những ký ức về tiền kiếp của em mờ dần đi. Đến năm 7 tuổi thì Shamlinie không còn kể về tiền kiếp của em nữa. Khi lên 11 tuổi vào năm 1973, Shamlinie đã hoàn toàn quên hẳn ký ức về tiền kiếp ngay cả đến những việc trước đây em thường nhắc đến. Em cũng không còn sợ nước như hồi 4 tuổi nữa và khi em lên 8 tuổi thì em cũng không còn sợ hãi khi trông thấy xe buýt tuy nhiên vẫn còn một chút sợ sệt.

Năm 1973 tôi có trở lại thăm Shamlinie và thấy em đã trở thành một cô gái Sinhalese bình thường.

Trường hợp luân hồi của Shamlinie rất trung thực. Hai gia đình ở cách xa nhau 2 cây số và cũng không là thân thuộc mà Shamlinie lại hiểu biết đời sống của Hemaseelie với nhiều chi tiết rõ ràng.

Theo sự xét đoán của tôi (Ian Stevenson) sự liên hệ của hai gia đình không có, nên không thể nào giải thích nổi tại sao Shamlinie lại có thể hiểu biết tường tận đời sống cũng như cá tính khác thường của Hemaseelie. Phải chăng Hemaseelie đã tái sinh thành Shamlinie?

-ooOoo-

-13-

SULEYMAN ANDARY

Tác Giả: Ian Stevenson

Suleyman sanh ngày 4 Tháng 3 Năm 1954 tại Falougha, Lebanon. Gia đình Suleyman thuộc dòng Druses, một tôn giáo bắt nguồn từ Islam (Hồi Giáo). Tuy nhiên tôn giáo này đã tách ra khỏi Hồi Giáo chính thống và những người theo đạo Druses cũng coi như không còn lệ thuộc vào khối Hồi Giáo. Luân Hồi là một giáo lý căn bản của Đạo Druses.

Khi còn thơ ấu Suleyman nhớ vài chi tiết về tiền kiếp của anh. Đôi khi qua các giấc mộng, anh kể là anh đã có con ở tiền kiếp và còn nhớ cả tên của chúng nữa. Anh nhớ anh sống tại Gharife và là chủ của một hãng ép dầu.

Không giống đa số các trường hợp luân hồi khi còn nhỏ tuổi nhớ kiếp trước nhiều hơn, càng lớn tuổi anh càng nhớ lại nhiều về tiền kiếp. Trong lúc ở với bà nội khi anh 11 tuổi, anh cảm thấy anh có nhiều ký ức về tiền kiếp. Một hôm bà ngoại anh đến nhà mượn một cuốn kinh về đạo Druses. Suleyman đã từ chối không cho mượn còn lỡ mắng bắt lỗi bà ngoại không có cuốn kinh trong nhà. Bà nội anh bất mãn về thái độ cư xử của anh và yêu cầu anh giải thích. Bất ngờ anh nhớ lại ở tiền kiếp anh có rất nhiều kinh sách về Đạo Druses và không bao giờ anh cho ai đem những cuốn kinh này ra khỏi nhà. Người Druses rất quý trọng các cuốn kinh và thường giữ gìn cẩn thận. Hành động của Suleyman nếu là một thiếu niên thì quả là vô

lễ, nhưng với một người đã trưởng thành như Suleyman thì lại là một việc bình thường.

Sau câu chuyện trên, Suleyman đã kể nhiều các chi tiết về đời sống tiền kiếp của anh. Anh nhớ anh là một tù trưởng ở Gharife và có tên là Abdallah Abu Hamdan. Anh còn kể thêm nhiều chi tiết cuộc đời của Hamdan. Lúc bấy giờ Suleyman rất sợ bị chế nhạo khi nhận là tù trưởng ở tiền kiếp. Anh nghĩ là gia đình và bạn bè sẽ cho anh là ngạo mạn và sẽ châm biếm anh. Cho nên anh đã dấu kín trong lòng. Hai năm sau anh mới kể lại cho một số bạn bè trước cho một số người ít tuổi và về sau cho một số người lớn.

Vài người thân đứng tuổi của gia đình Suleyman đề nghị đem Suleyman đi Gharife để phối kiểm các tin tức nói về tiền kiếp của Suleyman. Gharife cách xa Falougha chừng 30 cây số, thuộc một vùng khác phạm vi Lebanon. Muốn đi Falougha đến Gharife phải có lý do xác đáng. Gia đình của Suleyman không quen ai ở Gharife cả và cũng không có một liên hệ nào với Gharife cả. Có một người trong gia đình Suleyman làm việc tại Gharife trong một thời gian ngắn nhưng cũng không biết những lời kể của Suleyman đúng hay sai. Sau đó chính người này đến Gharife điều tra đã xác nhận những điều Suleyman kể lại đều rất đúng. Cùng lúc ấy có vài người khác công nhận tính cách trung thực của các sự việc trên.

Giống như trường hợp của Á Đông, câu chuyện của Suleyman được nhiều người biết đến. Một người anh em họ của Suleyman đã gặp vài người Gharife ở Saudi Arabia và được biết những lời kể của Suleyman rất xác thực. Người tên là Abdallah Abu Hamdan mà Suleyman nhận là tiền kiếp của mình là chủ nhân một hãng dầu ép và làm tù trưởng nhiều năm trước khi chết vì bệnh tim năm 1942 lúc 65 tuổi. Những người Gharife đã mời Suleyman đến thăm Gharife. Lúc đầu anh từ chối nhưng đến năm 1967 anh đã đi Gharife 2 lần, vào mùa hạ và mùa thu. Khi tới Gharife anh cảm thấy thẹn thùng và ngỡ ngàng. Người vợ góa của Abdallah Abu Hamdan và 2 người con còn sống tại Gharife nhưng anh không nhận ra họ và cũng không nhận được những người thân quyến. Anh nhận được 3 người khác và vài nơi tại Gharife. Có lẽ điều quan trọng nhất là anh đã chỉ một con đường có từ năm 1967 không còn sử dụng, con đường trước kia dẫn đến nhà Abdallah Abu

Hamdan. Tuy nhiên tầm quan trọng của trường hợp Suleyman không nằm trong sự xác nhận của anh mà là những cá tính riêng biệt của anh phát sanh từ tiền kiếp. Trước khi Gharife, cũng như trong cuộc viếng thăm lần đầu, Suleyman đã 17 lần nói về tiền kiếp của anh. Những lời anh kể gồm có tên các con anh và các chi tiết khác về đời sống của anh. Những lời phát biểu của anh đều đúng ngoại trừ hai trường hợp: 1) Salim là em chứ không phải con anh, 2) Salim không bị mù mà Naseeb con anh mới bị mù.

Tôi (Ian Stevenson) bắt đầu điều tra vụ này vào tháng 3 năm 1968 và tiếp tục cho đến năm 1972. Tôi đã phỏng vấn nhiều người tại Falougha và Gharife. Sau này Suleyman di cư sang Saudi Arabia và từ năm 1972 tôi không còn gặp Suleyman nữa. Khi Suleyman còn nhỏ tuổi anh đã tỏ ra phong thái một người lớn. Anh thích giao du với người lớn hơn là người đồng lứa tuổi và ngay cả giữa đám người lớn anh cũng chọn chỗ ngồi dành riêng cho những vị có đặc quyền. Anh không thích bị ai la rầy và khi ấy anh thường nói: “Đừng mắng tôi, tôi là người lớn mà”. Suleyman thường sợ bị người khác chế nhạo nếu họ biết anh nhận là ông tù trưởng ở tiền kiếp. Gia đình và bạn bè thường chế anh là “Ông Tù Trưởng”. Điều này cũng không làm anh buồn mấy vì một số người trong gia đình đã tin anh và thân yêu gọi anh bằng cái tên này. Dĩ nhiên họ chỉ tin anh sau khi anh đã xác thực được những điều anh kể về tiền kiếp của Abdallah Abu Hamdan. Trong gia đình Suleyman cũng tỏ ra là người mộ đạo hơn những người khác giống hệt như Abdallah Abu Hamdan. Trước khi chết, Hamdan đã trở thành tộc trưởng, một chức vị cao cấp mà nhiều người mơ ước.

Tôi thấy Suleyman không muốn đến thăm Gharife nên anh đã từ chối lần đầu. Gia đình của Suleyman hiểu rõ hơn cho rằng anh không thích đi Gharife vì anh không muốn nhìn lại những thảm kịch trong đời sống của Hamdan. Các con của Hamdan không mấy nên người, có nhiều thói hư tật xấu, một người thì di dân sang Hoa Kỳ, một người thì ăn ở với Hamdan không hiếu thuận. Trong những ngày cuối cùng Hamdan gặp khó khăn. Vì muốn giúp đỡ một người bạn Hamdan đã ngụy tạo một tài liệu khiến chính phủ khám phá ra được và Hamdan bị cất chức. Cuối cùng Hamdan đã đầu tư vào việc ép dầu

nhưng tình trạng tài chánh eo hẹp nên việc buôn bán không kết quả. Việc đầu tư thất bại làm Hamdan buồn phiền, nhuốm bệnh rồi qua đời. Hamdan chết năm 1942, 12 năm trước khi Suleyman sanh ra đời. Được hỏi về thời gian 12 năm chưa luân hồi thì Suleyman ở đâu, Suleyman trả lời không nhớ gì cả.

Với ký ức của Suleyman về tiền kiếp là Abdallah Abu Hamdan, tôi (Ian Stevenson) không nghĩ rằng những tin tức do Suleyman thu lượm được bằng cách thông thường vì hai làng cách xa nhau đến 30 cây số và hai gia đình cũng không có liên lạc gì với nhau cả.

-ooOoo-

-14-

TIỀN THÂN BONGKUCH PROMSIN

Tác giả: Ian Stevenson

Bongkuch Promsin sanh ngày 12 Tháng 2 Năm 1962 tại làng Don Kha, Tỉnh Nakhon Sawan, Thái Lan. Ông Pamorn Promsin, cha Bongkuch là Hiệu Trưởng một trường Trung Học gần Don Kha. Tuy ông có kiến thức khá nhưng lương hàng tháng lại ít ỏi nên cuộc sống của gia đình rất đạm bạc.

Ngay khi biết nói rành rẽ, Bongkuch đã hay kể chuyện về tiền kiếp của mình. Bongkuch tả cho gia đình nghe nhiều chi tiết về đời sống trước như em ở làng Hua Tanon cách Don Kha chừng 9 cây số, em có tên là Chamrat và còn nhớ tên cha mẹ của Chamrat. Em cũng kể ra các vật dụng mà em có như là con dao, chiếc xe đạp, và gia đình ở tiền kiếp có nuôi 2 con bà. (Gia đình hiện tại của em không nuôi bà). Em cho biết một chi tiết đặc biệt là đã bị hai tên sát nhân giết chết ở Hua Tanon. Họ đã đâm em nhiều nhát để lấy chiếc đồng hồ đeo tay và sợi giây chuyền của em. Sau đó họ đã vắt thây em xuống ruộng. (Khi kể chuyện này Bongkuch chừng 2 tuổi). Bongkuch cho biết sau khi chết em ở trên một ngọn cây gần nơi bị giết một thời gian là bảy năm. Một hôm trời mưa em trông thấy người cha hiện tại (Pamorn Promsin) đi ngang, em đã theo ông về nhà bằng xe buýt. Cha của Bongkuch xác nhận là trước khi vợ ông mang thai Bongkuch, ông có đi Hua Tanon để dự một phiên họp và hôm đó trời mưa.

Mẹ của Bongkuch cho biết có lần Bà đi tìm măng ở khu vực xảy ra án mạng trước khi mang thai Bongkuch nhưng không nhớ rõ thời gian nào. Bà nói rằng Bà không đến nơi gia đình Chamrat cư ngụ. Ông Pamorn Promsin vì nghề nghiệp có quen biết vài thầy giáo ở Hua Tanon nhưng không có bà con hoặc bạn bè ở đây. Cả hai vợ chồng đều xác nhận với tôi (Ian Stevenson) là không biết gì về vụ Chamrat, một thiếu niên bị giết cả. Những tin tức giết người của một làng như Hua Tanon có được loan truyền đến các vùng lân cận như Don Kha nhưng những vụ án mạng thời ấy thường hay xảy ra nên người ta không mấy quan tâm đến và hầu như đã quên vụ án xảy ra. Hơn nữa vụ án xảy ra nay đã trên 10 năm thì tôi cho rằng dù cha mẹ Bongkuch có nghe kể vụ Chamrat bị giết cũng ít chú ý và gần như là quên ngay.

Chuyện Bongkuch kể về tiền kiếp của mình đã đến tai gia đình Chanrat và một vài người đã tới Don Kha thăm Bongkuch.(Lúc này Bongkuch chừng 2 tuổi rưỡi). Sau đó Bongkuch có theo gia đình đến Hua Tanon. Những chuyến viếng thăm này chỉ có mục đích là để kiểm chứng những điều Bongkuch nói về tiền kiếp. Chuyện về tiền kiếp của Bongkuch là có thực. Hai người dính líu trong vụ giết Chamrat, một người đã tẩu thoát được, còn một người tuy bị bắt nhưng được tha vì thiếu chứng cứ. Tôi (Ian Stevenson) có thẩm vấn vài người cảnh sát hiện còn nhớ rõ vụ án, họ đã xác nhận những lời Bongkuch cho biết về vụ giết người rất là trung thực kể cả tên những người bị tình nghi.

Các báo cáo về trường hợp này đã được đăng trên báo chí Thái Lan vào tháng 3 năm 1965 và một thông tin viên đã gọi cho tôi. Bác Sĩ Sophon Nakphairaj (Giám Đốc Bệnh Viện của Chánh Phủ Tỉnh Nakhon Sawan) đã điều tra vụ này năm 1965. Còn tôi điều tra vụ này năm 1966. Tôi đã phỏng vấn cả hai gia đình tại Don Kha và Hua Tanon. Tôi vẫn tiếp tục điều tra vào những năm sau đó, và lần chót tôi gặp cha mẹ Bongkuch vào năm 1980. Tính tình khác thường của Bongkuch đã khiến cho gia đình em và sau này cả tôi cũng đều phải quan tâm đến em. Trong thời gian nói nhiều đến tiền kiếp gia đình thường thấy em có nhiều tật xấu, chẳng hạn như cách thức rửa tay và đôi khi em nói những tiếng mà gia đình không hiểu. Sở thích về ăn uống của Bongkuch không giống như những người trong

gia đình vì gia đình Chamrat là một gia đình Lào. (Người Thái cho rằng những món ăn của người Lào không tinh khiết bằng những món ăn của Thái và tiếng nói lạ lùng chính là tiếng Lào). Gia đình Bongkuch không có ai biết nói tiếng Lào ngay cả những người dân làng Don Kha. Bongkuch thích các món ăn Lào, chẳng hạn như món ăn cơm nếp mà người Lào ưa chuộng. Bongkuch thù ghét các người giết Chamrat và em hăm dọa là sẽ trả thù khi có dịp. Thỉnh thoảng em lấy một cây gậy nhỏ và đánh vào một cái trụ mà em tưởng tượng là kẻ thù đã giết Chamrat; em vừa đánh vừa gọi tên những kẻ sát nhân. Có lúc em nghĩ rằng em là một người lớn bị tù túng trong một thân hình đứa nhỏ cho nên em có cử chỉ của một người lớn. Em đánh răng (Trẻ con Thái Lan thường không đánh răng). Đặc biệt có lần em đã tới tiệm hớt tóc để xin cạo râu. Em không để ý đến những bộ gái cùng lứa tuổi mà chú ý đến các thiếu nữ. Một hôm có một thiếu nữ đến thăm gia đình em và dự định ở chơi ít bữa, nhưng vì thái độ mơn trớn ve vãn của em khiến thiếu nữ bức mình phải ra về sớm. Ngoài tính hơi phóng đảng, đôi khi anh lại muốn xuất gia đầu Phật. Hai bản chất trái ngược này của Bongkuch rất phù hợp với tính tình của Chamrat. Trước khi chết, Chamrat có gắn bó với một người bạn gái, Chamrat cũng đặc biệt lưu ý đến tôn giáo và anh muốn trở thành một thầy tu. (Điều này không có gì là bất thường vì ở Thái Lan, rất nhiều thanh niên vào Chùa tu một thời gian và sau đó trở về đời sống cư sĩ và lập gia đình).

Khi Bongkuch càng lớn lên thì trí nhớ về tiền kiếp càng mờ dần. Trong làng, các trẻ khác vẫn thường chế nhạo em là “đứa trẻ có hai đời sống”, điều này làm em muốn quên ký ức. Đến năm 10 tuổi thì em không còn kể chuyện với ai về tiền kiếp của mình nữa. Ký ức mờ nhạt dần với thời gian, em đã trở lại hoàn toàn bình thường.

Năm 1980, vào lần cuối cùng tôi (Ian Stevenson) gặp lại em, lúc này em đã 18 tuổi đang theo học ở một trường Tỉnh Nakhon Sawan. Một điều mà em không bỏ được là tính thích ăn cơm nếp như những người Lào.

-ooOoo-

-15-

TIỀN THÂN CỦA GILLIAN VÀ JENNIFER POLLOCK

Tác Giả: Ian Stevenson

Gillian và Jennifer Pollock, hai chị em sanh đôi, sanh ngày 4 tháng 10 năm 1958 tại Hexam Northumberland, Anh Quốc. Trong khoảng thời gian từ hai tuổi đến bốn tuổi, 2 em thường nhắc đến cuộc đời của 2 người chị có tên là Joanna và Jacqueline. Ngày 5 Tháng 5 Năm 1957, một người điên lái xe hơi đã đâm lên vỉa hồ tông vào Joanna và Jacqueline đang đi bộ làm hai em chết ngay tại chỗ. Lúc xảy ra tai nạn, Joanna được 11 tuổi và Jacqueline 6 tuổi.

Thảm kịch làm cho ông bà Pollock đau đớn. Tuy nhiên Ông John Pollock vùng tin ở luân hồi nhưng vợ ông thì không. Vào đầu năm 1958 khi bà mang thai ông quả quyết rằng Joanna và Jacqueline đã đầu thai song sanh để trở lại với gia đình. Bất chấp hồ sơ y khoa đã ghi nhận Bà Florence Pollock chỉ sanh một người con, ông John Polloch vẫn tin là vợ ông sẽ sanh đôi.

Đúng như sự dự đoán của ông, vợ ông đã sanh đôi. Ông bà Pollock nhận thấy em Jennifer có hai bớt cùng một cỡ và cùng một vị trí như 2 vết bớt trên người Jacqueline, một vết trên trán gần sống mũi Jacqueline. Jacqueline có vết thẹo này là vì bị té, còn vết kia là một mụn ruồi màu nâu ở phía trái thắt lưng của Jennifer giống y như Jacqueline.

Trong thời gian từ 2 đến 4 tuổi, hai chị em song sanh thường nói đến đời sống của 2 người chị đã chết. Hai em nhận ra vài món đồ chơi mà chị của chúng đã chơi trước kia và tỏ ra rất quen thuộc như đã từng có. Ông Bà Pollock xác nhận là ông bà cũng không bao giờ đề cập đến 2 đứa con đã chết với đôi trẻ song sanh và chúng cũng chưa bao giờ nhìn thấy các đồ chơi trước khi chúng nhắc đến hai người chị.

Jennifer thường ỷ lại vào chị là Gillian cũng như trước đây Jacqueline thường nương tựa vào Joanna. Khi hai em bắt đầu học viết thì Gillian, ngay từ buổi ban đầu đã biết cầm bút một cách rành rẽ giữa các ngón tay, còn ngược lại Jennifer thì cầm cây viết bằng cả nắm tay. Joanna lúc chết đã 11 tuổi nên đã biết viết còn Jacqueline chỉ mới 6 tuổi còn đang tập viết nên cầm cây viết bằng cả nắm tay.

Tôi (Ian Stevenson) bắt đầu điều tra vụ này năm 1964 và thường xuyên liên lạc với gia đình Pollock cho đến năm 1985. Lòng nhiệt thành tin vào luân hồi của ông Pollock có thể làm cho trường hợp bị suy giảm và một số người không tin rằng hai ông bà hay những người khác trong gia đình đã không nói trước mặt 2 em về cái chết của 2 người chị. Để trả lời việc nói rằng quan niệm quá tin tưởng về luân hồi của ông có thể làm thiệt hại cũng như sai lạc hẳn ý nghĩa của trường hợp, ông đã khôn khéo trả lời việc đó cũng có nhưng chỉ một phần nào thôi. Việc không dấu diếm về luân hồi khiến ông ghi nhớ các nhận xét và các tính tình của 2 đứa con song sinh giống như 2 đứa chị đã chết nhưng hầu hết các bậc cha mẹ người Âu Châu thường không tin mà còn nhạo báng.

Năm 1978 tôi (Ian Stevenson) đã thử máu 2 chị em song sinh để xem chúng sanh ra từ một trứng hay hai trứng. Cuộc thử máu này cho thấy hai chị em do một trứng sanh ra, có nghĩa là cùng một chủng tử. Có những người cho rằng những vết bớt trên người Jennifer là do di truyền nhưng nếu như vậy thì Gillian cũng phải có các vết bớt đó; đằng này Gillian không có vết nào cả. Những vết bớt trên Jennifer lại trùng hợp với những vết bớt trên người Jacqueline cả về kích thước lẫn vị trí. (Phải chăng Jennifer chính là hiện thân của Jacqueline nên đã có những vết này).

Gillian và Jennifer đã lớn lên bình thường như mọi người và hầu như đã quên hẳn những chuyện khi còn thơ ấu thường hay kể ký ức về tiền kiếp. Lần tôi gặp hai cô vào năm 1985, hai cô không còn nhắc gì đến tiền kiếp của mình nữa tuy nhiên hai cô cũng không từ chối các bằng chứng trước đây mà ông bà Pollock đã nhận thấy khi hai cô còn thơ ấu.

-ooOoo-

-16-

SAMUEL HELANDER

Tác Giả: Ian Stevenson

Samuel Helander sanh ngày 15 tháng 4 năm 1976 tại Helsinki, Phần Lan, Âu Châu. Từ một đến hai tuổi em thường nói đến đời sống của người cậu (em trai mẹ) có tên là Pertti

Haikio. Về sau càng lớn Samuel càng giống tính tình của cậu Pertti.

Tôi điều tra vụ này vào năm 1978 và năm 1981. Những người cung cấp tin tức cho tôi gồm có mẹ Samuel, bà ngoại Samuel, người này cũng là mẹ của Pertti.

Pertti Haikio sanh ngày 8 tháng 6 năm 1957 tại Helsinki, Phần Lan, chết vì bệnh tiểu đường ngày 10 tháng 6 năm 1975 khi vừa 18 tuổi. Vài tháng trước khi chết, Pertti mắc bệnh tiểu đường trầm trọng - đã uống thật nhiều nước mà gia đình không ai để ý đến việc này - Pertti đã bị bất tỉnh và chết.

Mẹ Pertti, Bà Anneli Lagerqvist (đã tái giá sau khi ly dị với cha Pertti) và người con gái là Marja Helander mẹ của Samuel) rất buồn thảm sau cái chết của Pertti. Lúc có mang Samuel được 10 tuần, Marja có ý định muốn phá thai. Trong một giấc mộng, Marja nằm mơ thấy Pertti căn dặn “đừng phá thai, hãy giữ đứa nhỏ”.

Khi Samuel được 1 tuổi rưỡi, được hỏi đến tên thì Samuel trả lời “Pelti”. (Ở thời điểm này và sau một thời gian nữa Samuel không nói rõ được vần r trong chữ Pertti). Gia đình rất lấy làm lạ vì đã nhiều lần căn dặn tên là Samuel nhưng em cứ nhất định là Pelti (sau này thì Pertti). Năm lên 6 tuổi Samuel vẫn cho mình là Pelti. Tuy nhiên em không từ chối lại gần mẹ mỗi lần bà gọi em là Samuel. Samuel đã nhớ một vài điều liên quan đến tiền kiếp chẳng hạn nhận ra vài người trong ảnh hay vài món đồ quen thuộc của Pertti. Những tấm hình chụp Pertti khi chưa tới 10 tuổi thường làm Samuel chú ý. Nhìn vào một bức hình Pertti lên ba, Samuel nói rằng lúc chụp tấm hình này Pertti bị chó cắn vào bắp chân trong khi Samuel chưa bao giờ bị chó cắn và nghe ai nói đến việc Pertti bị chó cắn. Bức hình cũng không có dấu vết gì cho biết Pertti bị chó cắn. Nhìn một bức hình Pertti mang nặng, Samuel nói đó là hình Samuel, em đã phải nằm nhà thương để băng bó đôi chân. Khi tôi (Ian Stevenson) đến Helsinki để tìm hiểu, tôi có được xem tấm hình này. Tấm hình chụp Pertti mang nặng và người ta có thể đoán là Pertti bị thương đôi chân nhưng bức hình không có dấu vết gì cho biết đôi chân Pertti đã bị băng bó trước khi chụp hình. Vào khoảng 4 tuổi Pertti đã bị tai nạn gãy 2 chân. Và lúc nói ra điều này thì Samuel cũng khoảng gần 4 tuổi. Mỗi

dịp thấy hình của Pertti, Samuel đều nhận là hình của em. Nhìn tấm hình cha Pertti, Samuel nói “Đây là hình cha tôi”. Bà Marja vẫn dấu tấm hình này vì sợ người chồng sau ghen tuông nên quả quyết là Samuel chưa bao giờ nhìn thấy tấm hình đó cả. Samuel cũng nhận được nhiều món đồ của Pertti: một cây đàn lục huyền cầm, một cái áo lạnh bằng nhung sọc và một chiếc đồng hồ có vút trong một ngăn tủ, toàn đồ linh tinh bỏ đi. Khi thấy chiếc đồng hồ, Samuel vội chụp ngay, nói là của em và xin được giữ lại mặc dầu chiếc đồng hồ đã mất cả quai. Khi ngủ có lúc em để dưới gối, có lúc cất trong ngăn kéo giường.

Hỏi về cái chết của Pertti thì Samuel nói rằng Pertti đã được quản tại một nơi có nhiều quan tài, có vài chiếc được mở nắp. (Samuel chưa bao giờ được dẫn tới một nhà quản nào cả). Xác của Pertti sau khi chết được mang tới một nhà quản. Samuel còn cho biết mẹ Pertti (Bà Ngoại Samuel) đã khóc thảm thiết như thế nào. Khi được đưa tới nghĩa trang, Samuel đã chỉ vào ngôi mộ Pertti mà nói rằng “Đây là mộ tôi”.

Bà ngoại cũng như mẹ Samuel đều nhận thấy Samuel có cá tính giống Pertti. Khi Pertti còn nhỏ có lần bị uống nước trong bồn tắm nên đã sợ nước, sau đó khoảng 15, 16 tuổi Pertti lại bị ngã từ một cầu tàu xuống biển, suýt chết dưới nước sau tai nạn này, Pertti càng bị nước ám ảnh. Vì vậy Pertti không bao giờ bơi lội cả. Samuel cũng vậy, em rất sợ nước, tắm với Samuel là “một cực hình” - nên em luôn luôn phản đối mỗi lần phải tắm. Khi bắt đầu biết nói, Samuel gọi Bà Anneli Lingerqvist là “Mẹ” (Bà ngoại Samuel và là mẹ Pertti) còn mẹ ruột của em là Marja Helander thì em lại gọi bằng tên và nói “Bà không phải mẹ tôi đâu”. Samuel thường tỏ ra âu yếm và quyến luyến Anneli (Bà Ngoại) và thường đòi bú sữa của Bà. Mãi đến khi lên 5, Samuel mới thôi không gọi Bà Anneli là “Mẹ” nữa.

Khi Pertti còn sống, cứ vào chiều ngày lễ Giáng Sinh, khi mọi người thân đã quây quần đầy đủ, Pertti có thói quen đi hôn từng người một. Trong gia đình chỉ có mình Pertti làm vậy. Vào Giáng Sinh năm 1978 khi được 2 tuổi rưỡi Samuel đi vòng quanh phòng và hôn từng người một y như Pertti đã làm ngày trước. Samuel cũng có hai bộ điệu giống như Pertti, khi đứng thì chân trước chân sau và tay thì chống nạnh, khi đi thì

hai tay chấp đàng sau lưng. Trong gia đình không một ai có cử chỉ như trên cả.

Qua sự thực và những bằng chứng hiển nhiên đã được phối kiểm về trường hợp luân hồi này, Pertti chết năm 18 tuổi vào ngày 10 tháng 6 năm 1975 đã tái sinh ngày 15 tháng 4 năm 1976 làm con của chị ruột là Marja Helander và mang tên hiện nay là Samuel Helander.

-ooOoo-

-17-

ROBERTA MORGAN

Tác Giả: Ian Stevenson

Tôi được biết trường hợp luân hồi này vào tháng 2 năm 1971 khi Bà Shirley Morgan, mẹ của Roberta ở Minnesota điện thoại đến Đại Học Đường Virginia nói là từ mấy năm nay Roberta, con Bà cứ quả quyết là có “cha mẹ” khác. Em muốn đến thăm nhưng gần như tuyệt vọng. Em nói em đã hứa về thăm cha mẹ khác này và em muốn giữ đúng lời hứa.

Roberta sinh ngày 28 tháng 8 năm 1961 và đến tháng 2 năm 1971 em được 9 tuổi rưỡi. Em bắt đầu nói về tiền kiếp từ khi em khoảng 2 tuổi đến 2 tuổi rưỡi (1). Bà Morgan cho biết trong khoảng thời gian này em nói nhiều đến tiền kiếp nhưng lúc này Bà chưa hiểu về luân hồi nên cho rằng Roberta nói vớ vẩn mà thôi. Về sau nhờ đọc sách và suy luận Bà mới thấy là Roberta quả đã nhớ được tiền kiếp của mình và sự việc Bà cảm đoán không cho Roberta nói về tiền kiếp là sai.

(1) Nhưng đến năm 1971, em đã thôi nhắc tới, tôi sẽ nói rõ lý do sau.

Đến năm 1971, sau khi có ít khởi niệm về luân hồi, Bà cảm thấy có trách nhiệm là phải tìm ra gia đình tiền kiếp của Roberta. Sau khi được điện thoại của Bà, tôi có liên lạc với Bà và yêu cầu Bà viết ra tất cả những gì mà Roberta nhớ được về tiền kiếp của em. Bà Morgan đã làm theo những lời tôi dặn và đã trả lời những câu hỏi của tôi trong những thư kế tiếp.

Tháng 7 năm 1972 tôi đến Minnesota thăm Roberta và Bà Shirley Morgan - (tôi không gặp cha Roberta) - Roberta đã tỏ ra thân thiện với tôi nhưng vào lúc này em đã quên hẳn tiền

kiếp của mình. Qua các cuộc đàm thoại và các tin tức Bà Morgan cung cấp cho tôi được biết câu chuyện như sau.

Trong thời kỳ em hay nhắc đến tiền kiếp thì em cư xử giống như một người con nuôi. Em nhớ rõ căn nhà của gia đình em. Nhà em trên một ngọn đồi không có nhà nào kế bên và phải đi qua một con đường đất dài mới tới. Gia đình em có một trang trại nuôi ngựa và chó. Có lần lúc 4 tuổi em được đưa tới chuồng ngựa, em đã đi thẳng lại những con ngựa và cho chúng ăn. Có người hỏi em: “Em có sợ ngựa không?” Em đã trả lời: “Không em đã cưỡi ngựa nhiều lần “. Roberta cũng nói đến chiếc xe hơi của người cha. Em không nhớ rõ là xe chở khách hay xe chở hàng nhưng xe này thỉnh thoảng người cha của em vẫn chạy. Roberta nói rằng: “Cha và mẹ khác cũng sống ở thành phố này ” (Thành phố này khác thành phố mà tôi đến thăm họ). Có một lần cùng ngồi xe với mẹ, Roberta đã chỉ một con đường nói là em ở đó. Em cho biết con đường đất cũng dẫn đến xa lộ. Em muốn xuống xe đến thăm ngôi nhà xưa nhưng Bà Morgan ngăn cản vì lúc đó Bà chưa hiểu gì về luân hồi nên đâu có để ý đến lời nói của một đứa trẻ. Roberta đã cản nhắc mẹ nhiều ngày vì Bà không dẫn em đến thăm cha mẹ ở tiền kiếp nhân dịp tốt này.

Roberta đòi mẹ mua những đồ chơi giống như đồ chơi mà em thường có, khi nghe mẹ nói không biết đó là những đồ chơi nào thì Roberta bảo rằng là Bà kém thông minh. Và một lần khác em đã gắt gỏng vì Bà không nhớ đến tiền kiếp của em, theo em Bà Morgan phải biết đến tiền kiếp của em.

Quả là Roberta đã nhớ rất rõ tiền kiếp. Về người mẹ ở tiền kiếp Roberta nói với Bà Morgan: “Mẹ (hiện tại) cư xử giống hệt như người mẹ trước của con nhưng Bà ấy nhìn không giống mẹ”. Roberta khen người mẹ trước nội trợ giỏi nhất là về nấu ăn. Khi Bà Shirley Morgan nấu vài món ăn mới cho bữa cơm chiều thì đôi khi Roberta lại nói là em đã ăn nhiều lần món ăn này. Một hôm Bà Morgan nấu món bắp nhồi sẽ để dành cho gia đình một ngạc nhiên. Khi Bà đặt món ăn lên bàn Roberta đã không ngạc nhiên chút nào còn nói: “Con đã ăn nhiều lần món này, mẹ không nhớ là mẹ trước của con thường nấu món này sao”. Em đã dùng một tên khác để gọi món ăn này nhưng Bà Morgan không còn nhớ. Bà Morgan hỏi Roberta cách nấu món ăn này của người mẹ trước, Roberta đã kiên

nhấn tả lại. Roberta cũng cho rằng mẹ hiện tại ngu xuẩn không biết chửi các cửa kiếp như người mẹ trước. Ngoài ra Roberta thường xen vào câu chuyện của cha mẹ và phát biểu nhiều ý kiến mà theo mẹ em em không thể nào biết như vậy. Roberta cho vài manh mối về thời đại em sống ở kiếp trước chẳng hạn như em không thích mặc quần áo kiểu cò, gia đình có xe hơi, đa số các chủ trại đều có xe hơi. Roberta còn nhấn mạnh cha mẹ trước của em còn sống và cố gắng tìm thế nào cũng thấy.

Roberta có khuynh hướng mặc quần áo con trai. Em không muốn làm con gái. Em thích các đồ chơi dành cho con trai. Khi Bà Morgan hỏi thẳng rằng em chết như thế nào thì em trả lời “Con không chết, con chỉ xa cha mẹ một thời gian, con đã nói với họ là con sẽ trở về”. Không bao giờ em nói là em yêu mến cha mẹ trước của em hơn nên Bà Morgan nghĩ rằng Bà là người được Roberta thương mến nhiều hơn. Vì em không nhớ tên cha mẹ nên Bà Morgan không thể nào kiểm tra được gia đình tiền kiếp của em.

Bà Shirley Morgan cùng chồng là người Cơ Đốc Giáo - Bà là thành viên của Hội Cơ Đốc nên không bao giờ được nghe về luân hồi cả. Vì không hiểu luân hồi nên thời gian Roberta nói về tiền kiếp Bà chẳng những đã không khuyến khích mà còn bực mình nữa. Lại nữa Roberta đã so sánh Bà với người mẹ ở tiền kiếp nên Bà không thích Roberta nói về tiền kiếp. Vì vậy cho nên mỗi lần nói đến tiền kiếp là Bà tức giận và đánh Roberta. Sợ bị trừng phạt nên Roberta đã phải ngừng không dám nói về tiền kiếp nữa. Dù vậy, đến năm 4 tuổi hỏi em, em cũng vẫn nói là em đã có nhiều lần cưới ngựa.

Sau này Bà Shirley Morgan cảm thấy hối hận và bị ám ảnh bởi những lời ghi nhận của Roberta và Bà đã đổi ý muốn đi tìm lại cha mẹ ở tiền kiếp cho Roberta. Bà đã rất ân hận vì đã đánh đập Roberta, cảm đoán em nói về tiền kiếp khiến em không dám nói về tiền kiếp nữa và cũng vì vậy việc tìm kiếm không thể thực hiện được. Nếu trong thời gian Roberta nói về tiền kiếp, Bà không đánh đập em, khuyến khích em, rất có thể em nhớ lại tên cha mẹ em ở tiền kiếp. Rất tiếc là khi Bà Shirley Morgan thay đổi thái độ thì Roberta đã 9 tuổi rưỡi rồi nên không còn nhớ gì về tiền kiếp cả.

Sau khi thăm gia đình Roberta vào mùa hè năm 1972, tôi không còn liên lạc với gia đình này nên không còn biết gì hơn về trường hợp này nữa.

-ooOoo-

-18-

TIỀN THÂN CỦA SUSAN EASLAND

Tác Giả: Ian Stevenson

Lần đầu tiên tôi biết trường hợp này vào năm 1968 khi tôi nhận được thư của Bà Charlotte Eastland. Sau khi đọc các bài tham cứu của tôi trên các tạp chí, Bà đã viết thư cho tôi những gì mà con gái Bà là Susan nói về tiền kiếp. Susan có nhiều ký ức về người chị gái tên là Winnie đã chết.

Tôi đã thư từ liên lạc với Bà Eastland trong năm 1968 và đầu năm 1969. Tới mùa thu năm 1969 tôi đến thăm Bà ở Idaho. Tại nhà Bà, tôi đã gặp Susan, nhân vật chính của câu chuyện và người con gái lớn của Bà là Sharon. Tôi rất tiếc không được gặp Ông Robert Eastland, người chồng sau này của Bà vì Ông Robert đã nhiều lần mục kích Susan nói về tiền kiếp.

Winnie là con của Bà Charlotte Eastland lên 6 tuổi rất dễ thương đã bị xe đụng chết vào năm 1961. Cái chết đột ngột của Winnie làm gia đình Bà Eastland rất đau buồn. Bà cầu mong Winnie được tái sinh trở lại với gia đình. Lúc này Bà chỉ có ý niệm mơ hồ về luân hồi. Bà kể cho tôi nghe là ở Ấn Độ người ta nói rằng con người có thể tái sinh làm con vật (theo Bà cũng không thể) chứ không nghe nói một người chết có thể tái sinh thành người khác được.

Sau khi Winnie chết được 6 tháng, người con gái lớn nhất trong gia đình là Sharon nằm mơ thấy Winnie trở về với gia đình. Rồi hai năm sau Bà Eastland mang thai Susan thì Sharon cũng lại nằm mơ thấy Winnie trở về. Năm 1964 Bà Eastland còn đang ở trong nhà Bảo Sanh chờ sinh Susan thì người chồng trước của Bà (cha của mấy đứa con Bà) có nghe thấy Winnie nói: “Thưa Ba con đang trở về”. Hai năm trước gia đình đã mất đứa con gái là Winnie thì nay Susan ra đời, ai nấy đều thầm mong Susan chính là Winnie tái sinh.

Khi được hai tuổi, Susan bắt đầu nói ít nhiều đến đời sống của Winnie. Nếu có ai hỏi Susan năm nay bao nhiêu tuổi thì Susan trả lời là sáu tuổi (tuổi lúc Winnie bị chết). Khi lên năm tuổi, Susan có vẻ già dặn hơn tuổi, Susan cả quyết là lớn hơn người anh tên Richard đang 11 tuổi. Winnie lớn hơn Richard 3 tuổi, cho nên nếu là Winnie thì điều này rất đúng, còn là Susan thì sai hoàn toàn!

Được xem hai tấm ảnh của Winnie, Susan nhất định “Đó là hình tôi mà”. Không những thế Susan còn đòi giữ những tấm ảnh nữa. Một cái Susan treo chỗ giường ngủ, còn một cái thì mang theo người trong một thời gian.

Susan chưa bao giờ được gọi bằng tên Winnie, nhưng có một lần, Susan cầm lấy cây bút chì viết nguệch ngoạc vào cánh cửa nhà bếp chữ “Winni”. Em bỏ sót chữ e và viết chữ I nghiêng thay vì thẳng. Trong thời gian này, Susan thường nói câu: “Khi nào tôi đi học tôi sẽ chơi đu ở trong trường”. Susan chưa đi học, em vẫn ngồi đu ở sân nhà. Winnie khi xưa lúc bắt đầu đi học trước khi bị chết thậm chí vẫn hay chơi đu ở trong trường.

Khi Winnie còn sống, Bà Eastland có một lọ bánh có hình con mèo. Mỗi khi đứa nào muốn ăn, Bà thường hỏi con mèo có thể cho con Bà mấy chiếc và Bà giả bộ nói giọng con mèo trả lời: “Meo, con có thể lấy một chiếc” (Số bánh thay đổi tùy theo đứa trẻ đòi nhiều hay ít). Khi Winnie chết Bà cất cái lọ đi và quên hẳn đã mấy năm. Lúc Susan lên 4, Bà Eastland lại mang cái lọ ra và bỏ vào đầy bánh. Susan đòi một chiếc, Bà vô tình hỏi Susan “Con mèo nói sao?”, không suy nghĩ Susan trả lời: “Meo, con có thể lấy một chiếc”. Bà Eastland không thể ngờ Susan có thể trả lời đúng ngay câu hỏi mà xưa kia Bà thường dùng khi kể tới chi tiết này. Bà có nhận xét tinh tế là một đứa trẻ thông minh như Susan có thể trả lời được câu hỏi và tôi muốn thêm là có thể trả lời đúng bởi thần giao cách cảm, nhưng đúng từng chữ, từng câu là việc khó. Chỉ có thể nói rằng Susan chính là Winnie xưa kia mới lập lại được mà thôi.

Susan sau đó kể thêm vài chuyện nữa khi Winnie còn sống. Susan đã kể lại một cuộc đi chơi bờ biển cùng gia đình em có bắt được một con cua và còn nói được tên những người

tham dự cuộc đi chơi hôm đó. Bà Eastland nhớ là một năm trước khi Winnie chết gia đình Bà có đi chơi bờ bể của Tiểu Bang Washington. Họ nhảy sóng, nghịch cát, nhặt vỏ sò và bắt hến. Tuy nhiên Bà không nhớ họ có bắt được con cua hay không. Susan kể chính xác tên 3 trong số 4 người tham dự, em đã quên người cha kể sau này. Em còn đính chính lại là có cả cha em (cha của Winnie) và cũng cho biết đã cùng với Sharon đi chơi đồng cá, Susan không biết sợ ngựa và đã có lần đi dạo dưới chân ngựa. Sự việc đúng như vậy, Winnie trước đây đã từng chơi với Sharon trên bãi cá, không sợ ngựa và cũng có lần đi dạo dưới chân ngựa.

Bà Eastland hỏi Susan có nhớ Cậu Bé Gregory ở trước nhà không thì Susan cho biết còn nhớ và còn cho biết là thường chơi với Greg (tên tắt của Gregory). Bà Eastland chưa bao giờ nói với Susan về Gregory cả, thế mà Susan vẫn biết được.

Hỏi Susan còn nhớ Chú George ở phố trên không? Susan nói không còn nhớ căn nhà của Chú thế nào nhưng có nhớ Chú và còn thêm rằng: “Con có thói quen ngừng lại thăm Chú và chơi ở nhà Chú một lát trước khi tới trường”. Ngày Winnie bị xe đụng chính là ngày em ngừng lại để chơi với Chú George. Cậu Bé Gregory và Chú George cùng ở chung một thành phố với Winnie trước khi em chết, còn Susan thì được sanh và sống tại một thành phố khác nhỏ hơn ở Idaho.

Quý Vị Độc Giả thấy ở đây mẹ của Susan thỉnh thoảng đã gợi lại trí nhớ tiền kiếp của Susan bằng cách hỏi em các sự việc trong đời Winnie tuy có thể biết được tiền thân của em nhưng mặt khác lại có thể đưa đến sự lầm lẫn, nhất là đối với một người thông minh và thận trọng như Bà Eastland. Một lần khác Bà Eastland kể cho Susan rằng Winnie đã làm mất đôi giày mới ngoài cánh đồng. Lần ấy Susan cười và nói rằng em không quan tâm đến việc mất đôi giày. Em còn thêm: “Mẹ phải lên phố mua cho con đôi giày mới nữa”. Sự việc xảy ra đúng như vậy, Winnie chỉ mất một đôi giày trên cánh đồng.

Đến cuối năm 1969, tôi vẫn theo dõi trường hợp luân hồi này. Cho đến năm 1977 khi tôi liên lạc với Bà Eastland để phối kiểm lại một số chi tiết thì có một sự việc khác Susan vừa nhớ được như sau:

Susan cho biết có lần em theo Bà Eastland đến một bãi chơi ném bóng, trong lúc mẹ em ném bóng, em (Winnie) đi mua kẹo ở một khu vực gần đấy. Một em trai ở đấy đang chạy quanh đến ôm và hôn em (Winnie). Bà Eastland nhớ rõ chuyện này khi Bà kể chuyện cho chồng Bà nghe, Ông rất giận dữ.

Susan nhắc lại những ký ức về Winnie với vẻ tha thiết như nhắc lại những sự việc của chính mình đã xảy ra “từ lâu”.

Trong một lá thư gửi cho tôi, Bà Eastland viết: “Susan học rất tấn tới, hình như nó biết và chỉ cần nhớ lại mà thôi. Bà nhận thấy tính nết cũng như hành động của Susan giống hệt như Winnie ngày trước. Cả hai đều tháo vát, lanh lợi và ngăn nắp khác hẳn người chị Sharon tính nết rụt rè nhút nhát. Tuy nhiên về hình dáng thì Susan không giống Winnie. Winnie có tóc đỏ và mắt nâu sậm còn Susan thì tóc vàng, mắt xanh. Nhưng cả hai cùng có lông mọc đằng sau lưng. Cha các em cũng vậy, mà mấy đứa khác lại không. Susan cũng có một vết sẹo nhỏ bên hông trái đúng chỗ Winnie bị xe đụng gây ra vết thương trầm trọng khiến bị tử nạn. (Tôi có bản sao hồ sơ y khoa của bệnh viện nơi Winnie được mang tới sau tai nạn và chết ở đó).

Qua những ký ức về tiền kiếp mà Susan nhớ lại, Winnie đưa con gái của Bà Eastland đã chết năm 1961, và tái sinh năm 1963 cũng tại gia đình Bà và mang tên mới là Susan. Trường hợp này xảy ra ở Hoa Kỳ, trong một gia đình theo đạo Cơ Đốc không chấp nhận thuyết luân hồi. Khi tôi đến thăm, Bà Eastland cho biết người ta có thể trục xuất Bà ra khỏi cộng đồng Cơ Đốc nếu biết được Bà có niềm tin vào thuyết luân hồi. Bà đã khám phá ra tính cách hấp dẫn và lôi cuốn của thuyết này, dù rằng Bà vẫn luôn theo đúng tôn chỉ các Nhà Thờ Cơ Đốc Giáo đề xướng ra. Bà quả quyết với tôi là cho tới khi tôi đến thăm Bà vào mùa hè năm 1969 Bà chưa hề kể cho các con Bà niềm tin tưởng của Bà là Susan chính là Winnie tái sinh. Tuy nhiên, sau lần ấy, Bà đã kể cho chúng để giải tỏa các thắc mắc của chúng về lý do thăm viếng của tôi.

-ooOoo-

-19-

TIỀN THÂN CỦA MICHAEL WRIGHT

Tác Giả: Ian Stevenson

Tôi bắt đầu điều tra vụ luân hồi này từ khi người mẹ của Michael là Bà Catherine Wright gọi điện thoại cho tôi. Người đồng sự của tôi nói chuyện với Bà Wright trước nhận thấy vẻ hốt hoảng khi Bà báo tin cho hay con trai Bà, Michael, nói đến tiền kiếp và nhận là người yêu có của Bà trước khi Bà lấy người chồng hiện tại. Người bạn này tên là Walter Miller đã bị chết trong một tai nạn khi xe của Walter đâm xuống ruộng.

Tuy không tin có luân hồi, nhưng Bà Wright lại rất tin tưởng vào những hiện tượng lạ kỳ. Vào tháng 9 năm 1978, Bà gọi điện thoại đến Đại Học Đường Virginia. Một tháng sau tôi mới đến Texas để phỏng vấn Bà. (Hầu hết các tin tức thu lượm được trong nội vụ đều do cuộc phỏng vấn này và một cuộc phỏng vấn khác cách đó một năm do Emily William Cook, cộng sự viên của tôi phụ trách). Qua cuộc phỏng vấn, tôi nhận thấy Bà và Bà mẹ của Bà tin tưởng có luân hồi, ngược lại người chồng thì không. Nghĩ cho cùng thì chồng của Bà không đồng quan điểm cũng phải vì vui vẻ sao được khi người bạn trai của vợ mình đã chết lại tái sinh làm đứa con của gia đình. Sở dĩ Bà Wright lấy người chồng hiện tại vì người bạn trai Walter Miller đã chết; phải chăng Walter Miller chưa chết hẳn mà lại tái sinh để xâm nhập vào gia đình của ông?

Trong khoảng thời gian từ lúc gọi điện thoại cho tôi vào tháng 9 năm 1978 đến lần viếng thăm Bà vào cuối tháng 10, Bà Wright đã không quan tâm đến sự hờn giận của người chồng và kể hết những điều mà con Bà, Michael, đã nói về tiền kiếp. Bà cho biết chồng Bà cũng phỏng đoán Michael là hiện thân của Walter Miller, người bạn trai có của Bà.

Trở lại người bạn trai của Bà, Walter Miller, chết vào mùa hè năm 1967 lúc chưa đầy 18 tuổi. Là một học sinh trung học phổ thông, có triển vọng về hội họa, Walter Miller dự tính vào đại học năm thứ nhất vào mùa thu năm đó. Walter và Catherine đã biết nhau 3 năm, đã hẹn hò nhiều lần và đã cùng nhau đính ước.

Một đêm Walter Miller cùng người bạn là Henry Sullivan đi dự khiêu vũ về, vì quá chén nên lúc về Walter ngủ gục trên tay lái khiến chiếc xe đâm xuống ruộng và Walter chết liền tại chỗ, còn người bạn thì không sao cả.

Walter chết, Catherine đau xót, nhưng nàng cố đè nén cơn xúc động. Một năm sau, năm 1968, Catherine lấy Frederick Wright, người bạn trai khác. Họ có con gái đầu lòng rồi Michael ra đời. Trước khi chuyện này xảy ra, vào khoảng một năm sau cái chết của Walter, Catherine đã mơ thấy Walter tái sinh. Walter nói rằng anh không chết, anh sẽ trở lại và tiếp tục vẽ chân dung cho Catherine. Catherine nghĩ rằng có thể Walter luân hồi, sẽ tái sinh vào một gia đình nào đó, có thể vào gia đình người chị của Walter là Carole Davis vì Carole có mang vào thời điểm này và không bao giờ có ý nghĩ là Walter sẽ đầu thai vào làm con mình.

Michael sinh ra bình thường, thời thơ ấu có đôi khi khó thở. Năm lên ba, Michael bắt đầu nói về tiền kiếp, kể những sự việc xảy ra mà một đứa trẻ lên ba không thể nào có thể biết được.

Có một ngày Michael đã làm cho Bà Wright sợ hãi vì em buột miệng gọi “Carole Miller”. Sau khi Walter chết, Bà vẫn giữ liên lạc với Carole Miller nhưng Carole đã lập gia đình 10 năm về trước và Michael chỉ gặp có hai lần biết tên hiện tại là Carole Davis chứ không hề biết tên thật là Carole Miller.

Michael cũng kể với mẹ như sau: “Bạn tôi và tôi đi trên một chiếc xe, xe đâm xuống ruộng, lén đi lén lại nhiều vòng, cửa xe bị bật ra. Tôi bị văng ra ngoài và chết ngay tại chỗ”. Michael sau đó còn cho biết thêm chi tiết như là kính xe bị vỡ, và sau tai nạn, anh được chở qua một cái cầu. Anh cũng nói anh và người bạn đã ngừng bên xa lộ để đi tiểu trước khi gặp tai nạn. Michael nói trùng cả tên thành phố có cuộc khiêu vũ và tên người bạn cùng đi xe chung.

Bà Catherine Wright xác nhận các chi tiết về tai nạn của Walter Miller đã được đăng trên các báo chí (có cả ảnh chiếc xe) rõ ràng và đúng như lời Michael thuật lại. Walter bị văng ra khỏi xe, gãy cổ và chết ngay tại chỗ; xác anh được xe cứu thương chở qua một cái cầu gần chỗ xảy ra tai nạn. Michael cũng cho biết một vài chi tiết khác nhưng những chi tiết này chỉ mình Walter Miller biết được mà thôi, chẳng hạn như chi tiết về căn nhà của Walter, tên họ của Henry Sullivan (và chỉ nhằm chút xíu về biệt danh của Henry Sullivan).

Trong cuộc phỏng vấn Bà Catherine Wright với mẹ của Bà là Margaret Carpenter, cả hai đều xác nhận Michael đã nói về tai nạn xe cộ trước mặt họ và Michael đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần.

Chúng tôi nhận thấy những chuyện Michael thổ lộ với mẹ là Catherine rất có thể làm cho Catherine lo lắng, bối rối nên chắc chắn Bà không khuyến khích Michael, con Bà nói chuyện về tiền kiếp.

Việc Bà Catherine Wright gọi điện thoại cho tôi và cho tôi biết tự sự về việc này chứng tỏ Michael có thể là hiện thân của Walter Miller đã chết trong một tai nạn xe cộ vào mùa hè năm 1967.

Phần III

GIÁO SƯ H.N. BANERJEE

Giáo Sư H.N. Banerjee là một Giáo Sư nổi tiếng Khoa Trưởng Khoa Tâm Linh của Đại Học Đường Rajasthan, Jaipur, Ấn Độ. Ông chuyên khảo cứu về các vụ luân hồi tại Âu cũng như Á. Hàng trăm chuyện luân hồi đã được giáo sư điều tra tại chỗ. Hồ sơ các vụ đó hiện còn đang lưu trữ tại Trường Đại Học này.

Sau đây là hai vụ điển hình: Chandgari và Necati trong cuốn *Reincarnation East and West* của tác giả do nhà Xuất Bản Double Day, New York, Garden City phát hành năm 1974.

-ooOoo-

-20-

CHANDGARI

Tác Giả: H.N. Banerjee

Chandgari là một làng nhỏ có dân số hơn 1 ngàn người nằm trên Thượng Lưu Sông Hằng, Ấn Độ. Từ Đại Lộ Chính đường dẫn vào làng là những con đường nhỏ, thế mà một câu chuyện luân hồi xảy ra đã khiến cái làng bộ nhỏ xa xôi này trở thành nổi tiếng trên thế giới làm cho tất cả các Trung Tâm Tâm Lý, Siêu Linh Học đều phải chú ý.

Câu chuyện nghịch lý bằng sanh mà cũng là tử nữa. Câu chuyện không xảy ra chỉ riêng ở làng Chandgari mà cũng còn liên quan đến làng Itarni thuộc Quận Aligarth cách Chandgari chừng ít dặm.

Vào đầu năm 1960, một thanh niên làng Itarni tên là Bhajan Singh, 21 tuổi bị chết sau một cơn sốt cấp tính.

Cũng khoảng thời gian trên một đứa bộ được sanh ra tại Chandgari và được cha mẹ đặt tên là Munesh. Từ khi chào đời đến lúc lên 3 tuổi mọi việc đều bình thường, không có gì đáng kể. Nhưng khi được 4 tuổi, trong lúc chơi với các bạn đồng trang lứa, em thường nhắc đến cái làng Atharni và nói rằng em đã từng ở nơi ấy. Các bạn em đều chế nhạo, cho rằng em nói đến một cái tên xa lạ không có trên thực tế.

Một hôm người mẹ đang tắm cho em thì em la lối om sòm. Bà giận dữ tát em một bạt tai. Em hờn dỗi nói: “Mẹ à, nếu mẹ đánh con nữa, con sẽ đi khỏi nơi đây “. Bà thắc mắc hỏi em định đi đâu. Với một giọng tự nhiên em trả lời: “Con sẽ trở về làng con, làng Atharni mới thật sự là làng của con, con không phải người thuộc làng này “. Người mẹ chưa bao giờ nghe thấy làng Atharni cả, nhưng sau vài phút nghĩ ngợi bà cho rằng có lẽ em muốn nói đến làng Itarni, một làng cách xa Chandgari vài dặm. Bà la rầy và cấm em không được nói đến chuyện ngớ ngẩn ấy nữa. Em cãi lại là chuyện này không ngớ ngẩn và còn cho biết tên em không phải là Munesh mà là Bhajan Singh, người làng Atharni chứ không phải làng này.

Em còn nói em có một căn nhà, một cái giếng, một thửa vườn và một nông trại. Em nói thêm: “Con có một người vợ, một người anh, một người mẹ và một người con gái”.

Người mẹ mắng em và bảo em đừng bao giờ kể chuyện của đứa trẻ nít ban ngày mê ngủ, nhưng ngược lại em nói đó là sự thực. Giận quá, bà đánh em một trận nên thân và bắt em phải im ngay.

Khi bắt đầu đi học, Munesh kể cho bạn bè ở trường về gia đình em ở làng Atharni. Mọi người đều chế nhạo chê cười câu chuyện của em. Song không bao giờ Munesh thay đổi và cả quyết chính em là Bhajan Singh, em có thể nhớ lại tất cả những chuyện thật của em ở kiếp trước. Không một ai trong

gia đình cũng như trong bạn bè của em tin tưởng vào câu chuyện. Tuy nhiên trong gia đình em có ông nội em là người thương em nhiều nhất. Ông cô quyết định điều tra vụ này xem thực hư ra sao. Ông cô nghĩ rằng sau khi tìm được sự thực, tất nhiên Munesh không còn nói bậy nữa. Ông cô có biết một người láng giềng quê ở Itarni, do đó ông cô đã tìm đến người này. Người láng giềng này đã có tuổi nên có nhiều ký ức về quá khứ. Ông cô hỏi: “Có bao giờ ông nghe thấy ở Itarni có một người tên là Bhajan Singh không? Người này đã chết sau một cơn sốt, để lại một người vợ và một người con gái?”

Sau một hồi suy nghĩ, người láng giềng cho biết: “Tôi có nhớ một người ở Itarni có cái tên như vậy, và người ấy đã chết rồi để lại một người vợ và một người con gái. Hiện nay người vợ và đứa con gái đang sống tại Itarni”.

Sau khi nghe được tin này, ông cô viết thư cho gia đình Bhajan Singh và cho biết cháu nội ông tên Munesh ở Chandgari là hiện thân của Bhajan Singh.

Ít ngày sau, người anh của Bhajan Singh và người em rể của Bhajan Singh đã đến Chandgari để tìm hiểu sự việc. Khi hai người đến thì Munesh còn đang đi học. Munesh được người nhà đón về. Khi gặp hai người này thì Munesh nhận ra một trong hai người là anh của mình. (Từ lúc sanh ra đến nay, Munesh chưa bao giờ được gặp người này cả) Munesh nói: “Anh là anh tôi tên là Bhure Singh”

Chắp hai tay như cầu nguyện với vẻ kính cẩn em lại trước người lạ và gọi người này là anh. Người này không phải là người nhẹ dạ chấp nhận ngay mà liên tiếp hỏi Munesh về nhà cửa, về gia đình tại Itarni và về vợ con ra sao. Munesh đã trả lời đúng những câu hỏi của người anh không chút ngập ngừng. Munesh còn cho người anh biết ở tiền kiếp em có một người bạn thân ở gần nhà. Người anh hỏi tên người đó thì Munesh cho biết tên là Bhagwati. Ông Bhure Singh xác nhận “Đúng như vậy, Bhajan Singh và Bhagwati trước đây cùng lứa tuổi và hai người rất thân với nhau. Chúng là đôi bạn thân cho đến ngày Bhajan Singh từ trần lúc 21 tuổi.

Khi người anh và người em rể lên đường về nhà thì Munesh hết sức buồn bã, cố giữ lấy người anh và năn nỉ người anh đừng về. Người anh đã phải dỗ dành Munesh như sau:

“Em cứ an tâm, trong ít ngày nữa anh sẽ trở lại, khoảng một tuần thôi anh sẽ đến đây mang Munesh về thăm Itarni”.

Vài ngày sau có hai người đàn bà tới làng Chandgari. Một người là Ayodhya Devi, vợ của Bhajan Singh và người thứ hai là chị dâu của em. Để tìm hiểu sự thực cũng như bán tín bán nghi về tin tức một đứa trẻ tự nhận là chồng luân hồi trở về, nên người vợ đã cùng người chị dâu tìm đến làng Chandgari để gặp Munesh.

Hai người đàn bà này vóc dáng hao hao giống nhau, cũng cao và mảnh khảnh; 2 người đều che mạng kín mặt. Nghe tin có 2 người đàn bà lạ tới làng để tìm Munesh, một số dân làng đã đổ xô đến nhà Munesh. Khi gặp Munesh và ông nội, hai người đàn bà này vẫn che mạng và không giới thiệu mình là ai. Ông nội Munesh muốn thử cháu nên hỏi: “Này Munesh trong hai người đàn bà này, một người là mẹ con đây, con có nhận được ai là mẹ con không?”. Không chút ngập ngừng, Munesh trả lời không ai là mẹ của Munesh cả, chỉ có vợ và chị dâu. Ngay lập tức Munesh chạy lại cầm tay Ayodhya Devi và nói rằng: “Đây là vợ tôi”.

Vừa sợ hãi vừa nghi ngờ có thể đây là một cái bẫy nên bà ta đã vội vàng rút tay ra khỏi bàn tay của Munesh. Tuy nhiên khloe mắt của bà ta và Munesh nhìn nhau chứa chan tình cảm. Người đàn bà dịu dàng nói với Munesh: “Lại đây tôi hỏi vài câu”. Rồi người góa phụ hỏi Munesh nếu quả thật Munesh là hiện thân của người chồng có thì hãy cho biết những chuyện bí mật riêng tư giữa hai người mà người ngoài không ai biết được.

Munesh trả lời: “Đúng vậy tôi có đánh vợ tôi bằng hai cái cây dùng để xay bột. Sau khi dự cuộc thi ở Agra, tôi trở về Itarni thì gặp vợ tôi đang cãi nhau với mẹ tôi. Tôi đã đánh vợ tôi và làm cánh tay phải của vợ tôi bị chảy máu”.

Người góa phụ vô cùng sửng sốt, và xác nhận việc bất hạnh đó quả có xảy ra. Rồi Munesh còn cho góa phụ biết thêm nhiều chi tiết về sự thân mật giữa hai vợ chồng mà chỉ có hai người biết được mà thôi. Lúc nói những điều bí mật này Munesh đã không cho mọi người nghe thấy.

Góa phụ Ayodhya Devi xác nhận những gì Munesh nói đều đúng sự thực và xin phép cho Munesh cùng về Itarni. Bấy giờ gia đình Munesh mới tin đây không phải là một chuyện ngớ ngẩn mà là một chuyện có thực. Munesh cùng ông nội đi Itarni. Khi đến nơi thì một đám đông người đã chờ sẵn, trong đám đông này, Munesh đã nhận được Bhagwati Prasad, người bạn thân ở tiền kiếp. Bhagwati nhận rằng anh đã chơi rất thân với Bhajan Singh xưa kia, để thử thách Bhagwati có hỏi Munesh nhiều câu, Munesh trả lời rất chính xác, có những sự kiện mà chỉ hai người biết được với nhau mà thôi. Tới Itarni Munesh không cần người hướng dẫn, tự mình tìm được nhà, và nhảy lên lòng mẹ Bhajan Singh. Munesh ôm chầm lấy bà, y như một đứa con mới tìm lại được mẹ sau nhiều năm xa cách. Mọi người chứng kiến nhìn thấy nước mắt đầm đìa trên gương mặt Munesh. Sau đó Munesh thăm nhà cửa chỉ cho biết những gì đã thay đổi so với hồi tiền kiếp.

Qua những sự kiện trên, Munesh quả là hiện thân của Bhajan Singh, đã từ trần vào năm 1960, lúc 21 tuổi tại Itarni.

-ooOoo-

-21-

NECATI

Tác Giả: H.N. Banerjee

Necati Unlustaskiran là một gia đình Ả Rập nghèo tại Thành Phố Adana, Thổ Nhĩ Kỳ. Khi mới chào đời em được đặt tên là Malik. Nhưng hai ngày sau, trong một cơn mộng, người mẹ đã thấy đứa con của mình yêu cầu được đổi tên là Necip.

Vì trong gia đình đã có người mang tên Necip rồi, nên theo tục lệ không thể hai người cùng một giòng họ cùng mang một tên nên gia đình đã quyết định đổi Necip thành Necati.

Khi bắt đầu biết nói, Necati thường kể những chuyện lạ lùng. Em nói những tên và những điều rất lạ mà gia đình em chưa hề thấy bao giờ cả. Em nói đến kiếp trước của em, em kể tên những người em quen biết và tên của những người em đã từng sống chung Em mô tả em lớn lên như thế nào, và ở tiền kiếp em đã bị một người bạn thân giết.

Em bảo ở tiền kiếp tên em là Necip Budak và em sống ở Mersin, Thổ Nhĩ Kỳ, vợ em tên là Zehara và có ba đứa con. Em nhớ lại là em rất sung sướng khi bỗng bế đứa con trai tên Najak đi thăm người bạn thân Ahmed Renkli. Necip và Renkli là đôi bạn chí thiết.

Một việc bất hạnh đã xảy ra với đôi bạn này. Một hôm Ahmed Renkli báo cho Necip biết là Renkli sẽ qua thăm Necip và mang biếu anh một ít trà, nhưng khi Renkli đến lại quên mất trà. Necip phàn nàn và hai người to tiếng cãi nhau..., đi đến ẩu đả. Cuối cùng Renkli đã quá giận rút con dao nhíp sẵn có trong người và đâm túi bụi vào Necip. Necip đã chết thê thảm trên vũng máu.

Những người ở trong thị trấn thấy Necati quả là hiện thân của Necip Budak bị giết trước đây nên đều gọi Necati bằng tên Necip.

Những dữ kiện sau đây do Necati cho biết đã được kiểm chứng và xác nhận:

1. Zehara, vợ của Necip còn đang sống, chồng của Zehara tức Necip bị thảm sát. Zehara cùng Necip có ba người con.

2. Khi mang Necati đến nhà người chồng đã chết, Necati đã nhận được ngay ra được người vợ Zehara, nói được cả tên những đứa con, ngoại trừ đứa con thứ ba sanh sau khi Necip chết.

3. Một sự việc Necati nói là trong một cuộc cãi vã Necip đã lấy dao đâm vào đùi vợ. Đúng như Necati đã nói, khi khám nghiệm Zehara có thấy một vết sẹo khá lớn trên đùi Zehara do Necip đâm.

4. Adana là nơi sanh của Necati. Adana cách xa Mersin là nơi trú ngụ bị đâm chết khoảng chừng 75 cây số. Gia đình Necati hiện tại và Necip-Zehara đều không có liên hệ và không hề quen biết nhau.

Phải chăng Necati chính là Necip Budak đã luân hồi nên mới có thể nhận được nào là vợ, nào là con và nhất là chỉ được vết sẹo trên đùi vợ mà chính Necip đã đâm trong khi nóng giận?

Phần IV

HỌC GIẢ JOHN VAN AUKEN

John Van Auker là một học giả, thành viên của Hội A.R.E. (Association for Research And Enlightenment, Hội Nghiên Cứu và Giác Ngộ) của tổ chức Edgar Cayce từ 19 năm qua và rất nổi tiếng về những bài thuyết giảng và những tác phẩm của Ông, trong đó có tác phẩm “Reincarnation: Your Secret Life (Luân Hồi: Bí Mật về Đời Sống Của Quý Vị)” do nhà xuất bản Ballantine Publishing Co. phát hành Năm 1991. Cuốn sách chứng tỏ tầm hiểu biết sâu rộng của Ông trong đó có phần Phụ lục nói về Edgar Cayce.

Chúng tôi xin trích dịch phần Phụ lục nói về Edgar Cayce .

-ooOoo-

-22-

LUÂN HỒI VỀ EDGAR CAYCE

Tác Giả: John Van Auker

Edgar Cayce sanh Ngày 18 Tháng 3 năm 1877 tại một nông trại gần Hopkinsville, Kentucky. Thuở còn nhỏ Cayce đã chứng tỏ có trực giác thần thông. Năm lên 6, Cayce cho cha mẹ biết có thể nói chuyện với những người họ hàng mới chết. Gục đầu ngủ trên cuốn sách, lúc thức dậy Cayce có thể nhớ trọn vẹn nội dung cuốn sách. Hết lớp bảy, Cayce bỏ học và bước vào đời. Năm 21 tuổi, Cayce bị chứng sưng yết hầu làm mất giọng nói. Các bác sĩ điều trị không ai tìm được nguyên nhân căn bệnh. Cayce đã nhờ một người bạn giúp ông vào trạng thái thôi miên (trước khi còn đi học, ông vẫn hay áp dụng). Người bạn đã giúp ông. Trong trạng thái thôi miên ông đã nói rõ ràng và đi thẳng ngay vào bệnh trạng của ông. Ông cho biết phải dùng đến thuốc gì và phải điều trị như thế nào. Nhờ đó ông đã tự chữa được hết bệnh đau cổ họng mất tiếng.

Các bác sĩ của Thành Phố Hopkinsville và Bowling Green tại Kentucky đã lợi dụng tài năng độc nhất vô nhị của Cayce để chữa trị cho bệnh nhân của họ. Chỉ cần cho Cayce biết tên và địa chỉ của bệnh nhân là Cayce có thể dùng thần giao cách cảm để đến với xác cũng như tâm linh của người này. Người

bệnh không cần phải ở gần Cayce mà bất cứ ở đâu Cayce cũng có thể đến với bệnh nhân bằng thần giao cách cảm.

Một vị bác sĩ trẻ làm việc chung với Cayce, đã tường trình cái khả năng kỳ diệu này của Cayce cho Hội Nghiên Cứu Bệnh Lý của Boston; sự kiện làm kinh ngạc mọi người. Tờ Nữ Uớc Thời Báo số ra Ngày 9 Tháng 10 Năm 1910 đã đăng tải hai trang cột chính về đề tài này với nhiều hình ảnh. Từ đó mọi người trên toàn quốc đều tìm đến Cayce “Nhà Tiên Tri Hôn Mê” và Cayce nổi tiếng.

Để đi vào trạng thái hôn mê, Ông thường nằm trên một chiếc trường kỷ, tay khoanh trước ngực và thở mạnh. Khi cặp chân mày Ông nhúu lại, đó là dấu hiệu báo cho người phụ trách (thường là Gertrude, vợ Ông) có thể nói chuyện với Ông. Nếu không có cái nhúu mày báo hiệu tức là Ông không tới được trạng thái hôn mê mà ông chìm vào giấc ngủ. Ông thực hiện phương pháp như có người bệnh ở sát bên Ông, và đầu óc Ông như một bộ máy quang tuyến X khám xét từng mỗi tế bào trong cơ thể. Khi công việc này xong, Ông nói: “Sẵn sàng trả lời”. Đầu óc sắp sẵn những câu trả lời cho các câu hỏi của bệnh nhân trong lúc Ông vẫn hôn mê. Khi nào Ông nói: “Bây giờ đã xong” là người phụ trách phải biết làm cho Ông tỉnh lại.

Nếu phương pháp không được thi hành đúng, Ông có thể ở trong tình trạng nguy hiểm. Có lần Ông bị hôn mê ba ngày liền khiến các bác sĩ tưởng là Ông phải chết.

Cứ mỗi lần ở trong tình trạng xuất hồn, viên tốc ký của Ông là Gladys Davis Turner phải ghi nhanh tất cả những gì Ông nói ra, đôi khi cô thư ký này ghi sai thì chính Ông dù đang hôn mê vẫn có thể sửa lại cho đúng. Thần thức của Ông có thể nhìn thấy tất cả mọi thứ chung quanh Ông và cả ở xa nữa.

Ngày 10 Tháng 8 Năm 1923, trong một cuộc thí nghiệm, mọi người đều muốn hỏi về sự sống, sự chết và tiền đồ của nhân loại. Trong một căn phòng nhỏ ở một khách sạn tại Dayton, Ohio, Arthur Lammers đã nêu vấn đề triết lý ra để hỏi Ông về cái khả năng kỳ diệu của Ông. Trong cuộc khảo sát này, ông bắt đầu nói đến luân hồi như một sự thật hiển nhiên, như một thực thể.

Cuối cùng Edgar Cayce đã chuyển về Virginia Beach (Virginia) thiết lập một bệnh viện do chính Ông điều khiển để chữa bệnh theo phương pháp của Ông. Từ năm 1925 đến năm 1944 Ông đã tiên đoán 2500 lần, mô tả đời sống tiền kiếp nếu mọi người hiểu rằng luân hồi là thực. Những vấn đề như quá sợ hãi, thần kinh rung động, thiên tài về ca nhạc, khả năng thiên phú, khó khăn trong hôn nhân, học tập của các trẻ em theo Edgar Cayce cho biết là do nghiệp quả của tiền kiếp.

Ngày 3 Tháng Giêng năm 1945 Edgar Cayce từ trần tại Virginia Beach, để lại trên 14000 tài liệu tốc ký của hơn 6000 người thuộc mọi tầng lớp xã hội trong thời gian 43 năm qua.

Những lời tiên đoán của ông về siêu linh là một trong những hồ sơ quan trọng bậc nhất về tâm linh. Qua những hồ sơ, những thư từ, báo cáo, qua những sự phối kiểm của hàng ngàn những cuộc thí nghiệm về những lời tiên đoán của Cayce đã đem lại lợi ích quý báu cho các nhà tâm lý học, học sinh, các nhà văn, những nhân viên điều tra, và cho tất cả các lớp quần chúng.

Một tổ chức gọi là A.R.E. (Association For Research and Enlightenment, 67th St & Atlantic Avenue, Virginia Beach, VA 23451) được thành lập từ năm 1932 để gìn giữ những tài liệu quý báu của Cayce. Đây là một tổ chức mà hội viên những người tự do tư tưởng, tiếp tục ghi nhận, sưu tập các tin tức, thực hành các vô điều tra và thí nghiệm, tổ chức các khóa học, hội thảo và diễn thuyết. Hội này có một thư viện lớn bậc nhất về khoa bán tâm lý, siêu linh học. Hội cũng giữ một bản thống kê trên 300 cuốn sách quý giá về lĩnh vực này.

Phần V

TIẾN SĨ ROBERT ALMEDER

Tiến Sĩ Robert Almeder, Giáo Sư Triết của Đại Học Đường Georgia, Giám Đốc Trung Tâm Kỹ Thuật của Đại Học này là tác giả của tác phẩm khảo luận về luân hồi “Evidence For Life After Death” “Bằng Chứng Về Đời Sống Sau Khi Chết”. Ông cũng là thành viên của Viện Khoa Học Quốc Gia, đã được thưởng hai giải thưởng xuất sắc về Giáo Dục (Outstanding Educator of America Award) năm 1984, từng

viết trên 50 bài khảo luận về triết học đăng tải trên các báo như Philosophy of Science, Synthese, The American Philosophical Quarterly, Philosophia, Erkenntnis và The History of Philosophy Quarterly. Ông đã xuất bản 8 tác phẩm, trong đó có tác phẩm The Philosophy of Charles Pierce, và A Critical Introduction.

Ông đã dùng những chuyện có thật đã được phối kiểm để dẫn chứng trong cuốn “Evidence for Life After Death”.

Dưới đây là vài chuyện trong tác phẩm trên do nhà Xuất Bản Thomas Springfield, Illinois phát hành năm 1987.

-ooOoo-

-23 -

CÔ BÉ SWARNLATA

(Tái sinh sau khi chết được 9 năm)

Tác Giả: Robert Almeder

Năm 1951 trong một cuộc du ngoạn, một người Ấn Độ tên Mishra, cư ngụ tại thành phố Panna, thuộc Quận Madhya Pradesh mang theo đứa con gái 3 tuổi cùng vài người khác đến thành phố Jabalpur cùng Quận, cách Panna 70 dặm về phía Nam. Trên đường trở về khi đến địa phận thành phố Katni cách Jabalpur 57 dặm về phía Bắc, Swarnlata bất ngờ đề nghị người tài xế rẽ vào một con đường mà em nói là đường về nhà em nhưng người tài xế hoàn toàn không để ý đến lời yêu cầu này. Sau đó khi mọi người ngừng lại ở Katni để dùng trò giải khát, Swarnlata nói rằng mọi người sẽ được dùng trò ngon hơn nếu ghé vào nhà em gần đây.

Lời nói của em làm Mishra nghĩ ngợi vì ông biết là gia đình ông, kể cả ông chưa có ai từng sống ở thành phố Katni cả. Ông càng ngạc nhiên hơn khi nghe con gái thường kể với bạn bè về tiền kiếp em thuộc gia đình Pathak tại Katni.

Hai năm sau khi được 5 tuổi em thường múa các vũ điệu và hát các bản nhạc cho người mẹ xem và nghe (sau này cho nhiều người khác). Cha mẹ em đều xác nhận không có người nào dạy em vũ và hát cả.

Năm 1958 khi lên 7, tình cờ em gặp một người phụ nữ từ Katni đến, em cho biết đó là người đàn bà em quen ở kiếp trước. Đến lúc này thì Mishra mới chịu nhận là con gái ông biết nhiều dữ kiện của kiếp trước.

Tháng 3 năm 1959, Giáo Sư Tâm Lý Học Banerjee của Đại Học Rajasthan tại Jaipur bắt đầu điều tra. Sau khi tiếp xúc với Swarnlata tại Chhatarpur, Ông đi Katni làm quen với gia đình Pathak mà Swarnlata cho rằng em là một thân nhân của gia đình này. Trước khi Giáo Sư Banerjee đi Katni, theo lời mô tả của Swarnlata ông đã ghi 9 điểm đặc biệt về nơi của gia đình Pathak. Những chi tiết này hoàn toàn đúng như Swarnlata nói trước khi tới gia đình Pathak. Chắc chắn là trước khi Giáo Sư Banerjee tới Katni, gia đình Mishra không hề biết gì về gia đình Pathak cả.

Nhận thấy những điều Swarnlata cho biết về tiền kiếp trùng hợp với người con gái của gia đình Pathak có tên là Biya, vợ của Pandley, cư ngụ tại Maihar. Biya đã chết năm 1939 - tám năm trước khi Swarnlata ra đời.

Mùa hè năm 1959 vài người trong gia đình Pathak và gia đình Pandley cùng đến Chhatarpur, nơi ông bà Misshra và Swarnlata cư ngụ. Trước sự chứng kiến của một số điều tra viên, tuy không được giới thiệu nhưng Swarnlata đã nhận ra từng người trong hai gia đình và gọi đúng tên họ. Em đã kể lại những sự việc xảy ra khi Biya còn sống mà theo trong gia đình những sự việc này chỉ mình Biya biết được mà thôi. Chẳng hạn như em cho biết em có một cái răng cửa bật vàng. Các người chị dâu của Biya xác nhận là đúng. Lẽ tự nhiên gia đình Pathak coi Swarnlata là hiện thân của Biya mặc dầu trước đây gia đình này không hề tin tưởng là có luân hồi.

Sau chuyến viếng thăm của gia đình Pathak và Pandley, cũng trong mùa hè năm 1959, Swarnlata và gia đình đến Katni và Maihar, nơi Biya đã lập gia đình và đã chết. Khi tới Maihar em đã nhận thêm một số người và cho biết những nơi có sự thay đổi so với lúc em còn sống. Những tiết lộ này đều được phối kiểm là đúng. Về sau em còn tiếp tục đến thăm gia đình em trai của Biya và biểu lộ một sự thương yêu nồng nàn.

Tuy nhiên có vấn đề là trước đây Biya chỉ nói được tiếng Hindu trong khi những bài hát và những điệu múa mà

Swarnlata trình diễn lại bằng tiếng Bangali.

Trong cuộc điều tra này, các điều tra viên nhiều lần đã có ý thử thách để làm cho em lầm lẫn nhưng cuối cùng cũng phải công nhận những điều em nói về tiền kiếp rất chính xác.

Trường hợp trên đây đã được phối kiểm với những bằng chứng hiển nhiên, không ai có thể chối cãi sự luân hồi của Biya.

-ooOoo-

-24-

BÀ LYDIA JOHNSON

(Một Phụ Nữ Hoa Kỳ hiện đại, là một nông dân Thụy Điển ở Thế Kỷ Thứ 16)

Tác Giả: Robert Almeder

Năm 1973, Bà Lydia Johnson bằng lòng giúp chồng trong cuộc thí nghiệm thôi miên. Bà rất đặc lực vì dễ đi vào tình trạng hôn mê. Bác Sĩ Harold Johnson là một nhân vật nổi tiếng và trọng vọng tại Philadelphia. Năm 1971 ông đã dùng thuật thôi miên để chữa trị cho một số bệnh nhân.

Khi các cuộc thí nghiệm với người vợ đã tiến hành tốt đẹp, ông quyết định thôi miên vợ để tìm hiểu đời sống tiền kiếp của Bà, nhưng đang nửa chừng thì bỗng nhiên bà co giật người như bị đánh và sợ hãi hét lên. Bà ôm chặt đầu. Ông phải chấm dứt ngay cuộc thí nghiệm. Hai lần thử lại kết quả vẫn thế. Mỗi lần hồi tỉnh bà đều cho biết đã mục kích thấy cảnh tượng nhiều người già cả hình như bị bắt buộc nhảy xuống nước chết đuối. Chính Bà cũng cảm thấy như bị ai đẩy, rồi cú đánh rồi tiếng thét và cơn nhức đầu. Sau mấy lần thí nghiệm đều như trên, Bác Sĩ Harold Johnson đã mời Bác Sĩ John Brown đến thử lại cuộc thí nghiệm. Trước khi cơn đau tái diễn, B.S. John Brown nói với Bà: “Bà còn trẻ hơn họ đến 10 tuổi đấy.” Và lần này không như lần trước Bà bắt đầu nói nhưng không phải những câu hay những tiếng nói vẫn dùng hàng ngày mà phần lớn là thứ ngôn ngữ lạ làm chẳng ai hiểu được. Giọng nói của Bà y hệt giọng đàn ông. Rồi chính Bà, một phụ nữ 37 tuổi, thốt ra câu: “Tôi là đàn ông”. Được hỏi tên Bà cho biết “Jensen Jacoby”.

Với ngôn ngữ ngoại quốc, xen lẫn vài tiền Anh ngập ngừng, Bà tả lại cuộc đời tiền kiếp của Bà. Trong lần thí nghiệm này (và trong các lần sau đó), cũng với giọng đàn ông, Bà Lydia Johnson cho biết 3 thế kỷ trước Bà sống tại một làng nhỏ ở Thụy Điển. Những điều Bà nói trong lúc thôi miên đều được ghi âm và ghi chép kỹ lưỡng. Nhiều nhà ngôn ngữ học Thụy Điển được mời lại để phiên dịch lời nói của Jensen Jacoby. Trong các cuộc thí nghiệm sau, Bà Lydia Johnson hoàn toàn chỉ nói tiếng Thụy Điển, một ngôn ngữ mà từ trước đến nay Bà chưa từng biết tới. Khi được hỏi: “Ông làm gì để sống?”. Jensen Jacoby cho biết ông là một người làm nghề nông ở thế kỷ thứ 16 tại Thụy Điển. Được hỏi: “Ông sống ở đâu?”, Jacoby trả lời “Sống ở trong nhà” và khi được hỏi nhà ở đâu, Jacoby trả lời: “Ở Hansen”. Tất cả đều được hỏi bằng tiếng Thụy Điển. Jacoby đã tả lại anh ta có cá tính đơn giản phù hợp với một người làm nghề nông. Tầm hiểu của anh chỉ hạn hẹp trong đời sống ở trong làng và một trung tâm thương mại mà anh được đến xem. Jensen Jacoby cho biết anh nuôi bà, ngựa, dừ và gà. Anh thường ngày dùng bánh mỳ, sứa, pho mát, cá hồi và bánh ngọt làm bằng bột cây anh túc do Latvia, vợ anh ta nấu nướng. Jacoby đã tự tay cất một căn nhà bằng đá để ở và vợ chồng anh không có con. Mẹ của Jacoby là người Na Uy và Jacoby là một trong ba người con trai của gia đình. Jacoby đã sống tự lập.

Một vài vật dụng được mang đến trong khi Bà Lydia Johnson còn đang bị thôi miên. Bà được yêu cầu mở mắt ra để lựa chọn các vật dụng này. Là hiện thân của Jensen Jacoby, Bà đã chọn một chiếc thuyền mẫu của Thụy Điển ở Thế Kỷ Thứ 17, một cái đầu bằng gỗ để dùng trong việc mua bán lựa mớ thời cổ, 1 cây cung và tên và những bột cây anh túc. Các dụng cụ tối tân chẳng hạn như cái kim thì Bà từ chối vì không biết cách xử dụng.

Kết quả thí nghiệm về thôi miên trên đây đã chứng minh được Bà Lydia Johnson đã là hiện thân của Jensen Jacoby, một nông dân ở Hansen, Thụy Điển chết cách đây ba Thế Kỷ.

-ooOoo-

-25-

CẬU BÉ BISHEN CHAND

Tác Giả: Robert Almeder

Bishen Chand sanh năm 1921 trong một gia đình có tên là Ghulam ở Thị xã Bareilly, Ấn Độ. Khi được 1 tuổi rưỡi, Bishen Chand thường hay hỏi về Thị Xã Philbhit, một thành phố cách Bareilly 50 dặm. Không một ai trong gia đình Ghulam (Bishen Chand) quen biết người nào tại thành phố này cả. Bishen Chand đòi gia đình chở em đến thành phố này vì em tin chắc rằng kiếp trước em đã sống ở đó.

Thời gian trôi qua, Bishen Chand vẫn không ngưng nói chuyện về tiền kiếp của mình tại Thành Phố Philbhit. Gia đình em rất khó chịu phải nghe câu chuyện lập đi lập lại nhiều lần. Vào mùa hạ năm 1926, Bishen Chand được 5 tuổi, em nói là em nhớ lại rất rõ ràng tiền kiếp của mình: em là con một vị điền chủ giàu có tên là Laxmi Narain. Em bảo rằng em còn nhớ có một người chú tên là Har Narain sau này trở thành Cha của Laxmi Narain. Em tả lại ngôi nhà mà em đã sống, có 1 phòng dùng làm nhà thì và nhiều phòng khác dành cho phụ nữ. Hằng ngày em thường hay ca hát và nhảy múa với các cô Nautch, những vũ nữ chuyên nghiệp và cũng là những gái mại dâm. Em nhớ lại em thường đến dự tiệc tùng ở nhà người láng giềng có tên Sander Lal, căn nhà có “cái cổng màu xanh lá cây”. Một hôm em khuyên cha nên lấy thêm một nàng hầu.

Cha Bishen là một thư ký của chính phủ nên rất nghèo. Trong khi nhớ về tiền kiếp với đời sống sung túc, giàu có, Bishen càng bức bối với cuộc sống hiện tại túng bấn nghèo nàn. Thỉnh thoảng em khước từ không dùng những món ăn mà theo em các người hầu hạ (trong tiền kiếp của em) cũng chẳng dùng. Bishen đòi ăn thịt cá trong khi nhà nghèo không có nên em thường sang hàng xóm để ăn. Những quần áo vải em bỏ một bên mà đòi quần áo lụa (em cho rằng quần áo lụa cũng chẳng đáng cho các người hầu hạ của em mặc). Xin tiền cha, cha không cho, em khóc lóc.

Một hôm cha của Bishen nói rằng ông có ý định mua một chiếc đồng hồ và em bảo: “Cha à, đừng mua, khi nào về Philbhit con sẽ lấy cho cha 3 cái đồng hồ tốt của Hiệu Muslim mà con đã thành lập.” Bishen còn cho biết thêm tên người chủ tiệm đồng hồ.

Chị Bishen lớn hơn em 3 tuổi, một lần đã bắt gặp em lấy rượu mạnh uống (mặc dù rượu này cất trong tủ chỉ dùng để làm thuốc). Em nói với người chị là em có thói quen uống rượu mạnh, ở tiền kiếp em thường uống rượu mạnh. Về sau em còn cho biết là ở tiền kiếp em có một nàng hầu (em hiểu sự khác biệt nàng hầu và vợ) tên là Padma. Mặc dầu Padma là gái mại dâm nhưng em rất mực thương yêu. Em còn hãnh diện khoe là em đã giết một người đàn ông từ nhà Padma đi ra.

Trí nhớ về tiền kiếp của Bishen đã lọt đến tai Ông K.K.N. Sahay, một luật sư ở Bareilly. Ông đã đến nhà Bishen Chand và ghi chép tất cả những điều em nói. Sau đó ông đưa Bishen, người cha và người anh của em đi Philbhit.

Luật Sư Sahay và gia đình Bishen đã tìm được đúng ngôi nhà của Laxmi Narain. Laxmi Narain, người mà Bishen nhận là tiền kiếp của mình đã chết được gần 8 năm. Một số đồng đồng bào đã tụ tập tại đây khi nghe tin Luật Sư Sahay và gia đình Bishen tới Philbhit. Hầu hết mọi người trong vùng đều nghe tiếng giàu có của gia đình Narain và tính tình phóng đãng của người con trai tên Laxmi. Laxmi Narain đã gian dâm với Padma, cô gái mại dâm (hiện còn sống tại đó) và vì ghen tuông Laxmi đã bắn chết tình địch. Gia đình Narain giàu có thế lực, nên Laxmi Narain được trắng án. Tuy nhiên vài tháng sau Laxmi Narain đã chết vì bệnh lúc 32 tuổi.

Khi đem em đến trường, Bishen đã chạy ngay vào phòng mà trước đây Laxmi Narain đã từng học. Một người đưa cho em tấm hình có chụp học sinh trong trường, Bishen đã nhận ra 1 người bạn có hiện diện giữa đám đông. - và khi người này hỏi về thầy giáo thì Bishen đã tả đúng là thầy giáo thì mập và có râu quai nón.

Tại đây Bishen đã nhận ra nhà của ông Sander Lal mà em đã tả lúc trước (trước khi đi Philbhit) có cổng xanh lá cây. Luật Sư Sahay khi đăng tải vụ này trên tờ báo quốc gia “The Leader” vào tháng 8 Năm 1926 là chính ông đã đến tận nơi và tận mắt thấy cái cổng của gia đình Sander Lal màu xanh lá cây.

Em cũng chỉ cho mọi người biết cái sàn mà Laxmi Narain đã cùng ca hát và nhảy múa với các cô gái Nautch. Các người bán hàng nơi đây cũng đều xác nhận.

Cũng trên tờ báo “The Leader” Luật Sư Sahay viết rằng tên cô gái điểm Padma mà Bishen đã nói là người tình mà em rất đổi yêu thương cũng đã được đám đông hiện diện hôm ấy công nhận là đúng.

Trong ngày hôm đó vì muốn thử Bishen, người ta đã đem đến trước mặt em một cặp trống Tabbas. Cha của Bishen cho biết là từ khi sanh ra cho đến bây giờ Bishen chưa bao giờ được nhìn thấy loại trống Tabbas này cả. Trước sự kinh ngạc của gia đình và của mọi người Bishen Chand đã chơi trống một cách thành thạo chẳng khác gì Laxmi Narain khi còn tại thế. Khi mẹ của Laxmi Narain gặp Bishen thì quả là một cảm tình sâu đậm đã phát sanh giữa hai người. Bishen đã trả lời tất cả các câu hỏi của Bà Mẹ Laxmi Narain (chẳng hạn như có lần em đã ném các quả dưa muối). Bishen đã nói tên và tả người đầy tớ hầu mình thuở trước và còn cho biết giai cấp của người này. Sau này em cho biết em thương yêu Bà Mẹ Laxmi Narain hơn là người mẹ đã sanh ra em hiện nay.

Cha của Laxmi Narain, trước khi chết, có chôn một số của cải nhưng mọi người trong gia đình không biết ở đâu. Khi được hỏi tới vụ này, em đã dẫn mọi người đến một căn phòng của gia đình. Tại đây người ta đã tìm được 1 kho toàn những đồng tiền vàng chứng tỏ quả là em đã sống tại nhà này ở tiền kiếp.

Khi nghiên cứu vụ này Stevenson (Tiến Sĩ Ian Stevenson, Chuyên Gia Khảo Cứu Luân Hồi) đã khẳng định đây là một trường hợp rất có ý nghĩa bởi vì hồ sơ còn được lưu giữ tại Văn Phòng một Luật Sư đáng tin cậy và nhiều nhân vật chính hiện còn sống và sự phối kiểm tin tức của Bishen có thể thực hiện được. Rất nhiều người biết Laxmi Narain hiện còn sống và biết rõ ràng khi Bishen nói về những ký ức của em.

Hơn thế nữa theo Stevenson đây không phải là một vụ giả tạo vì gia đình Bishen Chand không có lợi lộc gì trong vô liên hệ với gia đình Laxmi Narain đã bị sa sút từ khi Laxmi Narain từ trần.

Bishen Chand quả là tiền thân của Laxmi Narain.

-ooOoo-

SHANTA DEVI

Tác Giả: Robert Almeder

Shanti Devi sanh năm 1926 tại thành phố có Dehli. Năm lên 3 tuổi em thường kể lại cho gia đình nghe về tiền kiếp của em. Shanti nói kiếp trước em lấy một người chồng tên là Kendarnarth sống ở gần Muttra. Em có hai con và em chết khi sanh đứa con thứ ba vào năm 1925. Shanti đã mô tả căn nhà trước đây em từng sống cùng chồng và các con tại Muttra. Shanti nói tên của em ở tiền kiếp là Ludgi. Em mô tả các người thân bên em cũng như bên chồng em ở tiền kiếp, cách sinh sống của họ như thế nào và bị chết ra sao. Việc Shanti Devi tái sanh xảy ra rất mau, một năm sau khi chết nên ký ức của em ở tiền kiếp còn rất rõ ràng, mới mẻ.

Vì thấy Shanti Devi cứ lặp đi lặp lại nhiều lần về tiền kiếp của mình nên Kishen Chand, người cậu của em đã gửi thư đi Muttra theo địa chỉ Shanti Devi cho biết để xem thực hư ra sao. Thư đến tay ông Kendarnarth, một người góa vợ và con đang sầu muộn vì người vợ tên Ludgi vừa chết trong khi sanh đứa con thứ ba năm 1925. Vốn là người theo Ấn Độ Giáo chính thống nên ông không chấp nhận vợ ông Ludgi đã luân hồi và trở thành Shanti Devi ở Dehli nhưng ông không khỏi hoài nghi vì có sự trùng hợp này.

Để tìm hiểu sự thực, ông Kendarnarth đã nhờ người em họ tên Lal (sống ở Dehli) đi điều tra và đã hỏi về cô bé Shanti Devi này. Lấy cớ đi buôn bán, ông Lal đã tìm được đến nhà Shanti Devi. Vừa trông thấy ông Lal, khi ra mở cửa, em đã òa khóc và ôm choàng lấy ông. Bà mẹ Shanti Devi cũng chạy vội ra, ông Lal chưa kịp mở miệng thì Shanti Devi (lúc này 9 tuổi) nói với mẹ: “Thưa mẹ đây là người em họ của chồng con. Hồi còn ở Muttra, chú ấy và chúng con không ở xa nhau lắm, nhưng nay chú ấy đã chuyển về Dehli. Con rất sung sướng gặp lại chú ấy. Chú ấy phải vào nhà. Con muốn biết tin tức của gia đình con.”

Sau khi được em kể lại những chuyện thuộc tiền kiếp của em, Ông Lal xác nhận là đúng nên đã đề nghị ông Kendarnarth đem người con cùng đến Dehli để thăm Shanti Devi.

Khi ông Kendarnarth cùng người con trai tới nhà Shanti Devi thì Shanti Devi đã ôm hôn họ và đã gọi họ bằng các tên thân yêu. Shanti Devi đã đối xử với ông Kendarnarth như một bà vợ hiền. Em đã mời ông dùng bánh bích quy với pho mát. Bị xúc động Ông Kendarnarth đã không ngăn được nước mắt. Shanti Devi đã dùng những câu nói mà trước đây Ludgi vẫn sử dụng hằng ngày để an ủi ông, về về ông.

Câu chuyện đã làm cho báo chí và dư luận xôn xao. Các nhân viên điều tra đã đưa Shanti Devi đi Muttra và yêu cầu em dẫn họ về cái nhà mà em đã từng ở và đã chết tại đó ở tiền kiếp. Khi xe lửa vừa tới Muttra, Shanti Devi sung sướng òa khóc và đỡ tay vẫy một vài người đứng trong sân ga. Em cho các điều tra viên biết một người là mẹ chồng và một người là anh chồng. Em đã nói đúng. Điều quan trọng hơn nữa là, vừa từ trên xe lửa bước xuống, thay vì dùng tiếng Ấn Độ Hindustrani như em đã được học tại Dehli thì Shanti Devi đã dùng tiếng địa phương Muttra mà em chưa từng bao giờ được dạy dỗ để nói chuyện với mọi người. Là hiện thân của Ludgi đã cư trú tại Muttra, nên em đã nói được tiếng địa phương này.

Sau đó Shanti Devi đã dẫn các điều tra viên về nhà Kendarnarth và còn cho biết thêm các chi tiết khác mà chỉ có mình Ludgi biết chẳng hạn khi ông Kendarnarth hỏi Shanti Devi trước khi chết Ludgi có dấu mấy cái nhẫn nơi nào. Shanti Devi cho biết những chiếc nhẫn đó được bỏ trong một cái bình và chôn dưới đất của căn nhà có. Các nhân viên điều tra đã tìm thấy những chiếc nhẫn đó.

Trường hợp luân hồi này đã được trình bày trước dư luận báo chí thế giới và là một đề tài sôi nổi trong việc khảo cứu tại nhiều trường học.

-ooOoo-

-27-

NHỮNG HỒN MA CỦA CHUYẾN BAY 401

Tác giả: Robert Almeder

Trong đêm thảm khốc 28 Tháng 12 Năm 1972 chiếc phi cơ 401 của Hãng Eastern Airlines đã bị rớt xuống vùng Everglades, Tiểu Bang Florida. Tất cả 101 người vừa phi hành

đoàn vừa hành khách đều tử nạn. Sau đó 2 tháng, Hồn Ma Bob Loft, viên phi công chính và Don Repo, viên phi công phụ đã xuất hiện trên một phi cơ khác cùng đường bay.

Theo ông John Fuller, nhân viên phụ trách việc điều tra tai nạn nói trên thì hai hồn ma này đã xuất hiện nhiều lần, nhất là trên chiếc phi cơ 318 mang động cơ L-1011 sử dụng một số phụ tùng cũng như vật liệu còn lại của chiếc 401.

Một lần, khi chiếc phi cơ 318 chuẩn bị cất cánh từ Newark đi Miami, viên phi công phụ đã hoàn tất việc kiểm soát lần chót cùng viên phi công chính bước vào phòng lái. Thực phẩm đã được cung cấp đầy đủ. Mọi công tác chuẩn bị đã xong. Máy bay chỉ còn chờ cất cánh. Như thường lệ cô chiêu đãi viên chính đếm lại số hành khách của chuyến bay. Cô thấy dư một người. Nơi dãy ghế hạng nhất, có một người ăn mặc như phi đoàn trưởng của hãng đang ngồi. Cô nghĩ có lẽ vị này đã làm xong nhiệm vụ và trở về Miami nên khởi mua vé, vì lẽ đó số hành khách đã dư ra một người. Cô thấy phải báo cáo cho vị khách này tên ông không được liệt kê trên danh sách hành khách. Cô lại gần và hỏi xem có phải Ông đã được phép ngồi trên loại ghế Jump Seat (loại ghế tự động có thể nhảy dù ra ngoài khi máy bay gặp nạn) của dãy ghế hạng nhất để trở về Miami hay không? Nhưng Ông không trả lời và điềm nhiên nhìn thẳng về phía trước. Cô hỏi thêm lần nữa. Ông vẫn không trả lời, vẫn nhìn thẳng phía trước mặt.

Thấy lạ, cô liền báo cáo ngay cho vị giám thị trưởng. Vị này và cô cùng tiến về phía phi đoàn trưởng lạ lùng cũng hỏi lại như trên nhưng cũng như hai lần trước không được trả lời. Viên phi đoàn trưởng này nhìn chung không có gì khác lạ, duy có một điều là Ông có vẻ rụt rè ngơ ngác. Một trong hai người chạy vào phòng lái tường trình sự việc cho viên phi công chính (tức phi đoàn trưởng của chuyến bay). Ông John Fuller nhấn mạnh là có khoảng 6 hành khách ngồi gần vị khách này đều hiểu kỳ muốn biết sự việc. Viên phi công chính biết rất rõ là không hề còn một vị phi công nào khác ngoài phi hành đoàn của chuyến này, có nghĩa là vị khách lạ này không có giấy tờ hợp lệ. Vừa đi Ông vừa nghĩ như vậy và tiến về phía vị khách. Viên giám thị và cô chiêu đãi viên đứng kế bên.

Ông cúi xuống nhìn mặt vị khách. Đột nhiên máu Ông như muốn đọng lại. Ông hét lên: “Trời Ôi! Chính là Bob Loft đây mà!”. Toàn thể dãy ghế hạng nhất im phăng phắc. Trước mắt mọi người, vị khách lạ lùng bỗng dưng biến mất. Viên phi công chính trở về phòng điều hành, ngưng việc cất cánh, kiểm soát lại một lần nữa, nhưng vô ích, vị khách lạ vẫn mất dạng. Sau đó chuyến bay vẫn tiếp tục cuộc hành trình về Miami. Tất cả hành khách lẫn phi hành đoàn đều hết sức kinh hãi. Khi về tới Miami, 3 nhân viên của chiếc 318 (cô chiêu đãi viên, vị giám thị và viên phi công) có xem lại sổ ghi các biến cố xảy ra trong chuyến bay thì lạ thay các trang giấy có ghi rõ ràng sự việc trên đã hoàn toàn biến mất. (Theo luật lệ của FAA - Cơ Quan Giám Sát Luật Lệ Không Vận, thì mỗi chi tiết xảy ra trong chuyến bay đều phải ghi hết vào sổ).

Bắt đầu từ vụ này, sau mỗi chuyến bay, người ta đã lấy báo cáo ghi sổ xếp ngay vào hồ sơ (Luật Lệ này trái với nguyên tắc của Hãng Eastern từ trước tới giờ).

Một lần khác nữa, hồn ma Bob Loft cũng xuất hiện trên phi cơ 318 đứng giữa chiêu đãi viên và phi công chính, làm họ sợ hãi phải hủy bỏ chuyến bay.

Viên phi công phụ Don Repo cũng xuất hiện trên Phi cơ 318 nhiều lần. Một thời gian sau, hồn ma phi công chính Bob Loft không còn thấy nữa, nhưng người ta vẫn thấy Don Repo cho đến 2 năm sau ngày chuyển phi cơ 401 lâm nạn.

Sau đây là vài sự việc xảy ra do Ông John Fuller ghi nhận; những sự việc đáng kể nhất đã xảy ra trước mắt một số người. Người ta tính có tới 12 lần hồn ma Don Repo xuất hiện cho đến cuối năm 1973. Thường thường Don Repo xuất hiện ra để giúp đỡ các cô chiêu đãi viên hay các nhân viên cơ khí sửa chữa các trục trặc kỹ thuật. Don Repo xuất hiện như một người bạn tốt, thích giúp đỡ mọi người. Có nhiều lần người ta thấy Don Repo trò chuyện với một số người trên máy bay.

Sau đây là một sự việc xảy ra có sự chứng kiến của một nữ hành khách đi vé hạng nhất của chiếc phi cơ 318 từ Nữ Ước về Miami. Máy bay đang còn trên phi đạo. Nhân viên phụ trách đếm số hành khách đang tiến về dãy ghế hạng nhất. Nữ hành khách nói trên ngồi cạnh một nhân viên phi hành trong bộ đồng phục kỹ sư cơ khí của Hãng Eastern. Có điều gì đó

làm cho bà ta lo ngại. Viên kỹ sư gương mặt xanh sao, có vẻ như đang bệnh. Bà ta nói rằng nếu Ông cảm thấy không được khỏe, Bà sẽ gọi một chiếc taxi đến giúp đỡ Ông, nhưng Ông làm ngơ không trả lời. Bà liền gọi một chiếc taxi đến. Cô xác nhận trông Ông như một người đang bệnh. Cô hỏi Ông có cần gì không thì Ông đã biến mất trước sự sửng sốt của nhiều hành khách. Riêng vị nữ hành khách ngồi cạnh bị kích động vô cùng. Vị nữ hành khách và nhân viên phi hành đã khám phá ra vị kỹ sư cơ khí ngồi đầy ghế hạng nhất đó chính là Don Repo.

Năm 1974 một phi đoàn trưởng đã xác nhận với ông John Fuller chính ông đã được một kỹ sư cơ khí phi hành ngồi trên một ghế Jump Seat của chiếc L-1011 cho biết hệ thống điện của máy bay đang trục trặc. Ông ra lệnh kiểm soát thêm một lần nữa thì khám phá được một mạch điện bị hư. Sau đó ông nhìn lại thì thấy chính là viên phi công phụ Don Repo.

Thêm một chuyện xảy ra trong chuyến bay đi Mexico City vào tháng 2 năm 1974. Chiếc 318 đang sẵn sàng cất cánh. Một nữ nhân viên phi hành chợt nhìn thấy gương mặt của Don Repo nơi cánh cửa chính. Gương mặt nhìn thẳng mặt cô. Cô chạy lên cầu thang mời một nhân viên phi hành xuống xem. Cả hai vẫn nhìn thấy gương mặt trên cánh cửa. Họ liền báo với Ban Điều Hành. Viên kỹ sư cơ khí của Ban Điều Hành lập tức xuống xem, vẫn còn thấy gương mặt của Don Repo đang đăm đăm nhìn ông và nói với ông rằng: “Hãy cẩn thận! Máy bay có thể bị bốc cháy!” Rồi gương mặt biến mất. Quả đúng như vậy, trong lúc cất cánh, một máy bị cháy. Chiếc 318 chỉ còn chạy bằng một máy mà thôi.

Những cấp thẩm quyền của Hãng Eastern cho rằng những hồn ma của chiếc 401 (Bob Loft và nhất là Don Repo) chỉ là chuyện nhảm nhí (có lẽ vì sợ ảnh hưởng đến việc thương mại của Hãng) và nói rằng không một ai trông thấy cả nhưng lại từ chối không cho ai xem sổ ghi các biến chuyển của các chuyến bay liên hệ. Người ta chỉ biết rằng, khi tất cả các đồ phụ tùng còn lại của chiếc máy bay bị rút 401 đã được tháo gỡ khỏi chiếc 318, thì các hồn ma nói trên không còn thấy xuất hiện nữa.

Sự việc trên cũng giống như sự việc hồn ma Butler (Bà George Butler) ở một làng tại Machiasport, Tiểu Bang Maine, chết rồi nhưng còn xuất hiện nhiều lần trước sự chứng kiến của hàng trăm dân địa phương. Mục sư Cummings đã nhận được khoảng 30 bản tường trình.

Hồn ma của chuyến bay 401 cũng đã xuất hiện nhiều lần trong nhiều trường hợp trong một thời gian khá dài trước một số người được mục kích.

Phần VI

TIẾN SĨ RAYMOND A. MOODY

Ca Sĩ Elvis Presley, một nghệ sĩ siêu đẳng Hoa Kỳ chết ngày 16 Tháng 8 Năm 1977 tại nhà riêng ở Graceland, Memphis, Tennessee, Hoa Kỳ đã khiến hàng triệu người trên thế giới bàng hoàng xúc động. Ảnh hưởng tâm linh của Elvis đối với quảng đại quần chúng Hoa Kỳ rất rộng lớn Tiến Sĩ Raymond A. Moody đã bỏ ra trên 9 năm để sưu tầm, điều tra, nghiên cứu và viết cuốn sách “Elvis Presley After Death “(Elvis Presley Sau Khi Chết)

Tiến Sĩ Raymond A. Moody Jr. tốt nghiệp Đại Học Đường Virginia với văn bằng B.A., M.A., và Ph. D. (Tiến Sĩ). Sau khi dạy triết cho Đại Học Đường East Carolina, ông lại tốt nghiệp Y khoa Bác Sĩ Đại Học Đường Georgia vào năm 1976 và là Bác Sĩ Nội Trú của Y Khoa Đại Học Đường Virginia. Ông đã xuất bản những cuốn sách nổi tiếng như Life After Life, Reflections on Life After Life, có cả hàng triệu độc giả trên thế giới. Chúng tôi xin trích dịch một vài chuyện có thật trong cuốn Elvis Presley After Death do nhà Xuất Bản Peach Tree phát hành năm 1987.

-ooOoo-

-28-

JEREMY MORGAN, HIỆN THÂN CỦA ELVIS

Tác Giả: Raymond A. Moody

Vào mùa đông năm 1985, tôi đến thăm Nancy Morgan và Jeremy, con trai nàng tại căn nhà nhỏ của nàng tại miền đông

quê Oregon Lúc đó nàng 33 tuổi và Jeremy thì 6 tuổi rưỡi. Hai tuần lễ trước đây, Nancy gọi điện thoại báo cho tôi biết nàng có nhiều chứng nghiệm bất thường với Elvis. Nàng không chịu tiết lộ bằng điện thoại và nghĩ là tôi nên đến gặp nàng thì thuận tiện hơn cho việc nghiên cứu của tôi. Nàng mời tôi đến nhà và tôi nhận lời.

Tôi tới nơi Nancy và Jeremy ra cửa chào tôi và dẫn tôi vào phòng khách. Tôi nhận thấy có mấy bức tranh của Elvis treo trên tường. Lò sưởi xây bằng loại gạch cổ khá đẹp với cái hầm đựng củi. Nancy, người dáng cao, tóc nâu duyên dáng, với cặp mắt xanh, tươi cười cho tôi biết nàng đã ly dị chồng từ khi Jeremy chưa sanh ra đời và chồng nàng là một dân chài. Nàng không nghe tin tức gì về người chồng từ khi ly dị và nàng nuôi Jeremy một mình. Nàng cho biết nàng là người ái mộ Elvis từ lâu. Nàng có rất nhiều đĩa nhạc của Elvis và xem tất cả các phim do Anh đóng.

Đến đây nàng đi ngay vào vấn đề, nàng tuyên bố với một luận điệu rất thành thực và cả quyết là Jeremy Morgan, con nàng là hiện thân của Elvis. Tôi đang ngồi tại ghế sô-pha và ngạc nhiên sao nàng có thể đi đến một kết luận lạ kỳ như vậy, nàng nói nhanh và mạnh dạn.

” Khi Elvis chết, tôi cảm thấy như mất đi một người bạn thân nhất. Tôi lấy Willie, chồng tôi ngay khi học hết trung học, ngoài việc Elvis chết, tôi chồng đôi chồng tôi suốt cả năm 1977. Khi Elvis chết tôi quá thất vọng và lâm bệnh. Tôi tưởng tôi sẽ chết.

Willie và tôi bắt đầu đến gặp vị mục sư của chúng tôi vào tháng 10 năm 1977. Chúng tôi đến gặp vị mục sư hai lần mỗi tuần để nói về chuyện hôn nhân của chúng tôi. Vào mùa Giáng Sinh năm đó, tôi có đi lại với chồng tôi và tôi mang thai. Tôi nói với Willie, chồng tôi, anh hết sức giận giữ. Anh la tôi và bảo tôi không cẩn thận và cho là lỗi tại tôi. Tuy nhiên anh cũng ở với tôi thêm vài tháng và sau đó anh bỏ đi và từ đó tôi không còn nghe tin gì về anh nữa. Người anh em họ của anh cho tôi biết anh đi biển làm nghề chài lưới.

Tôi nhớ thương Elvis hơn là tôi nhớ thương chồng tôi. Trong khi mang thai, nhiều đêm không ngủ tôi đã khóc vì nhớ thương Elvis. Tôi khóc lóc: “Elvis bây giờ Anh ở đâu, sao Anh

nữ bỏ mẹ con tôi?” Nhiều đêm tôi mơ thấy Anh. Một đêm tôi mơ thấy Anh, khi tỉnh dậy tôi tưởng Elvis vẫn ở trong phòng ngủ với tôi.

Trong lúc mang thai Jeremy không có gì xảy ra để tôi tin đứa nhỏ trong bụng tôi là Elvis cả. Một lần tôi nghĩ là sau khi sanh, tôi sẽ đặt tên đứa nhỏ là Elvis, nhưng tôi lại nghĩ: “Không, tôi không tài nào chịu đựng được mỗi khi gọi con tôi lại nghĩ là Anh đã chết.”

Tôi được biết là tôi sẽ sanh ngày 12 tháng Tám, nhưng tôi tưởng rằng tôi sẽ sanh vào ngày 16 tháng Tám tức đúng một năm sau khi Anh chết. Đến ngày 12, tôi vẫn chưa sanh, tôi yên chí sẽ sanh vào ngày 16. Ngày 16, vẫn chưa sanh. Đến ngày 18, tôi đau bụng, em tôi và chồng nó chở tôi đi bệnh viện đêm đó và tôi sanh lúc 7 giờ 30 chiều tức một năm 2 ngày sau khi Elvis chết.

Khi sanh Jeremy sanh tôi chưa bao giờ có ý nghĩ Jeremy là Elvis. Jeremy là một đứa trẻ ngoan thực sự tinh khôn. Nó ngủ nhiều. Không có vấn đề gì khó khăn với nó. Nó thích chơi với đồ chơi của nó trong nôi. Tôi thường nói chuyện với nó trong khi tôi ủi đồ. Tôi thường vặn nhạc Elvis cho nó nghe và nó thích lắm, thường nhảy cẫng lên, khi nghe nhạc và mỉm cười.

Giáo Phái Baptist (Tẩy-Lễ) của một nhà thờ đã dạy dỗ tôi. Mẹ tôi nói nhiều về truyền thống và tôi được rửa tội thánh thần khi lên 14 tuổi. Luân hồi không bao giờ được dạy hay nói đến trong nhà thờ và tôi cũng không bao giờ tin tưởng hãy nghĩ về luân hồi cả.

Khi tôi biết Jeremy là hiện thân của Elvis là lúc Jeremy gần 18 tháng. Một hôm tôi đang chơi với nó, tôi nhìn thấy có cái gì trong cặp mắt nó. Đúng là cặp mắt của Elvis. Tôi nghĩ: “Phải chăng Jeremy là hiện thân của Elvis và Elvis đã trở lại?” Tôi bàng hoàng, và tôi không biết tại sao. Jeremy lúc nào cũng thích nhạc Elvis. Mắt nó giống như Elvis. Tôi nghĩ rất nhiều đến Elvis trong lúc mang thai và một đêm tôi có cảm giác Elvis ở trong phòng tôi.

Rồi tôi nhìn thẳng vào mắt Jeremy và hỏi: “Jeremy, có phải con là Elvis không?” Nó cười, tôi chắc chắn nó hiểu tôi nói gì. Nó trả lời “Ồ hử” gật đầu. Tôi xúc động những muốn

kể cho mọi người cùng biết, song tôi bỏ ý định ấy vì nghĩ là khi tôi nói ra chắc mọi người cho tôi là mất trí. Tôi chỉ kể cho người duy nhất là em gái tôi nghe mà thôi. Tối hôm đó tôi với Jeremy đến nhà cô em gái. Chúng tôi ngồi trong nhà bếp. Tôi hỏi em tôi: “Ruth à, em có thấy Jeremy có gì đặc biệt không?”

Em tôi trả lời: “Em không biết, nhưng đôi khi em thấy Jeremy giống như Elvis, có thể Elvis tái sinh thành Jeremy.”

Tôi thở dài nhẹ nhõm khi nghe em tôi nói. Em tôi cũng thấy giống như tôi. Em tôi còn cho biết có một tối em tôi và chồng nó giữ Jeremy giúp tôi vì tôi đi vắng, Jeremy nói:

“Elvis thích đậu phộng và chuối.” Chính chúng tôi đã không biết điều đó cho đến vài tháng sau chúng tôi mới khám phá ra sự thật này. Elvis thích đậu phộng và bánh kẹp chuối thực. Tôi đọc được tin này vài tháng sau buổi tối trong bếp nhà cô em gái tôi. Tại sao Jeremy lại biết về Elvis trong khi chúng tôi lại không biết?”

Từ đó về sau trong thâm tâm, tôi lúc nào cũng nghĩ Jeremy chính là Elvis. Tôi biết Jeremy cũng sẽ làm một cái gì nổi bật trong đời nó. Nó có thể không phải là một ca sĩ, nhưng sẽ được nổi tiếng và sẽ được người đời ngưỡng mộ. Chắc ông không tin, nhưng sự thật sẽ như vậy, rồi cả thế giới sẽ thấy điều đó.

Năm vừa qua tôi đến gặp một nhà siêu linh học. Bà này chưa hề biết gì về tôi mà tôi cũng không để lộ chút nào cho bà ta biết. Bà ta nắm tay tôi và nói nhiều điều mà chỉ mình tôi biết. Điều cuối cùng của bà ta nói ra là bảo tôi có một đứa con trai, đứa trẻ này thật đặc biệt, kiếp trước là một người nổi tiếng. Bà nói hàng triệu người đã yêu mến người này và thằng nhỏ này cũng sẽ trở nên lừng lẫy.

Tôi không nói cho bà ta biết nhưng tôi biết bà ta muốn nói về chuyện gì. Tôi không kể cho bà ta biết Jeremy chính là hiện thân của Elvis.

Vì thế tôi cố gắng hết sức mình để cung cấp cho Jeremy những gì cần. Một ngày nào đó Jeremy sẽ trở nên một nhân vật quan trọng và được dân chúng mến mộ.”

Khi Nancy chấm dứt câu chuyện của nàng, nàng đứng dậy và đi xuống bếp. Một lát sau nàng trở lại với một khay đầy

bánh mì kẹp. Trong khi ba chúng tôi ăn, tôi nói chuyện với Jeremy. Tôi muốn biết phản ứng của em. Tôi hỏi:

“Này Jeremy, em nghĩ thế nào về câu chuyện của mẹ em kể cho tôi nghe? Em có nghĩ em là Elvis không?” Tôi phải nhận là tôi thật kỳ cục khi đặt câu hỏi này cho một em nhỏ mới 6 tuổi.

Jeremy không chút ngập ngừng trả lời:

“Vâng”, tôi chính là Elvis. Tôi chết rồi nhưng tôi đã trở lại.

Tôi hỏi: “Em tin tưởng điều này bao lâu rồi?” Em nhớ lúc nào là lúc đầu tiên khi em nghĩ như vậy?”

“Lúc nào tôi cũng biết tôi là Elvis ngay từ khi mới sanh”. Em bảo đảm với tôi không chớp mắt.

“Tôi trở lại để được ở bên mẹ tôi. Mẹ tôi đau khổ vì tôi, cho nên tôi đã trở về sống với mẹ tôi.”

Không thể nào nhầm lẫn, Jeremy đã nói bằng một giọng giống như giọng của Elvis. Cách phát âm, nhấn mạnh, chuyển giọng - tất cả đều như hệt Elvis kể cả cái giọng nhừa nhựa của vị danh ca này. Tôi suy gẫm không thể nghi ngờ gì, Mẹ em đã dạy con học được tất cả giọng nói của Elvis từ khi em còn đang nằm trong nôi.

Tôi hỏi em rằng khi lớn lên em muốn làm gì.

Em trả lời: “Tôi chưa biết, cũng có thể là một nhạc sĩ, một diễn viên trên truyền hình, cũng có thể là một phi công.”

Trong khi nói chuyện với em, dần dần tôi thấy hình như em đã có thể bình tĩnh giữ được sự cảm xúc của em. Em thông minh trên mức trung bình, em học khá. Không một người bạn hay một thầy giáo nào biết được sự bí mật lý lịch của em khi tôi hỏi em cho tôi biết. Mẹ em đã dặn dò em không nói cho ai hay.

Tôi nghĩ hẳn là Nancy đã dạy cho em thâm nhập và khuyến khích em với cách giáo dục em bằng nhạc, cá tính, đời sống của Elvis. Trong gia đình không có người cha, Nancy đã tạo ra “một người cha giả tưởng” cho con dưới hình thức một việc nông cuồng hoàn chỉnh. Việc này đưa đến kết quả là cho

cho Jeremy thấy hình ảnh một người đàn ông gương mẫu - người này chính là Elvis.

Khi tôi sửa soạn ra về, Nancy nói nàng muốn cho tôi xem một việc nữa.

“Hãy xem đây!” Nàng vừa nói vừa ra hiệu cho Jeremy và ngay tức khắc Jeremy thi hành vai trò của mình. Tôi thích thú chăm chú theo dõi Jeremy; nó bắt đầu hát bản “Don t Be Cruel” (Xin Đừng Độc Ác) bắt trước y hệt như Elvis từ giọng hát, điệu bộ, cách đi vòng trong một màn trình diễn gần như hoàn hảo về động tác và kiểu mẫu của người mẹ anh hững.

Khi màn trình diễn chấm dứt, tôi cảm ơn hai mẹ con nàng về sự khả ái và lòng hiếu khách trong buổi tối không bao giờ quên được này. Tôi ra về, lòng băng khuâng suy nghĩ không biết rồi đây họ sẽ ra sao?

-ooOoo-

-29-

JACK MATHEW GẶP THẦN HỒN ELVIS PRESLEY TRÊN ĐƯỜNG MEMPHIS

Tác Giả: Raymond A. Moody

Đầu tiên tôi được nghe Bill Grady, viên quản lý một cơ sở buôn bán phụ tùng xe hơi tại một thành phố nhỏ ở Alabama kể về cuộc gặp gỡ rất ngộ nghĩnh của Jack Matthew và Elvis Presley. Tôi đến đây để thuyết giảng và tôi cũng có cho biết là tôi chú trọng đến vấn đề thời sự đó trong dịp này. Sau đó Bill Grady đến và sẵn sàng cho tôi biết một chuyện vô cùng lý thú. Bill nói có quen một tài xế lái xe vận tải cỡ lớn tên là Jack Mathew. Jack nói là ông ta thấy Elvis Presley trên xa lộ sau khi Elvis đã chết và còn chở Ca Sĩ này nữa. Bill hỏi tôi có muốn nói chuyện với Jack không, Jack ở cách xa đây chừng khoảng 8 dặm tại một thành phố ở Alabama. Tôi trả lời tôi rất muốn gặp Jack, và Bill mời tôi ghé qua cửa hàng của anh sáng hôm sau để biết địa chỉ của Jack, cửa hàng của anh có hồ sơ ghi địa chỉ của Jack.

Tôi đến cửa tiệm Bill lối 9 giờ sáng. Bill nhìn tôi mỉm cười, anh đứng sau cái quầy hàng bằng gỗ cây sồi và đưa tôi một mảnh giấy có ghi địa chỉ và số điện thoại của Jack

Matthew. Bill mời tôi ngồi nói chuyện chơi một lát và uống cà phê.

Trong lúc chúng tôi uống cà phê và trò chuyện, Bill cho tôi biết không biết Jack Matthew có chịu tiếp tôi không vì Jack là một người sống cô đơn, trầm kín. Anh cũng cho tôi biết sức khỏe của Jack không được tốt, Jack đau bao tử và phôi vì uống rượu và hút thuốc - biết rõ Jack qua Bill, tôi có thể nói chuyện với Jack dễ dàng hơn.

Khi trở về nhà, tôi liên lạc với Jack bằng điện thoại ngay. Bốn tuần qua dù cố gắng điện thoại gặp Jack nhưng vẫn thất vọng không thể nào gặp được Jack. Tôi có vài lần dặn dò bà mẹ của Jack nhưng vẫn không được hồi âm. Cuối cùng tôi đành bỏ qua chuyện Jack và cho là Jack không muốn tiếp chuyện tôi.

Một buổi sáng vào khoảng 8 giờ, tôi đang ngồi tại văn phòng thì điện thoại reo. Một giọng nói khàn khàn như người ngái ngủ vang lên: “Bác Sĩ Moody phải không, tôi là Jack Matthew”. Hết sức thích thú, tôi cho Jack biết là tôi là một bác sĩ tâm trí, tôi rất chú trọng đến câu chuyện lạ lùng của Jack và Elvis mà tôi đã được nghe qua do Bill Grady kể lại. Tôi đề nghị được gặp Jack để tôi biết rõ ràng hơn. Jack hỏi tôi nghĩ sao về chuyện này, liệu tôi có gán cho Jack là một “Thằng Điên” hay “Thằng Sạo” chăng. Tôi trả lời là trong công cuộc khảo cứu của tôi tôi đã gặp rất nhiều người tâm lý bình thường cho tôi biết những chuyện thật khó tin về Elvis Presley và cảm nghĩ của tôi là tôi không có ý kiến “đúng hay sai” về những chuyện đó, nhưng tôi dám chắc họ là những người rất thành thực với tôi.

Jack tán thành và anh hẹn sẽ nói chuyện với tôi trong một ngày gần đây.

Ba tuần lễ sau, tôi lại nhận được điện thoại của Jack. Anh báo cho tôi biết hai ngày nữa anh sẽ đến Tennessee. Anh muốn tôi đến gặp Anh tại một trạm xe vận tải gần thành phố. Anh sẽ đến đó vào khoảng 5 giờ chiều hoặc muộn hơn. Tôi nói tôi sẽ đến đó gặp anh và báo anh biết anh sẽ nhận ra tôi là tôi sẽ mặc một áo ấm màu nâu và đeo một máy râu băng.

Vào đúng ngày hẹn tôi đến trạm xe vận tải vào khoảng 4 giờ 15 chiều; 5 giờ, 6 giờ rồi 7 giờ cũng vẫn chưa thấy Jack đến. Tôi định ra về thì vào khoảng 8 giờ kém 20, tôi thấy một người tài xế xe vận tải, cao, gầy, tóc hoa râm, bước vào cửa chính và đang nhón nhác nhìn quanh. Thấy tôi anh cúi đầu chào và bước tới. Anh mặc quần Jeans xanh, áo sơ mi Flannel sọc xanh, và đi đôi giày ông cao bồi. Cánh tay phải vắt chiếc áo dạ ngắn sọc đỏ. Có lẽ đã hai ngày anh chưa cạo râu.

Khi tới gần bàn tôi ngồi, anh nói với tôi: “Xin lỗi Bác Sĩ Moody, tôi đến trễ. Dọc đường cách đây độ 100 dặm, xe tôi bị hư, trời lại mưa to quá “. Tôi nhìn qua cửa sổ, trời đang mưa như trút nước đã hơn một tiếng đồng hồ.

Jack ngồi xuống và chúng tôi gọi com chiều. Chúng tôi vừa ăn vừa nói chuyện. Đầu tiên Jack cho tôi biết là anh đã cai rượu và anh đã phải vào nhà thương cả thấy 3 lần. Hiện giờ anh đã bỏ được rượu khoảng gần một năm nay. Tôi thăm nghĩ, đôi mắt sâu thẳm và chan chứa tình cảm chứng tỏ anh là người ghiền rượu.

Sau khi dùng com xong, anh bật lửa châm thuốc hút. Tôi đề nghị anh nói chuyện về việc chứng nghiệm với Elvis Presley.

“Trở lại vào Năm 1980, ngày đó là ngày 20 tháng Chạp, tôi nhớ rõ vì ngày đó là ngày tôi giao động mà còn vì ngày đó xảy ra trước hai ngày sinh nhật của mẹ tôi (Ngày 22 tháng Chạp là ngày sinh nhật của mẹ tôi). Thật khẩn trương làm sao vì tôi phải trở về nhà tại Alabama cho kịp sinh nhật của mẹ tôi. Từ miền cực Tây tôi phải chuyên chở và giao hàng tại Memphis. Tôi lo sợ chẳng may dọc đường xe bị hư thì tôi không kịp về dự lễ sinh nhật của bà. Tôi dự định xuống hàng tại Memphis hôm 21 và trở về ngay đêm đó. Tất cả gia đình tôi đều về nhà dự lễ sinh nhật của bà và ở lại cho đến ngày Giáng Sinh.

Tôi rất lo lắng cho mẹ tôi vì bà bị bệnh tim vừa nằm 2 tháng bệnh viện để điều trị. Tôi sợ có thể đây là lần sinh nhật cuối cùng của bà. Tôi đang ở với bà. Tôi có lấy vợ được 5 năm và vợ tôi đã bỏ tôi vào năm 1978; từ đó tôi vẫn sống với bà.

Đêm ấy tôi lên đường. Trời tối đen như mực. Lúc đó vào khoảng 9 giờ 30, tôi đến cách Memphis chừng một trăm dặm về phía tây. Tôi biết rõ con đường này và dự trữ đến Memphis vào đêm ấy. Bây giờ, có điều là lạ là tôi rất ít khi cho người đi đường quá giang. Cách nay khoảng sáu năm có lần tôi cho một gã quá giang ở Nevada, tự nhiên gã này nổi khùng chửi mắng tôi. Gã đâm tôi nhưng tôi đánh bật được con dao khỏi tay gã và xô gã xuống lề đường.

Tôi là một tài xế xe vận tải độc lập nhưng kể từ dạo đó tôi không cho ai quá giang nữa. Thời buổi này, ông không thể ngừng xe dọc đường cho khách quá giang.

Nhưng đêm 20 tháng Chạp lại khác hẳn. Tôi dừng xe lại đổ thêm xăng. Tôi cảm thấy bồn chồn nên xuống xe và đi bộ vòng quanh để lấy lại sự thư thái. Tôi uống hết hai ly cà phê. Chung quanh trạm xăng đèn pha chiếu sáng rúc, nhưng bên kia đường và phía cánh đồng thì tối om. Phía đường bên kia có nhiều bụi cây, một vùng toàn cây. Nhìn về phía ấy tôi thấy một ánh sáng. Không phải ánh sáng của một cây đèn bấm mà giống như một vầng ánh sáng phát ra từ những lùm cây. Tôi nghĩ ngợi. Lúc đầu tôi tưởng là đám mây sáng qua các cành cây, nhưng tôi quả không biết ánh sáng trên từ đâu phát ra. Tôi đứng bên đường và dăm dăm nhìn chòm ánh sáng mờ mờ. Rồi bỗng nhiên tôi thấy một người đi đằng trước ánh sáng này. Anh ta đi dọc theo con đường về phía xa lộ. Anh ta mặc áo khoác, tay cặp một gói đồ.

Tôi cho là Anh đang đi dọc con đường và bước qua vùng ánh sáng, nhưng ngay lúc ấy tôi thấy Anh ta đang đi trên đường. Có thể Anh từ rừng cây bước ra, Thực tôi không biết Anh từ đâu tới. Tôi vừa đoán có lẽ Anh đang đi dọc con đường trước khi tôi thấy Anh nhưng tôi không biết thật.

Thoạt đầu tiên tôi không nhìn thấy chân Anh. Anh đang đi đằng sau vài lùm cây thấp nên tôi chỉ trông thấy phần trên từ hông lên tới đầu mà thôi. Hình như Anh nhìn thấy tôi, tiến tới và băng qua đường. Giờ này không có xe cộ gì cả.

Tôi đến ngay bên Anh và hỏi: “Anh đi đâu?”. Trong lòng tôi cảm thấy thương hại Anh. Tại sao, tôi không biết. Anh có vẻ lo âu. Tôi nghĩ là Anh không nghe câu hỏi của tôi vì tôi nói

hơi nhỏ nên Anh không trả lời. Tôi lại nói to hơn: “Anh đi đâu?”

Lần này Anh nhìn tôi và nói: “Memphis”

Tôi hỏi: “Đi nghỉ lễ ở Memphis à?”

Anh trả lời: “Vâng tôi đi về nhà thăm cha mẹ tôi”.

Anh nói giọng Tennessee rất trầm. Tôi không thấy rõ mặt Anh vì Anh đội một cái mũ lớn, cũng có thể là loại mũ trùm đầu. Tôi không hiểu tại sao Anh lại ở trên con đường cách xa Memphis cả trăm dặm, nên tôi hỏi:

“Anh đi bằng gì?”

Anh trả lời: “Tôi ra xa lộ để xin quá giang.”

Rồi Anh tiếp tục đi cho đến khi khuất dạng. Tôi trở về trạm xăng, lên xe quay trở về xa lộ. Từ trạm xăng ra xa lộ chừng nửa dặm, nhưng mới đi chừng khoảng một phần tư dặm, tôi đã thấy Anh đang đi bên lề đường bên trái, tay cầm gói đồ.

Không suy nghĩ tôi ngừng xe ngay bên cạnh Anh. Tôi quay kính xe xuống, thò đầu ra ngoài nói với Anh: “Tôi đi Memphis đây, tôi cho Anh quá giang”.

Anh cảm ơn tôi, băng qua đường và trèo lên xe. Tôi chạy ra xa lộ, thẳng đường đi Memphis. Nhìn Anh vừa lên xe, tôi có thể nói Anh là người lịch lãm. Anh gọi tôi là “Ngài”, vậy “Thưa Ngài hoặc “Thưa Ngài không”. Tôi nghĩ Anh hẳn phải được giáo dục kỹ lưỡng.

Tôi thật là quá mệt trên suốt quãng đường còn lại đi Memphis nhưng nhờ có cà phê mà tôi còn tỉnh táo. Chúng tôi nói chuyện huyên thuyên, tôi không nhớ hết, nhưng tôi còn nhớ có nói đến âm nhạc mà cả Anh và tôi cùng thích. Anh cho tôi biết Anh đang mong mái gặp cha mẹ Anh. Tôi nói là Anh nghĩ đến mẹ Anh cũng như tôi nghĩ đến mẹ tôi. Cha mẹ là những người gần gũi thực sự. Anh nói với tôi Anh có mấy món quà biếu cha mẹ Anh trong gói đồ Anh đang mang theo. Anh cũng kể với tôi có một thời gian Anh làm tài xế xe vận tải và Anh biết nhiều loại xe. Anh còn nói Anh có vài chiếc Cadillacs, nhưng tôi không tin. Tôi nghĩ Anh chỉ là một gã nghèo khổ, muốn làm cho ra vẻ, nhưng tôi không nói với Anh

điều đó. Tôi nghĩ thật là chuyện khó tin, một người có mấy chiếc Cadillacs lại phải xin quá giang xe giữa đường như thế này.

Chúng tôi rất tương đắc. Tôi cho Anh biết là tôi ghiền rượu. Anh tỏ vẻ thông cảm và cho tôi biết Anh cũng nghiện ma túy, thuốc ngủ, nên rất hiểu tôi. Lúc này trong xe rất tối nên tôi không thấy rõ mặt Anh. Tôi không thể nói Anh bao nhiêu tuổi. Tôi nghĩ Anh chừng 30 hay 35, cũng có thể trẻ hơn.

Còn chừng ít dặm nữa là tới Memphis, những ngọn đèn hai bên đường giúp tôi nhìn thấy Anh rõ hơn. Tôi trông Anh rất quen thuộc. Chắc chắn trước đây tôi đã gặp Anh. Tôi hỏi Anh muốn xuống đâu. Anh cho tôi địa chỉ, đó là Đại Lộ Elvis Presley. Anh bảo Anh xuống gần đây cũng được. Vì muốn biết Anh là ai nên tôi tự giới thiệu: “Tôi là Jack Matthew”. Tôi nhìn Anh khoảng một giây.

Lúc tôi vừa nhìn Anh thì Anh quay lại nhìn thẳng vào mặt tôi và nói: “Thưa Ngài tôi là Elvis Presley”.

Tôi lạnh cứng và cứng đơ. Mồ hôi vã trên trán và lòng bàn tay... tôi không thể nói được. Tôi lắp bắp hình như câu: “Anh nói chơi đó chứ!”. Còn độ một dặm nữa, tôi sợ quá và không nói nên lời. Tôi không biết sao tôi còn có thể lái xe được trong tình trạng này.

Đúng là Elvis Presley, hay hồn ma Anh. Trông Anh vẫn giống như xưa, như những ngày vui của Anh. Chân tôi run rẩy trong đôi giày ống.

Cuối cùng Anh nói Anh muốn xuống xe và tôi đã ngừng lại để Anh xuống. Tôi đã gặp hồn ma! Tim tôi đập thình thịch.

Tôi chưa bao giờ đến Graceland cả nhưng hai tuần sau đó, tôi mạnh dạn trở lại Memphis và chạy qua Graceland. Thật là gần chỗ tôi đã ngừng xe để Anh xuống.

Đó là câu chuyện của tôi. Tôi không uống rượu hôm xảy ra chuyện đó. Tôi đã bỏ được rượu khoảng một tuần trước khi chuyện đó xảy ra. Tôi thề tôi không uống một giọt rượu nào đêm đó cả. Tôi cũng không dùng một loại thuốc nào đêm đó. “

Sau khi Jack kể xong chuyện, tôi đã mất cả tiếng đồng hồ để cất vắn. Tôi muốn biết anh có phải là người ái mộ Elvis trước đêm 20 Tháng 12 Năm 1980 không. Anh trả lời Anh có ái mộ Elvis nhưng anh thích loại nhạc dân ca hơn là kích động nhạc. Những ca sĩ thần tượng của anh là Willie Nelson và Waylon Jennings.

Tôi nhận thấy Elvis và Jack có vài điểm tương đồng về cá tính trong đời sống. Thứ nhất là Elvis và Jack cũng gần gũi thương yêu mẹ. Cả hai đều lái xe vận tải và đều thích xe; cả hai cũng ly dị và vương mắc chất độc (rượu, ma túy). Một điểm nữa là Jack gặp sự xuất hiện của Elvis trên con đường hoang vắng, sự lo âu của Elvis cũng như sự bồn chồn lo lắng của Jack trước khi gặp, là làm sao về nhà kịp để đoàn tụ với gia đình.

Sau khi nghe tôi trình bày, Jack rất ngạc nhiên về những sự trùng hợp và tương đồng tôi nêu lên mà anh không nghĩ tới. Anh hỏi tôi xem có phải vì nguyên do tâm lý hay bệnh hoạn mà chuyện xảy ra đêm đó.

“Thú thật tôi không biết, Jack à. Nếu anh muốn biết tôi giải thích, tôi sẽ nói anh nghe. Như anh biết tôi đang thử không chấp nhận chứng nghiệm của anh, tôi chỉ nói sự giải thích có thể có được chứ không phải là đúng hẳn.”

Anh dục tôi: “Cứ nói đi”

Đầu óc tôi quay trở về lúc tôi học y khoa trong thời gian nội trú và thực hành về trường hợp người nghiện rượu bất thành linh bỏ rượu như Jack nói với tôi anh đã chấm dứt không uống độ một tuần trước khi câu chuyện kỳ lạ xảy ra trên đường Memphis. Tôi bắt đầu chậm rãi nói với người tài xế xe vận tải đang ngồi trước mặt tôi.

“Jack, anh có bao giờ nghe thấy chứng bệnh mê sảng động kinh không?”

- “Có, họ nói với tôi rằng mỗi lần tôi đi chữa bệnh ghiền rượu tại bệnh viện có thể nhìn thấy các con chuột màu hồng sau khi bỏ được rượu. Riêng tôi chẳng bao giờ thấy, nhưng người bạn cùng chữa trị với tôi nói cho tôi biết là có thấy”.

Tôi nói cho anh biết có trường hợp ít ngày sau khi ngừng rượu, người ghiền thấy những ảo ảnh linh hoạt. Người đó nhìn thấy những vật mà thật ra không có. Người đó đổ mồ hôi, giao động và run rẩy. Những người bị mê sảng động kinh thường mất ngủ, mệt mỏi và luôn luôn sợ hãi.

Jack rất chú ý đến điều tôi nói. Tôi ngưng một chút nhìn anh, anh uống một ngụm cà phê và hít một hơi thuốc lá.

“Vài triệu chứng của bệnh mê sảng động kinh đã xảy ra với anh đêm đó”. Tôi tiếp tục:

“Anh nói với tôi anh sợ sệt khi anh ngừng tại trạm xăng. Rõ ràng anh mệt mỏi và đi tản bộ chung quanh để chán tĩnh. Sau này anh nói anh bị ra mồ hôi và lạnh cứng vì sợ hãi. Tất cả những việc đó xảy ra một tuần sau khi anh ngưng uống rượu”.

Tôi ngưng lại và thấy anh trầm ngâm nhìn ra phía xa. Trông anh như mất trí. Chúng tôi im lặng ngồi bên nhau. Tôi bắt đầu suy nghĩ liệu một người bị mê sảng động kinh có thể lái được một xe vận tải lớn đi hàng trăm dặm mà không hề hấn gì như trường hợp của Jack không.

Thật là ngoài tầm tay, tôi tự hỏi có thể như vậy được không và óc tôi liên tưởng đến một việc đã xảy ra cách đây mấy năm cho chính tôi. Một đêm tôi đang làm việc trong phòng cấp cứu thì có một người, cũng là tài xế xe vận tải, bị bệnh mê sảng động kinh trầm trọng đến. Anh này là người ghiền rượu, anh nói với tôi anh lái xe xuyên bang, đột nhiên thấy nhiều ảo ảnh. Anh bắt đầu thấy các xác chết và những con vật kỳ quái to lớn nằm dài trên mặt đường. Tuy nhiên anh vẫn điều khiển được cái xe về nhà, vào bệnh viện thành phố sau một cuộc hành trình dài. Tôi đã tìm được câu trả lời: “Có thể một người sau khi cai rượu bị ảo ảnh vẫn có thể lái một xe lớn trên xa lộ.

Jack làm tôi tỉnh mộng: những lời anh nói khiến tôi giật mình trở về thực tại, tôi đang ở trong một quán ăn của một trạm xe vận tải miền đồng quê Tennessee.

“Bác Sĩ Moody, tất cả những gì ông nói đều đúng cả.” Jack nói. “Thật đúng tôi hết sức bị giao động đêm đó. Tôi quên không nói cho ông biết. Bây giờ tôi mới nhớ lại, đêm đó, tôi mất bình tĩnh vô cùng.”

“Tốt, sự kiện anh giao động hiển nhiên hơn là việc anh ngưng uống rượu. Có thể việc anh nhìn thấy Elvis là một ảo ảnh nếu anh bị chứng mê sảng động kinh.”

“Vậy, có thể là tất cả chỉ trong tưởng tượng mà thôi.” Jack hỏi.

“Ai biết được, có thể một phần là sự thật mà cũng có thể một phần là ảo ảnh. Có thể là có một người đã quá giang xe anh, đi xe cùng anh 100 dặm, và phần cuối anh đã ảo ảnh người này là Elvis Presley như trong giấc mơ”. Tôi trả lời anh.

Trông anh do dự. “Tôi không biết Bác Sĩ à” anh nói.

“Tôi cũng không biết, Jack ạ”

Cả hai chúng tôi đều cười.

Lúc này trời đã khuya. Jack muốn lên đường đi một quãng rồi mới nghỉ. Trời mưa cũng đã tạnh. Tôi tiễn đưa anh ra xe của anh, chúng tôi bắt tay từ giã, anh leo lên xe. Anh quay kính xuống, nhìn tôi, miệng cười toe toét. Tiếng động cơ bắt đầu nổ và rú lên.

“Suy nghĩ, tất cả mọi thứ là do tôi uống rượu”, Anh cao giọng nói để át tiếng nổ của động cơ.

“Vâng có thể là đúng, mà chuyện kia cũng có thể là đúng”

“Cái gì, Bác Sĩ Moody?” Anh hỏi lại.

“Có thể là anh đã thực sự nhìn thấy hồn ma của Elvis Presley” Tôi nói thật to cho anh nghe.

Cả hai chúng tôi đều cười rộ, và tôi đứng nhìn theo chiếc xe vận tải công kênh của anh, với đèn nhấp nháy, kéo đi vào miền núi lạnh lẽo của Tennessee trong đêm khuya.

-ooOoo-

-30-

CHIẾC ÁO CHOÀNG BỊ ÁM ẢNH BỞI THẦN HỒN ELVIS

Tác Giả: Raymond A. Moody

Vào Năm 1975 khi Elvis Presley cho cô chiếc áo choàng, Janice McMichael không bao giờ nghĩ nó sẽ là vật lưu niệm.

Giờ đây chiếc áo hình như có một đời sống riêng tư, đôi khi cô lo lắng có nên giữ hay không. Tôi (Raymond A. Moody) nói chuyện với Janice tại Hoa Thịnh Đốn vào mùa hè năm 1986. Lúc đó Cô 39 tuổi và là một thiếu phụ tóc vàng duyên dáng đang làm thư ký cho một trường đại học. Trước khi bắt đầu vào đời cô có biết Elvis.

“Tôi có đi theo Elvis trong những năm đầu của thập niên 70. Về phần Anh không có gì quan trọng, về phần tôi có những nông cuồng cá nhân: Tôi đang thử làm thương mại trong thị trường ca nhạc thời gian này. Tôi là một diễn viên xinh đẹp, tài giỏi, nhưng tôi nhận thấy dù có tài năng cũng khó để có thể biểu diễn kiếm tiền. Tôi người Ohio bỏ nhà năm 21 tuổi đi California tìm việc với ước vọng trở thành một diễn viên. Thật may mắn nên tôi đã được tuyển chọn trong vài màn trình diễn. Tuy nhiên vẫn không đủ sống với nghề này.

Vào đầu năm 1970 một người bạn đã giới thiệu tôi với Elvis Presley Anh thật tử tế dễ mến. Khi tổ chức một bữa tiệc, Anh không yên lòng nếu chưa gặp mặt tất cả mọi người, Anh thường trò chuyện hỏi về quê quán và đời sống của từng người. Anh thật là dịu dàng. Tôi không biết phải nói gì thêm nữa về Anh. Tôi không nhớ rõ đã gặp anh bao nhiêu lần; có thể là 5 hay 6 lần. Tôi không bao giờ gặp Anh trong chương trình bình thường. Có thể nói rằng tôi là người tình đặc biệt của Anh, nhưng thực ra không phải thế.

Thời kỳ tôi biết Anh, Anh rất sợ chết. Anh có vẻ không được khỏe. Nhưng cá tính hiền hòa của Anh vẫn chói sáng. Tôi và Anh nói nhiều đến sự chết chóc. Anh muốn biết ý tưởng của tôi về cái chết. Tôi nhớ đã nghĩ:

“Anh là người giàu có trên thế giới nhưng muốn một thứ, mà tiền không thể mua được. Anh muốn biết về sự chết.” Đó cũng là điều tôi quan tâm, vì thế chúng tôi trò chuyện. Lần cuối cùng tôi gặp Anh khoảng vài năm trước khi Anh chết. Tôi không nhớ rõ năm nào, tôi nghĩ là năm 1975. Sau khi gặp Anh tôi ra về. Trời lạnh và mưa. Tôi không mặc áo ấm vì tôi đến bằng máy bay từ miền Nam California ấm áp. Elvis choàng cho tôi chiếc áo khoác màu nâu nhạt của Anh. Tôi nhận thấy việc tặng đồ đối với Anh gần như tự động. Hầu như Anh không bao giờ để ý đến.

Trước khi quen Elvis tôi rất dè dặt. Khi gặp Anh, tôi nhận thấy nhược điểm này. Anh có lối cư xử làm người ta thấy dễ chịu. Cách ăn nói của Anh cũng vậy. Elvis làm tôi không còn dè dặt, chiếc áo là món quà đặc biệt với tôi, gợi cho tôi nhớ lại lời cổ nhân nói bè bạn có thể cởi áo cho nhau. Tôi mua một cái túi nhựa để treo áo này trong tủ áo. Từ khi có chiếc áo tôi đã đổi chỗ ở ba lần và mỗi lần dẫn nhà, chiếc áo đều được tôi đem theo về chỗ ở mới.

Cái chết của Elvis như cả tấn gạch đè nặng lên tôi. Tôi được tin này sau hôm Anh chết. Tôi ở nhà cả ngày hôm đó viết thư và nghe nhạc của Anh. Buổi sáng khi đồng hồ báo thức vừa ngừng reo, tôi mới nghe tin loan báo Anh chết hôm qua. Thật là kỳ dị, trước đây hai ba ngày tôi thoáng có ý nghĩ là tôi đến gặp Elvis. Tôi biết Anh không được khỏe. Ý nghĩ thoáng qua trong đầu tôi Anh không sống mọi được và tôi nên lại thăm Anh. Đúng là điều kỳ quặc tôi sợ Anh chết hai ngày trước khi Anh chết? Elvis chết làm tôi ngơ ngẩn.

Tôi bị giao động. Thỉnh thoảng đôi tay tôi như run lên. Tôi lo lắng về sức khỏe của tôi, tôi sợ hãi cái chết suốt trong sáu tháng trời. Elvis hình như bất tử. Anh là người chết đầu tiên mà tôi biết. Bà nội, Bà ngoại tôi vẫn còn sống. Tôi không được biết ông ngoại ông nội tôi vì các cô mất trước khi tôi ra chào đời. Elvis là người thứ nhất tôi biết rõ là chết. Trong khoảng sáu tháng tôi sợ cái chết đến hết hồn.

Trong thời gian này chiếc áo choàng ít được tôi dùng đến. Chỉ một tuần chiếc áo đã hai lần rơi xuống sàn tủ trong lúc tôi đi làm. Chưa bao giờ áo này rơi như vậy thế mà chiếc áo rơi hai lần trong một tuần. Tôi không thể biết rõ thời gian là bao lâu sau khi Elvis chết. Có lẽ chừng một tháng nhưng chắc chắn không quá hai tháng. Lần đầu thấy chiếc áo rơi, tôi có cảm giác sợ sệt. Thành thật mà nói tôi đã tự hỏi có phải Elvis từ bên kia thế giới đang cố làm tôi chú ý đến không. Sau lần thứ hai tôi lấy túi nhựa ra và treo áo vào tủ.

Tôi nhớ rõ là vào tháng 11, cái áo thực sự hoạt động. Áo rơi khỏi mắc 3 lần thượng tuần tháng 11, một lần tôi nhìn thấy áo đang rơi, lúc đó tôi đứng cách độ 5 feet. Lần này là ban ngày. Tôi không thể tưởng tượng nổi làm sao cái áo có thể rơi như thế. Thật là kỳ dị.

Không mấy người biết nguyên nhân nào tôi có cái áo kể cả mẹ tôi và em gái tôi. Tôi hiểu là nếu có người biết xuất xứ của chiếc áo thể nào họ cũng đánh cắp, tôi chắc chắn như vậy. Tôi biết có một người khoe trong quán rượu là ông ta có một tập đĩa gốc của Elvis với nhãn hiệu mặt trời. Không đầy một tuần lễ sau, nhà ông bị đột nhập và tập đĩa bị mất trộm. Bạn không thể để cho người ngoài biết bạn có những vật lưu niệm của Elvis, nếu bạn muốn giữ.

Trong túi bên phải của chiếc áo còn sót lại vài mảnh khăn giấy lau mặt và một đồng xu. Tôi bật cười - một đồng xu trong túi áo của một ông triệu phú! Khăn giấy và đồng xu vẫn còn nguyên trong túi. Tôi chưa bao giờ lấy ra.

Tôi bị khủng hoảng tinh thần từ khi Elvis chết nên tôi đã tìm một người đến ở chung. Người này tên Mary, quê ở Oklahoma. Mary đến đây để làm việc cho chánh phủ. Tôi sợ hãi có người xâm nhập vào phòng tôi và thấy tôi có một mình nên tôi đã để Mary ở chung và chia bớt tiền nhà với tôi. Đây là lần duy nhất tôi cảm thấy sợ hãi sự cô đơn khoảng 6 tháng sau khi Elvis chết.

Mary dời tới tháng Giêng. Tháng 11, chiếc áo như biết hoạt động, rơi 3 lần. Ngày 20 tháng 11 tôi tỉnh dậy giữa đêm khuya. Cái đèn ngủ ở ngoài hành lang phía ngoài phòng ngủ chiếu ánh sáng thẳng vào cái tủ đóng chìm trong tường để treo quần áo. Tủ này có hai cánh cửa kéo, một cánh thì được kéo hết về một phía, phía tủ mở là phía treo chiếc áo. Tôi không biết sao tôi lại thức giấc giữa đêm khuya và nhìn về phía cái tủ. Tôi cố tập trung đôi mắt nhìn vào cái tủ vì tôi không tin cái gì mà tôi đang thấy. Cái tay áo của chiếc áo choàng chuyển động, tay áo co lên rồi duỗi xuống. Đó là tay áo phải. Tôi biết rõ là tay phải theo cách treo của áo. Tôi hoảng vía. Tôi cố cử động mà không nổi. Tôi như bị tê liệt. Tôi không biết là bao lâu. Có thể 10 phút, cũng có thể 30 phút. Thỉnh thoảng cái tay áo co lên từ từ rồi lại buông xuống. Buổi sáng, thức dậy tôi thấy chiếc áo vẫn còn treo trên mắc. Lần này chiếc áo không rơi. Tôi chưa bao giờ thấy chiếc áo chuyển động như lần đó cả.

Tôi cũng chưa bao giờ kể cho Mary biết chuyện về chiếc áo. Vào tháng Hai một người đàn bà đến ở một căn phòng

dưới hành lang của chung cư. Tôi có biết bà ta. Tên Bà là Alice. Bà là người rất chú trọng đến siêu linh. Bà ta đã đưa tôi đến dự một cuộc hội về siêu linh tại Hoa Thịnh Đốn. Một hôm, ngồi uống trà với bà tại căn phòng của bà tôi đã kể câu chuyện chiếc áo cho bà nghe nhưng tôi chỉ nói áo này là do một người bạn có tặng tôi. Tôi không nói áo này của ai cả. Bà lên căn phòng tôi và nhìn xung quanh. Bà bảo tôi bà có thể đoán về chiếc áo này. Bà nói áo này của một người đàn ông tinh thần rất cao nhưng chết yếu. Tôi rất ngạc nhiên và nói là bà bà đoán trúng. Bà nói bà nghe thấy nhạc rất hay chung quanh chiếc áo. Tôi thì không nghe thấy gì cả, chắc chắn như vậy, nhưng bà ta nói đúng là nhạc này của người đàn ông chết yếu.

Sau đó một chuyện kỳ lạ nữa lại xảy ra với chiếc áo. Vào cuối tháng Hai, tôi đẩy chiếc áo qua một bên để có thể mặc thêm quần áo. Khi tôi cảm nơi cổ áo tôi thấy cổ áo ướt, cổ áo bị ướt cả. Không có lý cái áo choàng này chung quanh lại bị ướt. Tôi lo sợ. Mary không thích Hoa Thịnh Đốn nên dời đi vào đầu tháng Ba. Tôi lại sống một mình, lại càng thêm lo lắng, tôi sợ cái chết, tôi vẫn sợ chiếc áo.

Ngày 21 tháng Ba, một giấc mộng đến với tôi. Tôi mơ thấy tôi và Elvis đi qua những lùm cây. Đây là đồng quê, một miền rất đẹp. Chung quanh là những dãy núi cao xanh thẳm. Trời xanh trong tuyệt đẹp. Tôi có thể nhìn thấy các con chim đủ màu sắc như màu sắc của các cầu vồng bay lượn chung quanh. Chúng tôi tản bộ trên một con đường nhỏ. Chung quanh chúng tôi đủ mọi loại hoa đẹp muôn màu sắc đang đua nỉ. Elvis cầm tay tôi và chúng tôi đi sát bên nhau. Giấc mơ này giống như thật. Khi tôi tỉnh dậy tôi liền ghi lại tất cả. Chúng tôi đi qua một cái cầu đá bắc qua con suối nhỏ. Elvis nói chuyện với tôi. Tôi đã ghi lại tất cả những gì Anh nói. Chúng tôi ngồi trên cầu đá. Anh cầm tay tôi và siết chặt tôi vào lòng Anh. Anh nói:

“Janice à, em có vẻ ngần ngại, phải không em? Em còn nhớ không chúng ta đã cùng nhau trò chuyện nhiều lần về cái chết. Chúng ta có muốn cùng nhau chung sống sau khi chết không. Anh cố gắng nói em biết qua chiếc áo choàng, em yêu dấu nhưng em quá sợ hãi. Việc không thành. Anh muốn nói cho em biết chúng ta sẽ sống cùng nhau sau khi chết. Thôi em đi và sống nhé.”

Anh ôm tôi thật chặt và nói câu từ già. Rồi Anh mỉm cười, nụ cười thật dịu dàng vốn dĩ của Anh và cởi chiếc áo choàng Anh đang mặc trong giấc mộng và đắp lên mình tôi. Cái áo này làm bằng một loại vải giống như lụa. Áo màu vàng thật đẹp. Đến đây giấc mộng chấm dứt. Tôi tỉnh dậy và lập tức viết ngay tất cả xuống giấy.

Từ ngày 21 tháng Ba năm 1978, tôi không còn nghĩ đến cái chết nữa. Giấc mộng đã làm tôi khỏe hơn. Chiếc áo choàng vẫn trong tủ áo. Tôi không còn sợ nó nữa. Tôi sẽ giữ nó mọi mọi. Elvis Presley lúc nào cũng ở trong thâm tâm tôi.”

Vì tôi chỉ ở Hoa Thịnh Đốn có hai ngày để dự một cuộc hội nghị về nghề nghiệp, tôi không có đủ thì giờ để đến phòng Janice xem chiếc áo. Tôi cảm ơn cô đã cho tôi chia sẻ chứng nghiệm riêng tư của cô. Tôi chưa bao giờ được nghe những chuyện như thế trước đây.

Tôi cũng nói cho Janice biết chứng nghiệm mà cô nằm trên giường không cựa cựa được trong khi nhìn thấy cái áo chuyển động gọi cho tôi trường hợp y khoa rất hiếm gọi là “tê-liệt trong khi ngủ”. Hiện tượng này rất là hiếm, người trong trường hợp này là người nhạy cảm đang trong tình trạng lo âu, đang bị đè nén đúng như tình trạng của Janice. Những người bị bệnh này lúc thức dậy rất tỉnh táo; tuy nhiên vẫn thấy bấp thịch như tê liệt và cảm thấy lo âu và sợ sệt. Đôi khi tình trạng này cũng liên hệ đến cái gọi là “thùy miên mộng ảo”, những hình ảnh sống động hiện ra trên thế giới như thật. Có lẽ việc xảy ra cho cô đêm đó có thể là một giai đoạn của bệnh “tê-liệt trong khi ngủ” với những hình ảnh sống động của chiếc áo - hậu quả là một giấc mộng trong khi thức. Tôi không có luận giải về chiếc áo rơi, tuy nhiên tôi bình luận là rõ ràng giấc mộng đưa đến quyết định trong việc tiếc thương Elvis mà cô đang trải qua trong thời gian ấy.

Janice là một thiếu phụ trẻ, thông minh, và tự tin.

Chứng nghiệm quả không còn nghi ngờ gì nữa đã khiến Janice thành một người hạnh phúc hơn. Nàng cả quyết là nàng hàm ơn nhiều tình bạn mà Elvis Presley đã dành cho nàng.

-ooOoo-

-31-

NHỜ ELVIS PRESLEY, TÌM THẤY ĐỨA CON BỎ NHÀ RA ĐI

Tác Giả: Raymond A. Moody

Harold Welch là cảnh sát viên của một thành phố nhỏ tại Georgia có hơn 15 năm. Anh là người to lớn lực lưỡng có vẻ bướng bỉnh. Anh thường nói anh rất hãnh diện được là con trai của một công nhân hăng dệt. Anh là người lịch lãm, ăn nói mềm mỏng khó có thể hình dung nơi anh một chứng nghiệm kỳ lạ về siêu linh. Khi kể lại chuyện kỳ lạ của mình, anh rất trung thực, mô tả các biến chuyển chính xác, không thêm bớt màu mè và rất ít giải thích. Anh nói chuyện với tôi trong một phòng khách nhỏ, không có cửa sổ của một tòa nhà gạch vừa dùng làm Tòa Thị Sảnh, vừa dùng làm Trạm Cảnh Sát.

“Chuyện xảy ra chắc chắn vào tháng Ba Năm 1982. Thằng con trai út tên Tony của tôi đã gây cho tôi ít nhiều rắc rối. Nó giao du với bọn côn đồ và cả bọn đã bị bắt trong một cửa tiệm dưới phố. Có người tin cho vợ chồng tôi biết nó hút cần sa. Tôi thì chưa bao giờ gặp. Trước mặt các con tôi đã thề là sẽ thẳng tay trừng trị nếu bắt gặp đứa nào phạm tội ma túy và tôi còn muốn pháp luật cứng rắn với nó như với bất cứ ai khác.

Tony là một đứa trẻ chưa bao giờ phạm lỗi lầm nào cả. Nó là một đứa bộ tốt nhưng lại giao du với bọn xấu. Đôi khi nó không về nhà. Có một thời gian, chúng tôi không thể nào kiểm soát nổi nó. Tới đầu tháng Hai Năm 1982, chúng tôi thật sự phải đương đầu với nó. Nó đang học cấp II, Trung Học. Điểm học tập của nó xuống thấp dưới hẳn cái khả năng của nó. Năm đó vợ tôi giải phẫu lưng và nằm điều trị tại bệnh viện 1 tháng, sau đó phải tĩnh dưỡng ở nhà thêm một thời gian nữa. Cứ mỗi tuần trong nhà lại xảy ra một hai lần cãi vã đôi khi hòa lẫn nước mắt về điểm học tập, về sự say sưa và về đám bạn bè của nó. Ngày 3 hay ngày 4 Tháng Hai, nó đi chơi đến 3 giờ sáng mới về và say rượu. Vợ chồng tôi lo sợ đi tìm nó khắp nơi, suốt hai tiếng đồng hồ mà không thấy nó. Khi nó về, tôi nổi nóng, chửi mắng nó thậm tệ, lẽ ra tôi không nên nặng lời như vậy. Bất cứ người cha nào cũng phải làm như tôi thôi.

Bốn năm ngày sau, nó không nói với chúng tôi một lời. Hễ ở nhà là vào phòng riêng nghe nhạc. Tony rất thích Elvis Presley và các nhạc sĩ dân ca. Nó không thích loại kích động

nhạc giật gân như phần đông thanh niên thời nay. Lúc nào nó cũng chỉ Elvis. Phòng nó treo đầy những bảng quảng cáo Elvis. Tôi cũng muốn như vậy; thà vậy còn hơn là nghe các băng nhạc cuồng tấu nặng mùi ma túy.

Tony biết tất cả về Elvis. Tôi thì không. Lần gần gũi nhất với Elvis là khi tôi được gọi đến để tăng cường an ninh cho cuộc trình diễn của Anh tại một thành phố gần đây. Tôi không bao giờ tìm cách đến gần Anh và cũng chưa gặp Anh bao giờ.

Tony có ý định đến California để đóng phim. Nó đã dành dụm được số tiền trên hai nghìn đồng. Một tuần lễ sau ngày tôi nổi cơn thịnh nộ, Tony bỏ nhà ra đi không nói một lời. Nó đi biệt tăm.

Tôi đã ở trong nghề cảnh sát 20 năm. Tôi biết các bậc cha mẹ không thể làm gì hơn được gặp trường hợp như Tony của tôi. Vợ tôi đau buồn khóc suốt hai tuần lễ. Còn tôi thì hút thuốc hết điều này đến điều khác. Tôi nghiện thuốc lá từ năm 12 tuổi nhưng tôi đã bỏ vì tôi bị sưng phổi trầm trọng và khó thở. Khi Tony bỏ nhà đi, tôi hút trở lại 3 gói một ngày.

Tôi chắc chắn Tony đi California. Tôi cũng biết những đứa trẻ lang thang nơi đó khó mà có cơ hội. Tôi hiểu rằng nếu nó ở đấy lâu, tiền sẽ hết, nó sẽ sa vào chỗ xấu xa. Đứa con trai lớn của tôi tên Harold Jr làm ở Nha Cảnh Sát Atlanta, có nhiều kinh nghiệm tìm những trẻ mất tích. Tôi và Harold Jr quyết định đi Los Angeles để kiếm Tony.

Tony bỏ đi Ngày 11 Tháng Hai. Ngày 3 Tháng Ba tôi và Harold Jr đáp máy bay xuống Los Angeles. Trong thời gian này, Bác Sĩ cho vợ tôi uống thuốc ngủ vì vợ tôi quá lo lắng cho Tony mà mất ngủ. Cứ mỗi lần điện thoại reo là vợ tôi lại khò sở. Cuối cùng tôi phải ngủ ngoài phòng khách và mang theo cái điện thoại để vợ tôi có thể ngủ. Tôi ngủ trên cái ghế sự pha để trả lời điện thoại cho dễ. Phần lớn là các điện thoại gọi đến cho các đứa khác đang còn ở chung với chúng tôi. Tôi rất mong Tony gọi về.

Vào đêm ngày 1 Tháng Ba, tôi đang ngủ trên sự pha trong phòng khách thì nằm mơ thấy Elvis Presley. Trong giấc mộng, Elvis vào văn phòng tôi. Anh nói Anh biết vài tin tức về Tony. Tôi nhớ Anh nói: “Thưa ông, tôi lo lắng cho Tony, Tony rất ái

mộ tôi. Tony đang ở Los Angeles, tôi không thể đến với nó được”. Elvis mặc quần áo thường, khoác ngoài cái áo choàng mỏng của cảnh sát. Elvis cho tôi xem cái thẻ. Tôi có treo một tấm bản đồ thành phố trên tường ngay sau bàn giấy, nhưng trong giấc mộng thì lại là tấm bản đồ thành phố Los Angeles. Anh chỉ cho tôi vài con đường nhưng chưa bao giờ tôi tới Los Angeles nên khó mà nhớ được tên các con đường đó. Cố gắng hết sức tôi cũng không thể nhớ tên một con đường nào.

Elvis đành chịu. Anh bắt đầu nói với tôi: “Hãy nhìn, Tony đang ở trong một cái nhà có phòng cho thuê”. Rồi Anh chỉ cho tôi quang cảnh. Một đường phố ngắn có một nhà thuốc tây ở góc đường và trước mặt là một tiệm ăn nhỏ. Đột nhiên tôi và Elvis ở ngay trên con đường phố đó và đi bộ xuống, Mọi thứ như mờ mịt, tôi không nhìn rõ mấy. Elvis cố gắng chỉ cho tôi để tôi có thể nhận được. Elvis nắm cánh tay tôi và lay tôi. Anh nói: “Nhìn đây ông, ông phải nhìn kỹ. Rất là quan trọng đây ông”. Anh chỉ tôi một căn nhà có, một căn nhà tồi tệ. Elvis nói: “Ông à, con ông đang ghiền ma túy đấy, ông phải giúp đỡ nó”. Tôi có thể nói là Elvis cố gắng chỉ cho tôi cái nhà có. Đó là một căn nhà hai tầng. Tôi thấy một con mèo trên thềm đang cố vào nhà. Hình như con mèo của căn nhà ấy. Con mèo màu vàng có sọc.

Elvis cố gắng chỉ cho tôi tên con đường nhưng tôi không tài nào nhớ được. Elvis vẫn giống như trong hình. Trong giấc mộng tôi thấy Anh cao chừng khoảng 6 feet và chừng 30 tuổi. Tôi thấy Anh rõ ràng nhưng chung quanh Anh thì mờ ảo. Tôi cố tập trung nhận diện căn nhà nhưng tôi chỉ thấy qua làn sương mù. Tôi cảm ơn Anh vì sự quan tâm của Anh.

Tôi tỉnh dậy, đầu đau và tai ù. Bây giờ ông có thể nghĩ tôi là người mất trí. nhưng tôi, tỉnh dậy, tôi biết tôi sẽ tìm được Tony. Giấc mộng vẫn ám ảnh tôi cả ngày hôm sau. Điều tôi ngạc nhiên là tấm thẻ cảnh sát. Tôi vẫn biết Anh rất thích giúp đỡ an ninh cảnh sát. Trước kia, chưa bao giờ tôi nằm mơ thấy Elvis. Giấc mộng hầu như thật.

Harold Jr và tôi đáp máy bay xuống Los Angeles ngày 3 Tháng Ba. Chúng tôi bắt tay vào việc ngay. Tôi liên lạc với các nhân viên an ninh cảnh sát địa phương. Họ sẵn sàng cộng tác. Tôi nói chuyện với một chuyên viên về vụ này. Ông ta chỉ

cho tôi những địa điểm mà các em thường tụ tập. Chúng tôi đưa hình của Tony, Chúng tôi gặp một số người tại các chỗ này xong không một ai nhớ là đã nhìn thấy Tony.

Harold Jr thuê một chiếc xe hơi. Chúng tôi đến tất cả những nơi do chuyên viên cho biết. Ngày 9 tháng 3 tôi đang lái xe, chợt nhìn thấy một tiệm bán thuốc tây và trước mặt có một quán nhỏ bán bánh mì thịt nướng y như tôi đã trông thấy trong giấc mộng. Bây giờ chắc Bác Sĩ nghĩ: “ông này mất trí rồi” phải không, Bác Sĩ Moody? Không đâu! khi nhìn thấy tiệm thuốc và quán ăn tôi tự nói: “Đúng là con đường Elvis chỉ cho tôi trong giấc mộng”. Lúc này là 2 giờ chiều.

Tôi quay sang nói với Harold Jr: “Con à, chúng ta sẽ tìm thấy Tony tại chỗ này.” Harold Jr chắc nghĩ rằng ông già này bí mật. Tôi dừng xe sát lề đường ngay trước cửa hiệu thuốc. Tôi sang phía phải con đường và đi xuống chừng nửa quãng tôi nhìn thấy ba căn nhà 2 tầng có. Con đường này trông rất quen thuộc. Bây giờ tôi không biết nói với ông thế nào nhưng đúng là con đường mà tôi và Elvis cùng đi trong giấc mộng.

Tôi không biết trong giấc mộng Elvis chỉ cho tôi căn nhà nào. Tôi nhớ phần rõ nhất là cái cửa chính và mấy bậc thềm. Tôi lại gần nhìn kỹ hơn thì thấy một căn nhà có cửa và bậc thềm giống như trong mộng. Tôi liền đi tới nhà này và gõ cửa. Một bà già chống gậy ra mở. Tôi nhận thấy cửa trước có kính và phần trên có màn trắng giống như tê mỏng che bên trong cửa kính. Những màn này được ngăn ra giống như những màn tôi nhìn thấy trong giấc mộng.

Tim tôi đập mạnh như muốn ra khỏi lồng ngực khi bà cô mở cửa. Bà cô nhìn tôi. Hình như bà cô sợ hãi. Có lẽ bà cô tưởng tôi là người điên chẳng. Bà cô hỏi: “Cái gì! Tôi có thể giúp gì cho ông?” Tôi hỏi: “Thưa Cô, Tony Welch có ở đây không?” Bà cô trả lời:

“Có”.

Tôi nói với Bà tôi là cha y, y đã bỏ nhà đi. Tôi phải gặp ngay y. Bà cô chỉ cho tôi phòng của Tony trên lầu trông ra cầu thang. Đến đây Harold Jr ngơ ngác như trong sương mù. Tôi không nói cho Harold Jr biết giấc mộng. Harold Jr có vẻ bối rối và theo chân tôi lên cầu thang.

Khi tôi lên đến phòng Tony, tôi gõ cửa. Tôi nghe thấy y nói “Xin cứ vào”. Tôi mở cửa bước vào. Thằng nhỏ đang nằm dài trên giường đọc tạp chí. Tôi nhìn thẳng vào mặt y và mỉm cười. Mặt y trắng bệch như tấm vải trải giường. Nó nói “Thưa Ba, Ba làm sao mà tìm được con thế?” Nó òa khóc và nhảy đến tôi.

Tôi đứng đấy ôm choàng thằng nhỏ lồi một phút. Tôi cũng khóc. Nó nói: “Thưa Ba, con muốn trở về nhà.”

Chúng tôi xếp đồ dùng cho nó. Tôi trả tiền nhà cho bà cô. Khi chúng tôi sắp sửa bước ra tôi hỏi bà cô: “Thưa cô, cô có nuôi mèo không?” Bà cô trả lời “Không, tôi không nuôi mèo.” Tôi hỏi bà cô cô có thấy một con mèo vàng có sọc ở lối xóm không. Tôi muốn biết về con mèo mà tôi trông thấy trong giấc mộng. Tôi chắc chắn con mèo đó ở đâu đây. Bà cô trả lời bà cô không thấy con mèo nào như vậy. Bà cô không hỏi tôi tại sao tôi muốn biết. Nhưng theo hành động của tôi và lối nhìn của Harold Jr chắc bà cô tưởng chúng tôi thuộc loại điên khùng.

Trên xe về khách sạn, Harold Jr và Tony không hỏi tôi sao tôi lại biết. Tôi không bao giờ kể cho chúng hay. Thực ra tôi cũng cảm thấy khó nói với các con tôi là Elvis chỉ đường cho tôi trong giấc mộng. Tôi giữ kín trong lòng. Harold cho rằng tôi tìm được là do tin tức của một cảnh sát viên thuộc Nha Cảnh Sát Los Angeles, và tôi cũng không muốn phổ biến nguyên do tôi đã thành công. Tôi không nói về Elvis, những gì Anh đã đến với tôi.

Đêm đó tại khách sạn, tôi và Tony suy nghĩ về sự may mắn. Tony nói: “Thưa Ba, có một điều rất ngộ, con đã nằm mơ thấy Elvis hai lần. Trong cả hai giấc mộng Elvis bảo con là Ba sẽ đến đón con về. Anh cũng nói Anh lo lắng cho con và Anh sẽ giải quyết được.”

Tôi bắt đầu khóc khi nghe thấy vậy, nhưng tôi vẫn chưa nói cho con tôi về giấc mộng. Tôi vẫn chưa nói đến Anh, nhưng tôi đã thấy thần kinh căng thẳng. Tôi sẽ nói về Anh một ngày gần đây.

Quả là đúng như trong giấc mộng Elvis nói Tony ghiền ma túy. Chúng tôi đã cố gắng cho Tony bỏ ma túy. Tony đã vượt qua, và rất khoẻ mạnh. Mọi việc đều tốt đẹp.

Tôi không hiểu sao tôi lại nằm mộng như vậy. Trước đây cũng như sau đó không bao giờ có những giấc mơ như thế nữa. Tôi đâu phải là người không biết suy nghĩ. Tôi phải đứng trên cương vị việc là m. Tôi chưa bao giờ dính dáng tới những chuyện siêu linh. Vài năm trước đây, tại một thành phố gần đây, có một vụ giết người rất sôi nổi. Đủ loại giấy tờ. Họ đã mang các nhà siêu linh đến để giúp đỡ. Tôi tự nghĩ đó chỉ là lường gạt.

Bây giờ tôi không biết nghĩ sao. Với tôi hình như Elvis Presley lo âu cho con tôi nên Anh đã đến bằng giấc mộng để giúp đỡ tôi. Tôi không biết nghĩ gì hơn nữa.”

Câu chuyện của Harold Welch là một câu chuyện khó khăn trở ngại nhất mà tôi gặp phải. Nếu những dữ kiện mà ông nhớ lại đúng như ông trình bày, câu chuyện như thách đố sự giải thích tâm thường. Harold là một người thành thực đáng tin cậy, có lý trí, không phải loại người có khuynh hướng ngông cuồng.

Chính giấc mộng là động lực tâm lý quan trọng. Theo cách mà Harold mô tả Elvis trong giấc mộng, Elvis xuất hiện lo âu cho Tony cũng như Harold trong lúc nằm mộng là một sĩ quan cảnh sát lo âu cho nghề nghiệp của mình. Sự khó khăn do Elvis ám chỉ trong giấc mộng là làm sao báo cho Tony biết sự trở ngại của Harold trong việc liên lạc với con.

Tuy nhiên, điều huyền bí là chốn xảy ra trong giấc mộng đã biến thành sự thực ăn sâu vào trí nhớ của Harold. Giống như Harold, tôi cũng khó biết phải nghĩ gì!

-ooOoo-

-32-

HILDA WEAVER, NHÀ TÂM LÝ HỌC THẤY THẦN HỒN ELVIS PRESLEY

Tác Giả: Raymond A. Moody

Hilda Weaver là một nữ Bác Sĩ Tâm Lý Điều Dưỡng 30 tuổi, còn độc thân. Trong thị xã, Cô được mọi tầng lớp dân chúng và các đồng nghiệp quý trọng. Cô đã từng nói cô thuộc loại người “bảo thủ” và không mấy để ý đến các hiện tượng siêu nhiên cho đến khi cô đã tự mình chứng nghiệm. Khi Elvis

chết được gần 3 tháng, lúc đó cô 28 tuổi Elvis đến thăm cô, thuyết phục cô.

Sau đây là lời cô thuật lại:

“Khi tôi khoảng 10 hay 12 tuổi tôi có gặp Elvis một lần. Tôi nói “gặp” chứ đúng ra lúc ấy Anh đi bên cạnh tôi. Anh nhìn vào mặt tôi và nói: “Chào Em Cung”. Tôi nhớ tôi thật là cảm động. Một em bộ nít như tôi mà tự nhiên được một người đàn ông có cả nửa số phụ nữ trên thế giới ái mộ âu yếm nói chuyện. Ôi thật là cảm động biết chừng nào! Lẽ đương nhiên tôi nghĩ ngay đến việc lấy Anh. (Thật tức cười) Thật là một ý tưởng ngộ nghĩnh! Tôi nhớ mãi tới mấy tháng sau đó và đúng ra cả năm sau không chừng. Có lẽ tôi đã hơi lập dị. Tôi nghĩ “Khi tôi lớn Elvis có thể cưới tôi, Anh có thể mang tôi theo Anh và chúng tôi sẽ sống bên nhau hạnh phúc suốt đời. (Thật tức cười) Cuộc hành trình thú vị biết bao! Chuyện này đã làm cho tôi khúc khích cười thắm cho đến cả đến bây giờ mỗi lần tôi nhớ lại.

Tôi chỉ gặp Elvis một lần duy nhất đó. Thực thà mà nói, trước khi xảy ra việc trên tôi cũng chưa hẳn là người thực sự ái mộ Anh. Tôi chỉ mới xem 1, 2 cuốn phim Anh đóng. Tôi có vài đĩa hát của Anh - như Ông (Raymond A. Moody) thấy - chừng nửa tá tập nhạc của Anh. Tôi không bị Elvis ám ảnh như những người con gái đồng lứa tuổi. Tôi thuộc loại người đứng đắn, chỉ biết có học; Ông có thể hỏi bạn hữu của tôi. Họ sẽ cho Ông biết là tôi đứng đắn hay không. Đời tôi chỉ có học đường và sách vở.

Thế cho nên tôi vô cùng kinh ngạc khi Elvis đến thăm tôi. Bây giờ Ông thấy việc này như từ trên trời rơi xuống, tuyệt đối không có liên quan gì đến ma quỷ hay thần giao cách cảm. Không, bao giờ tôi cũng có thành kiến thiên cận về trí óc của con người. Tôi nghĩ rằng những chuyện như vậy là do tưởng tượng hay kỹ thị ám thị mà thôi. Đó là lý do khiến không bao giờ tôi kể lại chuyện đó cho các bạn đồng nghiệp nghe cũng như tôi không bao giờ muốn nói cả. Mọi người sẽ coi tôi giống như tôi coi các người khác - các bệnh nhân của tôi đã từng kể cho tôi nghe những loại chứng nghiệm tương tự như vậy.

Rồi việc xảy đến làm tôi cứng họng. Vào buổi chiều tôi đang làm việc trong phòng, tôi viết bài cho một tờ báo chuyên

môn. Bài đó cuối cùng đã được đăng. Tốt hơn tôi không cho ông biết bài gì và tờ báo nào bán vì nếu mọi người tìm ra, họ sẽ sợ hãi và chống đối. Họ sẽ không ngạc nhiên khi biết điều gì xảy đến khi tôi đang viết bài này.

Bây giờ, tôi đang trong phòng làm việc, ngày 17 Tháng 11 Năm 1977. Tôi biết đúng là ngày đó vì sau khi Elvis Presley ra về tôi lấy bút xanh ghi ngày vào cuốn lịch để bàn với chữ “EP (Elvis Presley) bất ngờ đến thăm” Hiện nay tôi vẫn còn giữ cuốn lịch đó.

Cắm cúi viết trong phòng làm việc, ngẩng lên tôi chợt thấy Elvis Presley đang ngồi trước mặt tôi trên chiếc ghế bành da mà bệnh nhân của tôi thường ngồi. Thật là sững sốt biết làm gì đây trong trường hợp này. Tôi nhận ra Anh và cảm thấy bầu không khí chung quanh tràn ngập yêu thương, hình như Anh có ý nghĩ không mấy tốt đẹp về tôi. Thật là ngạc nhiên. Tôi nhớ lại lúc đó tôi là người hạnh phúc nhất trên đời. Là một nhà tâm lý giỏi, khôn ngoan, không gì ràng buộc lại giàu có và sống trên mảnh đất đẹp nhất của trái đất.

Bởi vậy tôi có thể nói rằng Elvis nhận thấy có cái gì không ổn trong đời sống của tôi, cái đó mà chính tôi cũng không biết nên Anh đang thử giúp đỡ tôi. Chúng tôi đến với nhau, tuy đột ngột nhưng đầy nhiệt tình. Bây giờ nghĩ lại, tôi thấy lúc đó tôi thật vụng về. Thông thường với các bệnh nhân mới tới, tôi hay hỏi câu: “Tôi có thể giúp đỡ gì cho ông (hay bà) đây?” Nhưng khi đối diện với gương mặt đôn hậu, hào phóng của Elvis Presley, tôi lại hỏi: “Anh có thể giúp đỡ gì cho tôi đây?”

Anh mỉm cười, hóm hỉnh, và chắc chắn rất hài lòng. Nhìn gần trông Anh rất trẻ chỉ trạc tuổi tôi vào lúc đó. Anh có vẻ sung sướng.

Đến lúc này thì khả năng phê phán của tôi chợt đến và tôi ngưng ngay sự phân tích. Tôi nghĩ điều này: “Có thể xảy ra? Có thực điều này thật đang xảy ra sao?” Dù vậy khả năng phê phán của tôi chưa lén xén. Tôi vẫn dùng khả năng này từ hồi nào đến giờ rất hiệu quả. Nói đúng ra tôi biết có hơi lợi dụng. Thật điên rồ khi dùng khả năng phán xét để ngờ vực sự thực mà tôi đang nhìn thấy trước mắt. Tôi thực đang nhìn thấy mà. Tôi thấy Elvis Presley, Anh mặc bộ đồ màu xanh với các tua rũ xuống trông hấp dẫn nhưng tôi không chú ý mấy về y phục.

Điều tôi muốn nhấn mạnh là tôi đang nhìn thấy Anh, hơn nữa là đang cùng Anh hòa hợp, đang cùng Anh tác động, và đang có với Anh một sự thân ái, một tình bằng hữu. Tôi cảm thấy tôi như một học sinh, một em gái, một người bạn, tất cả trong cùng một lúc.

Anh bắt đầu trò chuyện với tôi, Anh nói “Missy, Cô có hài lòng với cuộc sống của Cô không?” Khi tôi còn nhỏ, một số người thân trong gia đình gọi tôi là Missy, nhưng từ nhiều năm qua, từ khi tôi ra khỏi trường Đại Học, không còn ai gọi tôi bằng cái tên này nữa. Câu hỏi này giáng vào tôi theo tục ngữ như cả một tấn gạch nặng. Câu hỏi như vào thẳng tim tôi, tôi trả lời: “Anh là nhà tâm lý giỏi hơn tôi, tuy chẳng bao giờ Anh đến trường.” Vừa nói xong, tôi cảm thấy bối rối và hồ thẹn vì mới gặp Anh lại hạ Anh. Nhưng Anh mỉm cười và câu trả lời của Anh làm bầu không khí đang lúng túng trở thành ấm cúng và thuận hòa ngay. Anh nói: “Tôi đã theo học một nhà trường tốt nhất “. Theo cách Anh nói, tôi nhận là Anh có lý. Sau cùng Anh đã chết để về nơi Thiên Cảnh! Cái gì đã làm tôi nghĩ tôi là người tài giỏi, phải chăng mảnh giấy treo trên tường kia? Tôi hiểu rằng cấp bằng Tiến Sĩ của tôi không còn nghĩa lý. Tôi không thể núp sau văn bằng đó nữa. Trước đây đối với bất cứ ai ngồi tại cái ghế này, thì tôi là Tiến Sĩ, xử dụng văn bằng này để đối phó. Nhưng giờ đây với một người đã chết và người nay đang hỏi tôi điều gì đó trong lòng tôi mà chính tôi không biết.

Tôi trả lời Elvis: “Hài lòng với cuộc sống của tôi à?Ồ! Anh biết rõ về tôi, chính tôi không biết điều đó, tôi không biết đối phó phải không Anh?” Anh yên lặng làm thỉnh và hiền từ nhìn thẳng vào mặt tôi.

Tôi bắt đầu thổn thức. Anh hiểu ngay và nói: “Hilda à, Cô phải mở rộng bối cảnh mà Cô đang làm trong đời sống của Cô”. Rồi chúng tôi trò chuyện một lúc hết chuyện riêng tư lại đến những chuyện vớ vẩn mà từ trước tới nay tôi chưa hề hé môi cho ai biết cả. Sau khi chấm dứt câu chuyện tôi hiểu tầm đa hiệu của tư tưởng và trí tuệ con người nếu biết áp dụng, tôi sẽ đem lợi ích đến cho nhiều người khác; tôi phải hiểu tư tưởng và trí tuệ trong tôi và biết khai thác triệt để tối đa.

Khi tất cả mọi vấn đề đã ăn sâu vào tâm khảm tôi là lúc Anh phải ra đi, tôi biết là tôi không bao giờ gặp lại Anh nữa vì tôi đang sống ở trần gian. Và tôi cũng chuẩn bị kỹ càng để tiễn Anh đi, điều mà tôi không làm trong khi Anh còn sống - đó là tự mình cái mở nhiều hơn nữa cho chính mình cũng như cho những người khác. Mặt khác tôi hãy còn chưa bộc lộ được hết lòng thương yêu của tôi đối với Anh, và tôi không thể để Anh ra đi một mình. Đến lúc này tôi nhớ đến một chuyện làm tôi bối rối. Vài ngày sau khi Elvis chết, tôi đọc trên một tờ báo có tin hai phụ nữ trẻ đến chia buồn, đang đứng quanh nhà Elvis, bị xe đụng chết. Tôi xúc động nhiều vì cái chết của hai người đàn bà còn quá trẻ. Khi Elvis từ giã, tôi đem chuyện này nói với Anh và tôi cũng lo lắng phản ứng của Anh hay được Anh có buồn rầu không. Anh trả lời: “Tôi cũng rất buồn về chuyện này. Tôi có mặt ở đó để chào họ và sống với họ khi họ về Thiên Cảnh”. Sau đó tôi hết lo lắng, thêm lần nữa Elvis đã làm cho tôi cảm động với sự hiền từ của Anh. Tôi liền cúi đầu, chấp hai tay như cầu nguyện.

Khi tôi ngẩng đầu lên thì Anh không còn nữa. Từ đó tôi không bao giờ nhìn thấy Anh và cũng chẳng bao giờ nằm mơ thấy Anh cả.

Trên đây là chứng nghiệm của tôi. Không có thông điệp vũ trụ, không có sự thực uyên thâm, không có giấy tờ ghi lại. Tất cả đều riêng tư - rất đậm ám và riêng tư. Từ đó tôi trở nên sung mãn nghị lực. Tôi thương tất cả mọi người. Ông biết không dù đời có sao đi nữa thì tất cả chúng ta vẫn cần hợp quần. Chúng tôi còn có rất nhiều thứ mà không có trong sách vở. Không một người bệnh nào hay một đồng nghiệp nào của tôi biết tôi có kinh nghiệm này với Elvis Presley. Mà cũng không ai có thể biết được - vì là rất riêng tư như ông đã biết. Cái mà tôi hy vọng là họ nhìn thấy hậu quả nơi tôi. Hậu quả đã giúp tôi cởi mở, đã làm cho tôi có lại cuộc đời hoạt động. Việc này đã làm cho tôi có được các điều tốt đẹp đó. Sau khi Hilda mô tả chứng nghiệm của Cô, Tôi và Cô đã có một cuộc bàn luận khá lâu. Tôi bày tỏ ý kiến riêng của tôi. Một số đặc tính đến với Cô rất phù hợp, chứng nghiệm đã thức tỉnh tư tưởng thầm kín của Cô, và thật là rõ ràng Cô cần có một số tình cảm thiết yếu mà từ lâu Cô không để ý tới. Đầu tiên, phần Cô, Cô đã không bộc lộ thương tiếc Elvis Presley. Đáng lẽ Cô cần bộc

lộ tình cảm ngay từ khi Elvis chứng tỏ tình mến với Cô lúc Cô còn nhỏ. Chứng nghiệm với Elvis tại Văn Phòng của Cô có thể giải thích là sự biểu lộ lòng thương tiếc của Cô với Elvis.

Thứ nữa là Cô bày tỏ lòng tiếc thương và sự bối rối về thảm kịch của hai người đàn bà trẻ bị xe đụng chết tại Graceland. Sự xuất hiện của Elvis tại văn phòng đã an ủi Cô phần nào.

Điều thứ ba Cô nhận xét là Cô giữ tâm tư thầm kín về mọi mặt của cuộc đời. Được biết với các nhà tâm linh học, một người chối bỏ trạng huống của chính mình, giữ tâm tư thầm kín, thì trạng huống đó ít nhiều cũng vẫn còn giữ trong tư tưởng của người ấy. Trạng huống đó có thể biến thành những giấc mơ như thật, cũng có thể là những hình thái của các sự khó khăn hoặc là những khuôn mẫu trong việc giao tế thí dụ như đàn ông cứng rắn lạnh lùng cười phụ nữ sôi nổi nhậy cảm như để bổ khuyết cho nhau khiến cho đời sống được điều hòa. Tôi nghĩ có lẽ Hilda đã nén tinh thần đau xót nổi dậy trong ảo ảnh của Elvis, người đã khen ngợi Cô nên hậu quả là làm Cô thức tỉnh cái quan niệm thiên cận của mình.

Cuối cùng trước cái ngày định mệnh ấy, Hilda lúc nào cũng sống với sự suy nghĩ khắc khổ. Cô đã từ bỏ các lạc thú bình thường của cuộc đời, Cô rất ít khi vui. Ở mức độ nào đó Cô phải khao khát thú vui. Mặt khác Elvis Presley là một người nổi tiếng về ăn chơi, mê phim ảnh, trượt tuyết, cười ngỗ và những trò chơi giả tưởng. Với một số người, Elvis Presley là hình ảnh của một người yêu đời. Thật là hợp lý, hình ảnh của Elvis nổi lên từ đầu óc khép kín của Hilda, để bày tỏ cho Cô biết Cô cần có thú vui cho cuộc đời. Và như thế Cô bắt đầu cho phép mình được hưởng các thú vui sau khi trò chuyện với Elvis.

Hilda ngồi bình tĩnh, mỉm cười hoan lạc trong khi tôi tóm tắt lại những sự giải thích có thể có được. Khi tôi nói xong, tôi nhận thấy - gần như tự động - Hilda thở ra một hơi dài nhẹ nhõm. Từ từ rồi mọi sự như qua đi, Hình như Cô đang đắm mình trong tình trạng nghỉ ngơi thoải mái và nhìn thẳng và mắt tôi. Tôi có cảm nghĩ Cô đang xâm nhập tôi. Như thể Cô đang đặt Cô trong hoàn cảnh của tôi. Rồi Cô trở lại bình thường và nhận xét câu trả lời của tôi về câu chuyện. Lời phê phán của

Cô thật là khôn ngoan, hiểu biết và lanh lợi, tôi xin ghi nguyên văn:

“Raymond, Ông đã bỏ ra nhiều năm nghiên cứu các chứng nghiệm bất thường của một số người, nhưng chính Ông thì chưa có. Đó là một thất bại. Hãy xem tôi. Tôi không bao giờ lưu ý đến việc đó mà nó lại đến với tôi. Hình như Ông xem có vẻ thêm thường và giận tôi. Ông cần phải tìm kiếm chính nơi Ông để tìm được nguồn cội. Ông sợ hãi đề cập đến những chuyện đó theo qui ước thông thường vì nghĩ rằng chuyện đó không thể xảy ra được. Ông cần phải cởi mở những phần khác của tư tưởng ông. Ông sẽ vui hơn khi làm như vậy.”

Tôi ngạc nhiên và cảm động về nhận xét của Cô. Rõ ràng là Cô đã hòa nhập vào lời nói và sắc diện của tôi mà chính tôi cũng không để ý đến. Dù gì khi Cô nhận xét về cảm nghĩ day dứt hay khao khát của tôi trong cuộc phỏng vấn với Cô là đúng.

Cuộc đàm thoại với Hilda cũng làm cho tôi lưu ý đến cái giới hạn trong phương pháp giải thích vấn đề siêu linh nếu đơn thuần dựa trên tính chất tâm lý của người có chứng nghiệm. Cũng có thể rằng trong một vài trường hợp chứng tỏ trạng huống của chứng nghiệm đã đưa đến sự đối nghịch không giải quyết được trong tư tưởng của người chứng nghiệm. Trong một vài trạng huống đem tâm lý mà giải thích của một chứng nghiệm bất thường có thể bắt nguồn từ những đối nghịch bất thường của tư tưởng người giải thích. Vì vậy nên nếu chối bỏ chứng nghiệm của một người khác vì cho rằng nó phản ánh những bối rối về tâm linh, dường như người đó bắt buộc cũng chối bỏ dự định của mình để giải thích chứng nghiệm nếu sự giải thích ấy phản ánh bối rối tâm linh của chính mình.

Phần VII

TIỀN SĨ HANS HOLZER

Tiền Sĩ Hans Holzer là một trong những nhà tâm lý học nổi tiếng trên thế giới, chuyên khảo cứu và điều tra những vô siêu nhiên. Ông tốt nghiệp Đại Học Đường Columbia, Đại Học Đường Vienna, Đại Học London College of Applied

Science (Anh). Ông là giáo sư đã dạy tám năm tại Viện Kỹ Thuật Nữ Ước. Ông đã được liệt kê trong cuốn “Who s Who In America”. Ông đã hướng dẫn độc giả qua các tác phẩm của Ông bằng những tài liệu dẫn chứng xác thực cho rằng chết chưa phải là hết mà đời sống còn tiếp tục qua một hình thức khác, đó là luân hồi.

Tiền Sĩ là tác giả của hơn 80 cuốn sách như Ghost Hunter, Where The Ghosts Are, Best True Stories, Life Beyond Life vân vân... Ông cũng thường xuyên viết các bài khảo luận đăng trên báo chí thế giới như National Examiner vân vân...

Chúng tôi xin trích dịch một câu chuyện luân hồi trong cuốn Life After Life của Ông do nhà Xuất Bản Parker Publishing Co phát hành Năm 1985.

-ooOoo-

-33-

PAMELA WOLLENBERG - MỘT THIẾU NỮ HOA KỲ LÀ HIỆN THÂN

CỦA MỘT CÔ GÁI TÔ CÁCH LAN (ANH)

Tác giả: Hans Holzer

Sáng nay, một buổi sáng mát mẻ của Tháng 10 Năm 1967. trước đồng thư mà độc giả trong và ngoài nước gửi tới đã mấy tuần qua (mỗi tuần tôi nhận 300 đến 400 bức) nhưng tôi chưa kịp đọc. Tôi cảm thấy cần giải quyết cho xong. Tôi cố lựa ra những thư nào khẩn cấp để trả lời ngay. Không biết sao tay tôi nhặt lá thư gửi từ Harvey Illinois. Lá thư này cũng giống như các lá thư khác không có gì đặc biệt nhưng tôi lại mở ra ngay đọc. Tôi đọc đến 3 lần rồi, tôi tự nhò mãnh lực nào đã thúc đẩy tôi bóc lá thư này trong khi hàng trăm thư khác còn nằm trên bàn giấy của tôi sáng hôm đó.

Lá thư như sau:

“Kính gửi Ông Hans Holzer,

“Tôi viết cho Ông bức thư này về một kinh nghiệm bản thân của tôi, có thể kinh nghiệm này không có ý nghĩa gì. Tôi đã nhìn thấy cả thấy 3 lần một người con gái Tô Cách Lan đứng dưới chân giường tôi. Tôi không biết cô ta thực sự có nói

chuyện với tôi không, nhưng sau khi nhìn cô tôi còn nhớ mọi những chữ sau “Castle”, “Perch” hay “Purth”, “Ruthvin”, “Gowrye”, “Sixteen” và “Towers”, và một tiếng gì nữa như “Burn Night. Tôi chưa kể chuyện này với ai cả vì có lẽ họ sẽ chẳng tin.

Nếu ông tìm thấy điều gì qua sự việc trên, ông vui lòng cho tôi biết, tôi vô cùng cảm kích.

Chân Thành,

Pamela Wollenberg

Bức thư ngắn gọn trên đã làm cho tôi bối rối vì những chữ mà cô đề cập trong thư chẳng giúp tôi hiểu điều gì. Thư không giống như loại thư kể chuyện ma quỷ, tâm lý hay những chuyện lạ lùng xảy ra trong phòng ốc. Nó cũng chẳng giống một giấc mơ bình thường, Cô Wollenberg lại cũng không nói rõ những danh từ đó có phải là địa danh hay không.

Bức thư quả đã gợi trí tò mò của tôi nên tôi viết thư trả lời cô ngay và đề nghị cô cho biết thêm chi tiết về cô gái, hoặc có ai là nhân chứng cho cái kinh nghiệm mà cô kể trong thư.

Cô trả lời tôi ngay như sau:

“Tôi không có nhân chứng vì ngoài tôi không ai thấy cô gái Tô Cách Lan này. Cô gái có mái tóc màu đỏ, ăn mặc sang trọng, choàng chiếc áo dài trắng viền vàng. Đêm hôm nọ tôi lại thấy cô. Hình như cô nói với tôi chữ “Handsel”. Cô có vẻ bị lạc đường, cô vẫn nói chữ “Ruthven”, “Gowrie”, “Sixteen hundred”, “Two towers”. Cô cũng nói “Glamis-Angus”. Cô còn nói “Tôi nhảy”. Tôi không tin là tôi có liên quan đến Tô Cách Lan, nhưng cũng có thể vì phía bên mẹ tôi đều là người Anh cả, còn phía cha tôi là người Đức. Tôi không biết tôi có thần giao cách cảm hay không nhưng hình như tôi nhìn thấy vài việc trong quá khứ. Tôi hy vọng thư này sẽ giúp được ông.

Chân Thành,

Pamela Wollenberg

Sau khi nhận được bức thư thứ hai, tôi quyết định đi Tô Cách Lan để tìm hiểu vụ này. Tôi có quen vài sử gia Anh Quốc, tôi nghĩ là họ có thể làm sáng tỏ được các chữ bí ẩn của hai lá thư trên.

Sau lá thư thứ hai, tôi không còn liên lạc với cô cho đến khi tôi đến Tô Cách Lan vào mùa hè năm 1969. Tôi mang theo hai lá thư, mặc dù tôi không biết phải bắt đầu từ đâu. Một người bạn thân của tôi là nhà văn Elizabeth Byrd, tác giả cuốn *Immortal Queen* (Lịch Sử Hoàng Hậu Mary của Anh Quốc) đang cư ngụ tại Highlands. Tôi hy vọng Bà Elizabeth Byrd có thể giúp tôi, nhưng sau khi xem xong hai lá thư, Bà đã không giúp được gì cho tôi cả, tuy nhiên Bà có hứa sẽ lưu ý đến việc này. Chúng tôi được mời đến nhà của ông bà Maurice Simpson để dùng bữa cơm trưa. Đây là một tòa lâu đài ở phía đông bắc Tô Cách Lan gọi là Muchalls. Ông Bà Simpson mời chúng tôi tới lâu đài có mục đích cho tôi thăm một căn phòng có ma. Nhưng rút cục chẳng có phòng nào có ma tại lâu đài này cả. Tuy nhiên ông bà Simpson là người khả ái và hiếu khách nên chúng tôi rất vui thích. Tình cì tôi đưa Ông Bà xem hai lá thư của cô Pamela Wollenberg và hỏi họ xem có ý kiến gì về chuyện này không. Không ngờ ông Simpson tỏ vẻ chú ý đến câu chuyện và ông cho biết ông có được nghe một huyền thoại về “Cái Nhảy Của Một Trinh Nữ” xảy ra tại một lâu đài ở Tô Cách Lan.

“Quả thật có chuyện này sao?”. Tôi tự hỏi và càng quan tâm hơn nữa. Số phận đã đưa đẩy chúng tôi tới Muchalls chẳng phải vì căn phòng có ma mà vì ông bà Simpson là cây đuốc soi dẫn dắt chúng tôi tìm hiểu cái bí ẩn của hai lá thư từ Harvey Illinois.

Ông Simpson nói: “Tôi có cuốn sách nói về các toà lâu đài của Tô Cách Lan, để tôi đi tìm”. Vài phút sau Ông hớn hờ trở lại trong tay cầm cuốn sách nhỏ và mỏng. Cuốn sách có tựa đề “Huntingtower Castle” (Lâu Đài Huntingtower do ông J.S. Richardson viết). Ông Richardson là một cựu thanh tra về các lâu đài cổ của Tô Cách Lan, Lâu Đài Huntingtower lúc này được đặt dưới quyền giám sát của Bộ Công Chánh Xây Cát. Trong khi lật các trang của cuốn sách nhỏ này, tôi cảm thấy tôi có thể khám phá được giấc mộng kỳ lạ của cô Pamela Wollenberg.

Lâu đài Huntingtower chính là lâu đài Ruthven có, tên này được đặt từ đầu thế kỷ thứ 13. Nam Tước Ruthven III và IV đã dính líu vào vô ám sát Rizzio, một người được Hoàng Hậu Mary sủng ái. Sau đó, người cha là Nam Tước Ruthven III

chết, còn người con là Nam Tước Ruthven IV bỏ trốn. Sau đó Hoàng Gia đã ân xá cho phép Nam Tước Ruthven IV được trở về. Nam Tước Ruthven IV tên là William được Vua James phong là Bá Tước Gowrie I vào năm 1581. Vì Vua James còn nhỏ nên các triều thần của Vua thực hiện việc phong tước.

Một năm sau đó vị Bá Tước mới này đã trả ơn bằng một lỗi đặc biệt. Ông đã cùng với mấy cộng sự viên bắt vị Vua trẻ, giam vào lâu đài Ruthven gần một năm. Lý do hoàn toàn có tính cách chính trị. Gowrie và các cộng sự của ông không đồng ý để Bá Tước Arran và Công Tước Lennox cầm đầu chính phủ ở Tô Cách Lan. Sau khi đã đoạt được uy quyền của hai nhà quý phái này, Bá Tước Gowrie cùng các cộng sự viên của ông đã uy hiếp vị Vua trẻ phải ký vào bản tuyên cáo kết tội chính phủ cũ. Nhưng vị Vua trẻ tuổi này phản kháng, Glamis, một trong những người giam bắt nhà Vua đã tuyên bố như sau: “Thà là để đứa trẻ khóc còn hơn là để người già phải khóc”. Vua James không bao giờ quên được câu này.

Việc bắt giam Vua của Nam Tước Ruthven là một biến cố trọng đại trong lịch sử của Tô Cách Lan. Biến cố này rất là quan trọng đối với những nhà chuyên môn khảo sát về lịch sử Tô Cách Lan trong thời gian sôi động này.

Khi được trả tự do, Vua James lại trở về chịu ảnh hưởng của Bá Tước Arran cho nên việc bắt giam nhà Vua tại Lâu Đài Ruthven không thay đổi được Tô Cách Lan mà làm cho nhà Vua trở thành thù hận với người mà chính nhà Vua đã phong tước, đó là Bá Tước Gowrie I.

Ban đầu, nhà Vua đã tỏ ra một thái độ khoan dung, tha thứ cho tất cả những ai đã dính líu đến việc bắt giam nhà Vua và đã ra một tuyên cáo ân xá tất cả những người này. Nhưng hai năm sau, Bá Tước Gowrie được lệnh phải rời khỏi xứ. Trong khi nghỉ ngơi tại Dundee, Bá Tước Gowrie đã bị bắt bởi William Stewart, đẩy ra đảo Leith rồi bị giam tại Biệt Điện Hoàng Gia tại Holyrood. Ở đây, Bá Tước Gowrie bị Tòa Án kết tội vì âm mưu chiếm lâu đài Stirling và bị chém đầu tại Stirling vào Ngày 4 Tháng 5 Năm 1585. Lâu đài của Bá Tước Gowrie bị Hoàng Gia tịch thu.

Một năm sau, lâu đài và chức tước của Bá Tước Gowrie I được trao lại cho người con là James; Bá Tước James chết ít

lâu sau đó và người em tên John là người kế vị thứ Ba và cũng là người cuối cùng dòng dõi Bá Tước Gowrie. Những người thuộc dòng dõi Bá Tước Gowrie, trong lúc đương thời, được nổi tiếng về gọi hồn và ma thuật.

Dương nhiên Vua James đâu đã chịu ngưng báo thù, Bá Tước Gowrie cuối cùng, cùng với người em là Alexander Ruthven đã bị nhà Vua ra lệnh giết chết tại căn nhà của họ tại Thành Phố Perth vào năm 1600. Lý do là họ có ý định tạo phản nhà Vua, nhưng thực ra vụ này không có bằng cứ. Không có chi tiết nào được nói đến trong vô “Bá Tước Gowrie Tạo Phản”, tuy nhiên các báo cáo đương thời nói rằng trong giây lưng của viên Bá Tước, người ta tìm thấy có vài tờ giấy ghi những câu thần chú mà chỉ người tinh thông về ma thuật mới có thể đọc nổi.

Xác chết của hai anh em dòng dõi Gowrie được mang về Edinburgh và bản cáo trạng về tội tạo phản đã được phổ biến trước công chúng.

Chưa hài lòng với cuộc hành hình hai người cuối cùng của giòng họ Ruthven, Vua còn ra lệnh đem hai xác chết ra treo trước công chúng, rồi đem dìm xuống nước, và đem phanh thây ra từng mảnh bỏ rải rác tại nhiều nơi. Theo tín ngưỡng thời bấy giờ hành hạ người chết như vậy là cốt để cho linh hồn tội nhân không được yên ổn.

Đầu thế kỷ thứ 17 là một giai đoạn khó khăn trong Lịch Sử Tô Cách Lan. Mọi người nghi kỵ lẫn nhau, tình hình chính trị thật sôi báng. Sự chia rẽ về tôn giáo không được giải quyết, Tô Cách Lan bị hai Giáo Phái Tin Lành và Cơ Đốc xâu xé. Nhà Vua vẫn còn bức bối vì hận thù. Nghị Viện năm 1600 đã hủy bỏ danh tánh Ruthven, lâu đài Gowrie đổi tên là Huntingtower và thuộc về Hoàng Gia Anh. Cuối cùng đến năm 1643, lâu đài Huntingtower được chuyển cho William Murray, từ đó người ta chỉ còn biết đến lâu đài Huntingtower mà thôi.

Muốn hiểu rõ lâu đài Ruthven và mối tương quan của các danh tánh Ruthven, Gowrie, cần phải có một kiến thức sâu rộng, một khả năng đặc biệt của sử gia Tô Cách Lan. Thế nhưng một thiếu nữ chưa bao giờ rời khỏi Illinois (Hoa Kỳ) chỉ trong một thoáng đã có thể nói đến nào Ruthven, nào Gowrie, nào năm 1600 và nào hai tháp canh. Cô còn nói đến

Glamis (vị chủ mưu trong việc giam nhà Vua) và Angus không ngờ có mối quan hệ giữa Glamis ở quận Angus với gia đình Gowrie. Sao cô có thể biết thành phố Perth mà cô đề cập đến trong lá thư đầu chính là nơi Bá Tước Gowrie bị giết?

Cô Pamela Wollenberg còn viết: “Tôi Nhảy”. Cuốn lâu đài Huntingtower đã cho tôi hiểu được về câu nói bí mật này:

“Một ái nữ của Bá Tước Gowrie đang yêu một thanh niên thuộc giai cấp thấp hơn nên không được gia đình chấp thuận. Khi thanh niên đến thăm cô, anh phải ở trong một tháp canh khác biệt lập hẳn với tháp canh của cô. Một đêm nọ cô lên sang thăm người yêu trước khi các cửa nẻo bị đóng. Một con hầu báo cho Bá Tước phu nhân biết chuyện này, nó thiện nghĩ nếu Bà đột nhập, bắt gặp sẽ làm họ kinh ngạc và cắt đứt mối tình ngang trái. Thiếu nữ rất thính tai, nghe bước chân Mẹ đã chạy lên bờ thành tháp canh, nhảy qua cái hào rộng 9 feet 4 inches (3 mét), sâu 60 feet (18 mét) và may mắn sang được tháp bên kia; cô lên lên giường nằm. Thấy cô ở đó mẹ cô rất kinh ngạc, Bà xin lỗi đã ngờ vực cô. Cô con gái trinh trắng không tái diễn trò này nữa nhưng đêm hôm sau, cô trốn theo người yêu. Cái thành tích hiếm có này được gọi là “Cái Nhảy Của Người Trinh Nữ”; cô đã nhảy qua khoảng cách giữa hai tháp canh cách biệt hẳn nhau”.

Đọc xong cuốn sách, chúng tôi đều im lặng, cảm thấy tin tức trong cuốn sách thật là quan trọng. Vấn đề còn lại là tìm hiểu âm mưu tạo phản của giòng họ Gowrie cũng như tên người con gái. Vậy cần phải có một cuộc điều tra mới. Tôi nghĩ đến cô Pamela Wollenberg vì chính cô đã cho những bằng chứng cụ thể lúc sơ khởi và rất có thể qua cô tôi tìm được câu trả lời. Tôi quyết định không kể cho Pamela Wollenberg biết cuộc điều tra của tôi và tôi thu xếp gặp cô sớm để thực hiện cuộc thí nghiệm bằng thôi miên. Tôi không biết tí nào về Pamela Wollenberg, cô bao nhiêu tuổi và tình trạng gia đình ra sao nhưng tôi hy vọng cô không có lý do từ chối lời đề nghị của tôi.

Tại Muchalls bữa cơm tối hôm ấy có sự hiện diện của Ông Bà Alastair Knight. Bà Alanna Knight là một nhà tâm linh học uyên bác. Bà đã viết nhiều truyện về lịch sử. Bà hứa sẽ giúp tôi tìm hiểu trường hợp khác thường này. Thêm vào đó Bà

Elizabeth Byrd còn giành được sự tình nguyện trợ giúp của Sử Gia Carson Ritchie. Sử Gia Ritchie cho biết muốn tìm tên những người con gái thời đó rất khó vì người ta không khai sanh cho con gái chỉ trừ có hoàng tộc mà thôi.

Được sự giúp đỡ của cả một đội quân hùng hậu trên đây, tôi tin chắc có thể tìm ra bí mật về giấc mơ của cô Pamela Wollenberg. Ông Bà Knight quyết định sẽ đến lâu đài Gowrie.

Còn 2 từ ngữ trong ảo mộng của Cô Pamela Wollenberg chưa cắt nghĩa được. Trước tiên là chữ “Burn night”, chữ thứ hai là “Handsel”; từ ngữ này hoàn toàn xa lạ với tôi. Làm sao tôi có thể tìm được nghĩa của cái chữ lạ hoắc này?

Mấy năm trước đây Bà Elizabeth Byrd có giới thiệu tôi với Bà Margaret Widdemer. Bà này là người đọc rộng, có một tủ sách quý. Bà Elizabeth Byrd khuyên tôi nên hỏi ý kiến của Bà Widdemer.

Bà Widdemer viết cho tôi: “Theo tự điển Tô Cách Lan, tôi có thể giải nghĩa chữ “Handsel” có nghĩa là quà mừng nhân dịp khai trương, một tặng vật, ngày thứ hai, một đồng tiền để trong túi áo choàng mới hay Tương tự. “Handsel” có nghĩa là khánh thành, khai mạc, quà mừng. Tôi cảm thấy hân hoan khi hiểu nghĩa chữ “Handsel”. Theo Bà Widdemer: “Với tôi chữ này có nghĩa món tiền kiếm được hoặc một vật gì đó được ngã giá, tiền hay không phải tiền. Có thể cô gái tóc đỏ mà ông nói đó đã hứa theo người yêu nếu như cô nhảy thoát”. Nghĩa chữ “Handsel” là như vậy.

Mặc dầu tôi chưa gặp mặt Pamela Wollenberg nhưng các mảnh của trò chơi ghép hình đã được sắp đúng chỗ. Ông Bà Knight sắp sẵn đi thăm lâu đài Gowrie. Ông Knight là một nhà Địa Dõ Học. Ngày 6 tháng 8, họ bắt đầu lên đường xem chuyến đi như một công tác thường lệ của ông Knight. Ông Bà dự định đến thăm lâu đài Scone nhưng không tìm ra đường đành đi thăm một người bà con ở Dundee. Ông Bà tính đi đường tắt nhưng bị lạc. Còn đang lúng túng thì Ông Bà nhìn thấy tấm bảng: “Lâu Đài Huntingtower 2 dặm”. Ông Bà Knight đã sẵn có ý định đến thăm lâu đài Gowrie nhân ngày kỷ niệm 2 vị Bá Tước cuối cùng của giòng họ Gowrie bị hành quyết.

Mặc dầu tôi đã từng mục kích Bà Knight dùng giác quan thứ 6 có kết quả nhưng bây giờ Bà lại không cần đến khả năng siêu linh. Hình như Bà có thể nhìn thấu màn thời gian, làm sống lại các biến cố đã qua. Đến lâu đài, Bà có cảm giác quen thuộc lạ thường. Vừa đặt chân vào lâu đài Huntingtower, Bà đã cam đoan là trước đây Bà đã từng ở. Chồng Bà xác nhận ông bà chưa bao giờ ở trong lâu đài này, thế mà Bà Knight biết được lối vào.

“Đây là phòng ngủ, giường ngủ ở đằng kia”. Bà vừa nói vừa chỉ. Bà đi hết phòng này sang phòng khác vừa đi vừa hát nho nhỏ. Cậu con trai Christopher hỏi Bà: “Mẹ đang hát bài gì vậy?” Bà không trả lời con nhưng bài đó có nhịp điệu giống bài ca do tôi sáng tác với nhan đề: “Nàng Trinh Nữ Trên Đồng Cỏ”. Bà chưa bao giờ được nghe hay thấy bản nhạc này. Bà chỉ biết là tôi có sáng tác bài hát liên quan đến Tô Cách Lan mà thôi. Lúc đi ngang qua người quản thủ lâu đài, Bà Knight đã hỏi ngay về cánh đồng Ruthven làm như có được ghi trên bản đồ. Theo lời chỉ dẫn của người quản thủ, đi dọc theo vài con đường đẹp quanh co hình như rất quen thuộc với Bà, Bà đã tới bãi cỏ dễ dàng. Những cảm giác khi trước mờ ảo lúc này trở nên rõ ràng với Bà.

Khi sắp sửa soạn rời khỏi lâu đài, ông Knight lo lắng sợ bị lạc nữa, nhưng Bà Knight đã khẳng định: “Đi thêm khoảng 20 thước, có cái cầu đá có ở bên phải dẫn đến con đường cái”. Quả đúng như vậy, trên đường về Bà Knight không quên được những biến chuyển trong giờ phút cuối cùng.

Vừa tới lâu đài, Bà Knight vội vàng bà lên bờ thành dốc. Bà ngồi đó, trên bờ thành, cách mặt đất khoảng 60 feet (18 thước) Hai ngọn tháp cổ đã từng cách biệt hẳn nhau ngày xưa thì bây giờ được nối với nhau bởi phần giữa. Ở đầu thế kỷ thứ 17, giữa hai tháp canh có một hào sâu 9 feet (3 mét). Muốn nhảy từ ngọn tháp bên phải cao hơn tháp bên trái một tầng, phải nhảy qua một cái hào. Thành tháp 2 bên đều có gì, có trụ nhô ra, gối lên nhau, nhảy qua không phải dễ dàng và có thể ngã xuống mái nhà. Quả là dóng cảm phi thường mới dám nhảy qua. Sau cùng Bà Alanna Knight rời tháp canh và trở vào bên trong lâu đài.

Trong phòng ngủ, Bà có cảm tưởng như nhìn thấy cô gái tóc đỏ vàng, da xanh xao hơn là ngăm ngăm và mặt lúm đóm tàn nhang. Nói theo lối mới, Bà Alanna Knight nhận xét - Cô có vẻ tinh nghịch, lém lỉnh hơn là hiền lành, “một loại con gái dám làm bất cứ chuyện gì”. Bà cảm thấy cô là “người lãnh đạo đàn ông chứ không phải một nhi nữ tầm thường”. Bà nói: “Tôi nghĩ cô là người vui vẻ, cười nhiều, bị chống đối bởi gia đình. Tôi cảm thấy thế kỷ thứ 16 không thích hợp với cô - cô đã sanh nhầm thế kỷ - cô sẽ hạnh phúc hơn ở thời đại này vì cô khao khát bình đẳng với nam giới, thêm muốn ra xã hội đấu tranh. Có thể tên cô là Margaret hay Isabelle, hay cả hai đây, những tên rất Tô Cách Lan. Sự thực cảm nghĩ này không lấy gì làm hứng thú lắm. Tôi hy vọng sẽ có ngày nào đó ông biết được câu trả lời”.

Tôi hỏi Bà Alanna Knight bài hát “Cô Trinh Nữ Trên Đồng Cỏ” (The Maid Of The Meadow) mà Bà nhớ và cảm nghĩ đối với bản nhạc này. Bà cho biết Bà không phải là nhạc sĩ nên đã nhờ một người bạn tên Ann Brand ghi lại cho Bà. Tôi thích thú xem bản nhạc. Thật là lạ, có bốn nhịp giống như hết trong bản trường canh do tôi sáng tác năm 1953 mà Bà Knight cũng như người bạn của Bà không biết. Chắc chắn đó không phải một bà hát toàn vẹn chỉ đơn thuần có một đoạn nhưng sự giống nhau thì nổi bật.

Bà Knight cho biết thêm “Tiền Sĩ Ritchie đã tìm được lai lịch của một cô gái dòng dõi Ruthven trong cuốn lịch sử Tô Cách Lan của Robertson xuất bản năm 1759. Theo ông Bá Tước Gowrie có người con gái tên là Beatrix. Lẽ dĩ nhiên Bá Tước có thể có nhiều chị hay con gái nhưng cuốn lịch sử chỉ ghi tên Beatrix mà thôi. Trong lúc này Bà Elizabeth Byrd cũng hứa cố gắng cho tôi biết tin tức thấu lượm được ở Edinburgh.”

Trong khi mọi hoạt động đang ráo riết sôi nổi bên kia bờ Đại Dương thì tôi đi Chicago để gặp Pamela Wollenberg. Cô Pamela Wollenberg đồng ý đến khách sạn Knickerbocker gặp tôi và cũng bằng lòng cho tôi thực hiện thôi miên để thí nghiệm. Tôi cho cô biết tôi đã tìm thấy vài bằng chứng về giấc mộng của cô nhưng không nói gì thêm.

Ngày 17 Tháng 10 Năm 1969 Cô Pamela Wollenberg đến khách sạn. Cô vừa bước vào phòng, tôi có hơi ngạc nhiên vì cô

không giống như tôi tưởng. Thay vì một người bất bình thường, lẳng mạn, tuổi tác khó đoán, tôi thấy cô rất trẻ khoảng 20, 21, hoạt bát, thực tế có vẻ không thích khoa học huyền bí. Tôi muốn được phỏng vấn cô trước khi thôi miên. Cô đồng ý. Tôi tiến hành ngay.

“Pamela” - Tôi bắt đầu cuộc phỏng vấn - “Cô sanh tại đâu?”

“Tại Chicago Heights”

“Cha cô làm gì?”

“Cha tôi đã chết. Hồi còn sống ông làm trong xưởng chế tạo đầu máy xe lửa còn mẹ tôi là một công nhân trong bệnh viện kiểm soát sự dinh dưỡng”.

“Gốc gác của cô thế nào?”

“Gia đình bên cha tôi là người Black Forest, Đức Quốc, còn gia đình bên mẹ tôi là người Anh Quốc”.

“Mẹ cô sanh tại đây phải không?”

“Phải”.

“Tổ tiên cô có ai là người Tô Cách Lan không?”

“Theo tôi biết thì không”.

“Cô có bao nhiêu anh chị em?”

“Tôi có hai chị và một người anh, những người này cùng mẹ khác cha”.

“Gia đình cô theo đạo gì?”

“Cha tôi theo Lutheran, mẹ tôi theo Baptist”.

“Còn cô?”

“Tôi theo đạo Mormon”.

“Cô đã 21 tuổi, vậy cô đi làm chưa?”

“Tôi đã đi làm tại bệnh viện, đã đi học y tá, và bây giờ công việc của tôi là trông nom một người đàn bà; bà ta bị bệnh. Khi nào có đủ tiền tôi muốn đi học lại”.

“Trường học của cô ra sao, cô học trường công?”

“Tôi học ở Glenwood, ngoại ô Chicago Heights còn sau thì ở Harvey, nơi tôi đang cư ngụ”.

“Cô có bao giờ mừng tượng đến hay có các ảo giác về những nơi cô bao giờ thăm viếng không?”

“Tôi đã nhìn thấy người, tôi thề là tôi đã nhìn thấy trước đây ở một nơi nào đó và không thể nào có chuyện đó được”.

“Cô có ở Âu Châu bao giờ chưa?”

“Chưa”.

“Cô có bao giờ ao ước đi Âu Châu không?”

“Ồ, có tôi thích Âu Châu. Tôi muốn xem các lâu đài”.

“Lần đầu tiên ý nghĩ này đến với cô vào lúc nào?”

“Khoảng 3 năm nay, lúc tôi 18 tuổi..“Tôi vẫn nhớ tôi có một lâu đài, lâu đài lớn sơn màu trắng và có các tháp canh”.

“Có bao nhiêu tháp canh?”

“Lối 2 hay 3 cái, giống như một tảng đá như quả núi hoặc cái gì đó”.

“Cô thường đọc sách gì?”

“Tôi thích loại sách bí ẩn”.

“Cô có đọc truyện về lịch sử không?”

“Sách về lịch sử tôi không thích lắm, chỉ có một lần, tôi đọc lịch sử Waterloo”.

“Cô thích loại âm nhạc nào?”

“Nhạc cổ điển và dân ca, không phải những bản dân ca ông nghe bây giờ. Tôi muốn nói dân ca Âu Châu như Anh Quốc”.

“Có bao giờ cô thấy bản nhạc đặc biệt trong trí nhớ của cô không?”

“Thỉnh thoảng tôi có nghe thấy tiếng kèn của mục sư Tô Cách lan “.

“Và lúc nào cô nghe thấy?”

“Thường thường vào ban đêm, khi tôi sắp sửa ngủ”.

“Đã bao lâu cô nghe tiếng kèn này?”

“Có thể nói là một năm rưỡi hay hai năm”.

“Có bao giờ cô thấy lạ lẫm ở chung quanh cô không?”

“Tôi có thể nói như vậy: Tôi nghĩ là tôi không thuộc về hiện tại, chung quanh đây”.

“Cô có thể cho tôi biết cô cảm thấy như thế bắt đầu từ khi nào?”

“Chừng độ 3 năm vừa qua, thực sự tôi cảm thấy tôi không quen người nào ở đây mà hình như tôi quen một số người ở những nơi khác trên thế giới”.

“Ở đâu?”

“Tôi nghĩ rằng quần đảo Anh Quốc quyến rũ tôi hơn là Âu Châu. Đúng quần đảo Anh Quốc đã quyến rũ tôi”.

“Có bao giờ cô cảm thấy có lẽ lúc cô bị mệt mỗi khi nhìn vào trong gương, hay khi đi tản bộ, cô tự nhận thấy cô khác với cô trong hiện tại, có cái gì đã làm thay đổi trong cô, thay đổi cá tính, tính nết hay bộ mặt?”

“Đúng, có một lần tôi nhớ rất rõ ràng vì lần đó tôi đã giật mình. Người con gái mà tôi nói trong giấc mơ với mái tóc đỏ, một hôm nhìn vào gương, tôi không hiểu tại sao như chính tôi là cô gái đó hay là tôi đã nhìn thấy cô ta ở đó”.

“Cô thấy hồi nào?”

“Độ chín tháng nay”.

“Chỉ có một lần duy nhất cô cảm thấy như thế à?”

“Tôi cảm thấy như có người nào đó ở trong tôi”.

“Cô cảm thấy như vậy từ bao lâu?”

““Cách đây hai hay ba năm”.

“Có cái gì làm cho cô sợ hãi không?”

“Không. Tôi không thấy thế”.

“Nào bây giờ chúng ta nói chuyện về những giấc mơ nhé!”

“Giấc mơ đầu tiên tôi thấy cách đây hai năm. Những giấc mơ này thỉnh thoảng lại đến với tôi. Tôi nhìn thấy thiếu nữ với

mái tóc đỏ. Cô mặc một cái áo choàng dài trắng, có viền vàng. Cô ta đang đi nhưng có vẻ rụt rè. Cũng ở trong giấc mộng đó, tôi nhìn thấy hai tháp canh và tôi nghe thấy cô ta nói “Handsel”, rồi Glamis, Angus, Ruthven, Gowrie và một lần cô nói “Tôi nhảy”. Có lần trông cô rất bình thản, nhưng cũng có lần trông cô rất giận dữ”.

“Cô thiếu nữ đó chúng bao nhiêu tuổi?”

“Chừng độ 20 tuổi”.

“Thấp hay cao?”

“Thấp và hơi nhỏ”.

“Đẹp hay xấu, có gì đặc biệt không?”

“Không có gì đặc biệt cả, nhưng làn tóc đỏ của cô rất là đẹp”.

“Tóc dài hay tóc ngắn?”

“Tóc dài, rất nhiều”.

“Giấc mơ đến không chừng hay vào giờ nhất định?”

“Tôi có thể nói hầu hết đều cùng một giờ, ngoại trừ những lần cô ta giận dữ”.

“Cô nằm mơ như vậy cả thấy bao nhiêu lần?”

“Năm hay sáu lần”.

“Lần cuối cùng vào bao giờ?”

“Lần cuối cùng tôi nghĩ vào tháng 7”.

“Năm nay?”

“Vâng”.

“Lúc cô ta đang tức giận?”

“Rất tức giận”.

“Những giấc mơ như vậy kéo dài suốt đêm, hay chỉ trong chốc lát?”

“Rất là nhanh, tôi muốn nói: khi tôi vừa thấy cô, cô muốn nói điều gì rồi đi ngay”.

“Tại sao cô nhớ rõ ràng giấc mơ này như vậy, Cô nhớ được tất cả các giấc mộng này sao?”

“Về thiếu nữ đó tôi nhớ rất rõ ràng, ông có thể cho tôi là nằm mơ, nhưng thực ra tôi chưa ngủ”.

“Việc xảy ra đầu hôm, giữa đêm hay cuối đêm?

“Lối chừng 11 giờ rưỡi, hoặc trước 2 hay 2 giờ rưỡi khuya”.

“Ngoài các giấc mơ như vậy cô có cảm giác như có ai chung quanh cô không? Tôi muốn nói khi cô tỉnh dậy”.

“Tôi không biết có phải thiếu nữ ấy không, nhưng tôi cảm thấy như có ai ở cạnh tôi khi có mình tôi ở nhà”.

“Khi cô liên lạc với tôi, cô có nghĩ rằng đã có ai đó thúc đẩy cô làm chuyện này không?”

“Tôi cảm thấy tôi phải viết thư cho ông trong khi không có lý do”.

“Đối với riêng cô, việc này có ý nghĩa gì không?”

“Chỉ có một điều tôi hằng nghĩ đến là chữ “Handsel cho tôi”. Tôi nghĩ rằng “cho tôi” phải có nghĩa là vật gì đó. Có thể “Handsel” nghĩa là đến với tôi nhưng sao cô ta lại muốn tôi đến với cô ấy?”

“Có gì đặc biệt, chẳng hạn như quần áo, vật dụng, âm nhạc, thói quen, câu nói, hay bất cứ thứ gì khác hẳn với bản tính của cô, nhất là từ khi cô 18 tuổi tới nay, cô hãy cho tôi biết?”

“Tôi thích nấu bất cứ món nào đến từ quần đảo Anh Quốc. Tôi có 3 cuốn sách dạy cách nấu những món ăn Anh. Còn về quần áo tôi thích mặc theo kiểu cổ hơn”.

“Cô có bạn trai nào gốc Anh Cát Lợi hoặc Tô Cách Lan không? Tôi muốn nói quê hương của họ.”

“Không”.

“Có khi nào cô đọc sách nói về Anh Quốc trong phạm vi lịch sử, quá trình, hay địa dư không?”

“Có một lần tôi đọc sách nói đến tháp canh ở Luân Đôn và nói về hoàng gia, chỉ có vậy thôi”.

“Theo nhận xét của cô, cô có thấy những hiện tượng đã xảy ra trong đời cô có nghĩa lý gì không?”

“Tôi không rõ, trừ khi có người nào nói cho tôi biết. Tôi cảm thấy tôi quen thiếu nữ đó. Tôi không biết tại sao tôi lại quen cô ta nhưng tôi cảm thấy tôi quen cô ấy”

“Giấc mơ đầu chỉ là cảnh thoát khỏi sự buồn chán, không nói lên điều gì phải không?”

“Lần thứ nhất tôi không quan tâm mấy, cho là mộng mị, nhưng giấc mơ cứ tái diễn, và mỗi lần như vậy tôi cảm thấy thân thiết với cô ta hơn”.

“Bây giờ cô đã sẵn sàng để tôi thôi miên chưa?”

“Tôi đã sẵn sàng”.

Vài phút sau, Pamela đã ở trong tình trạng hôn mê thư giãn, và phục tùng mệnh lệnh của tôi.

“Cô hãy quay về 100 năm, 200 năm, 300 năm cho đến khi nào cô nhìn thấy cô gái có mái tóc đỏ”.

Một lúc sau Pamela bắt đầu nói:

“Ruthven”, giọng nói của cô thật bình thản.

Tôi bắt đầu hỏi:

“Cô sống trong đó phải không?”

“Tôi sống ở đó”.

“Cha cô là ai?”

“Cha tôi không có ở đó”.

“Có người nào ở đó với cô không?”

“Có mẹ tôi”.

“Tên mẹ cô là gì?”

“Tôi không biết, tôi không nói”.

“Tại sao?”

“Bởi vì họ đang âm mưu chống lại chúng tôi nên tôi không thể nói ra được.”

“Cô đang ở năm nào?”

“Năm 1600”

“Năm 1600 nào?”

“Đúng là năm 1600”.

“Quê hương cô ở đâu?”

“Tô Cách Lan”.

“Tại sao cô lại có vẻ lo sợ?”

“Chúng tôi sắp sửa phải rời nơi đây”.

“Tại sao?”

“Họ sẽ giết chúng tôi nếu chúng tôi không đi khỏi chỗ này”.

“Ai định giết cô?”

“Tôi không biết, cha tôi chỉ cho biết các người ấy “.

“Cô phải làm gì?”

“Tôi không biết, mẹ tôi đang sửa soạn hành lý”.

“Cô đi đâu?”

“Đi Glamis”.

“Tại sao lại đến đó?”

“Có Hoàng Gia ở đó”.

“Họ sẽ giúp cô sao?”

“Tôi không biết”.

“Cô hãy tả căn nhà của cô đi!”.

“Nhà làm bằng đá”.

“Gọi là gì?”

“Breasten”.

“Nhà được kiến trúc như thế nào?”

“Có hai tháp canh, có vườn hoa”.

“Cô có lên tháp canh chơi không?”

“Tôi thường chơi trên đó”.

“Cô chơi gì?”

“Tôi hay chơi với những chiếc chén kiểu nhỏ Trung Hoa”.

“Lúc bấy giờ cô bao nhiêu tuổi?”

“Bốn hay năm tuổi”.

“Bây giờ cô bao nhiêu tuổi?”

“Bây giờ tôi 22 tuổi”.

“Cô còn độc thân hay đã lập gia đình?”

“Còn độc thân”.

“Cô có quen biết người đàn ông nào mà cô định lấy làm chồng không?”

“Có”.

“Tên anh ta là gì?”

“Tôi không nói”.

“Tại sao?”

“Coi như tôi không gặp anh ta”.

“Tại sao?”

“Gia đình tôi không cho phép”.

“Tên anh ta là gì?”

“Mẹ tôi bảo nếu tôi nói, tôi sẽ bị trừng phạt”

“Vậy cô phải làm gì? Sau này cô có gặp anh ta không?”

“Có”.

“Ở đâu?”

“Ở Loch Catherine”.

“Có xa không?”

“Không xa lắm”.

“Anh có khi nào đến lâu đài không?”

“Có”.

“Ở đâu, chỗ nào của lâu đài?”

“Trong dãy hành lang chính”.

“Không bao giờ ở trên lầu?”

“Chỉ có một lần thôi, vì không được phép.”

“Anh ta có lên tháp canh lần nào không?”

“Chỉ có một lần vì mẹ tôi không biết”.

“Cô làm gì?”

“Chúng tôi nói chuyện”.

“Sau đó cô lấy anh ta không?”

“Không thể”

“Vì sao?”

“Vi gia đình cấm tôi lấy anh ta và bắt tôi phải lấy người khác

“Tại sao gia đình lại muốn cô lấy người khác?”

“Vì ông này giàu có”.

“Người yêu của cô không giàu có à?”

“Phải, không được giàu”

“Tại sao cô phải nói chuyện theo cách này? Cô có liên hệ thế nào với cô ta (Pamela)? Cô là cô ta, hay cô nói qua cô ta?”

“Tôi là cô ta.”

“Vậy thì trong thời gian chưa phải là cô ta (Pamela), cô ở đâu? cô có là người nào khác không?”

“Không, tôi bị gió cuốn”.

“Cô chết ra làm sao?”

“Tôi nhảy từ tháp canh”.

“Có phải cô bị chết trong khi nhảy?”

“Đúng, tôi chết sau đó”.

“Cô định nhảy đi đâu?”

“Tôi định nhảy qua một tháp canh khác”.

“Có được không?”

“Không”.

“Cô bị ngã xuống đâu?”

“Ngay trước cửa”.

“Có phải đây là lần đầu cô nhảy từ tháp canh này qua tháp canh kia không?”

“Không”.

“Cô đã có nhảy rồi à?”

“Phải”.

“Thế cô nhảy được à?”

“Phải”.

“Và lần này cô nhảy qua không được nên bị chết phải không? Cô bao nhiêu tuổi lúc ấy?”

“22 tuổi”.

“Đó là tai nạn hay là cô muốn nhảy?”

“Tôi muốn”.

“Có phải cô không được vui không?”

“Đúng”.

“Khi cô chết sự việc tiếp diễn như thế nào?”

“Chẳng thấy gì cả”.

“Sau khi cô ngã, chuyện gì xảy đến với cô? cô nhìn thấy gì?”

“Tôi ở trong gió”.

“Cô tự nhìn thấy mình sao?”

“Phải”.

“Rồi cô đi đâu?”

“Không đi đâu cả”.

“Thế cô có nhìn thấy ai không?”

“Không”.

“Thế cô ở ngoài hay cô trở vào lâu đài?”

“Tôi có trở về lâu đài một lần”.

“Cô có nhìn thấy ai không?”

“Không”.

“Rồi tiếp tục chuyện gì xảy ra cho cô? Cô sống ở đâu?”

“Tôi lại bị cuốn lần nữa”.

“Sau đó rồi cô nhớ gì nữa?”

“Tôi nhìn thấy người”.

“Các người nào?”

“Những người ngộ nghĩnh đang đi vòng quanh”.

“Họ cũng chết rồi phải không?”

“Không”.

“Rồi cô ở đâu?”

“Tôi ở trong một thành phố”.

“Cô nhập vào một người nào khác phải không?”

“Không”.

“Cô vẫn là cô à?”

“Phải”.

“Cô nói thành phố nào?”

“Tôi không biết”.

“Có phải những người đó ăn mặc giống như thời mà cô biết phải không?”

“Không”.

“Còn cô, cô vẫn mặc theo thời của cô phải không?”

“Phải, tôi có thể nhìn thấy cái áo choàng của tôi”.

“Những người nhìn tức cười đó có thấy cô không?”

“Không, họ đi bên cạnh tôi”.

“Rồi tiếp tục cô nhớ những gì nữa?”

“Tôi muốn người nào đó đưa tôi trở về”.

“Về đâu?”

“Về Ruthven”.

“Cô có tìm được ai không?”

“Có, Pamela”.

“Làm sao Pamela có thể đem cô trở về được?”

“Cô ấy sẽ mang tôi trở về”.

“Tại sao cô lại nhập vào Pamela, chính cô chọn Pamela à?”

“Vâng, dường như cô ấy có thể trở về”.

“Ai là người nói với cô về Pamela, bằng cách nào cô đã tìm ra Pamela?”

“Tôi tìm thấy cô ta khi tôi vào nhà”.

“Nhà nào?”

“Nhà của cô ấy”.

“Điều gì khiến cho cô tin là Pamela có thể làm được?”

“Cô ta sẽ cảm thấy hối hận và đưa tôi trở về”.

“Có phải cô đã ở trong cô ấy phải không? Ở trong thân hình cô ấy phải không?”

“Phải, tôi cùng cô ấy trở về”.

“Ai gửi cô đến với cô ta?”

“Không có ai cả”.

“Rồi tại sao cô tìm ra cô ta (Pamela)?”

“Tôi cũng không biết nữa”.

“Cô có nói chuyện với người nào không? Và có nhờ người ta giúp đỡ không?”

“Không ai có thể nghe tôi được mặc dầu họ vẫn đi bên cạnh tôi”.

“Có ai nói rằng: “Cô phải trở về dương thế ” hay tương tự như vậy không?”

“Không”.

“Cô có nhớ cô tái sinh như một đứa nhỏ không?”

“Không”.

“Cô có thấy cô nghĩ gì sau khi cô thấy Pamela không?”

“Cô ta cũng giống như mọi người khác”.

“Giống ai, giống cô phải không?”

“Không”.

“Vậy thì thì theo cô, Pamela giống ai?”

“Cô ấy trông giống một người trong bọn Mc Gibbon”

“Giống ai trong bọn Mc Gibbon?”

“Cô ta giống Catherine”.

“Catherine của bọn Mc Gibbon, vậy theo cô, Catherine là ai?”

“Tôi không biết rành về Catherine, tôi chỉ gặp Catherine ở Angus thôi”.

“Tại sao cô đi Angus?”

“Vì chúng tôi phải đi Glamis”.

“Cô có đi ngang Angus không?”

“Không vì Glamis nằm trong Angus”.

“Catherine làm gì ở Glamis?”

“Cô ấy sống ở đó”.

“Cô ấy làm gì ở đó?”

“Cô ấy là một tỳ nữ”.

“Nữ tỳ của ai?”

“Nữ tỳ trong lâu đài của Hoàng Gia”.

“Pamela gợi cho cô nhớ lại cô ấy phải không?”

“Đúng”.

“Có phải định mệnh đã trói buộc cô vào Pamela không?”

“Vâng, tôi phải trở về”.

“Để làm gì?”

“Tôi cần kiếm một vật”.

“Kiếm cái gì?”

“Cái nhẫn”.

“Ai là người cho cô cái nhẫn?”

“Tôi không nói”.

“Cái nhẫn đó thế nào?”

“Cái nhẫn đó tròn bằng cẩm thạch”.

“Có khắc gì trên chiếc nhẫn đó không?”

“Không”.

“Tại sao việc kiếm cái nhẫn lại quan trọng như thế?”

“Vì là cái nhẫn người đó cho tôi”.

“Người đó là ai?”

“Tôi sẽ bị trừng phạt nếu tôi nói ra”.

“Cô không bị trừng phạt đâu, tôi lấy danh dự mà nói như vậy, cho tôi biết tên người đó đi, rồi tôi sẽ giúp cô được”.

“Tôi không thể tìm được người đó. Tôi chỉ muốn lấy lại cái nhẫn mà thôi”.

“Cô hãy gọi tên anh ta đi, anh ta sẽ đến với cô”.

“Tôi sẽ bị trừng phạt. Tôi sẽ ra đi”

“Cô đi đâu?”

“Đến Loch Catherine, tôi cảm thấy hạnh phúc ở đó”.

“Với ai?”

“Anh ấy muốn đưa tôi tới đó. Chúng tôi sẽ tính đến chuyện ra đi”.

“Cô dự định đi đâu nếu có thể đi được?”

“Đi khỏi Perth”.

“Đi khỏi Perth rồi về đâu?”

“Anh ấy thích đến Luân Đôn”.

“Anh ta làm nghề gì?”

“Anh muốn trở thành một kiến-trúc-sư”.

“Anh ta có đi học chưa?”

“Có học sơ sơ thôi vì không được phép”.

“Anh ta không thuộc dòng dõi quý tộc?”

“Anh cũng thuộc dòng dõi quý tộc nhưng cha anh không muốn anh làm nghề đó”.

“Tại sao cô chỉ nhập vào Pamela lúc 18 tuổi, tại sao cô không nhập vào sớm hơn?”

“Vì ở tuổi này cô ấy mới trưởng thành và có thể ra đi”.

“Cô có thể giúp cô ta tới đó không? Tại sao cô phải tìm đến tôi?”

“Vì có thể ông giúp cô ấy được”.

“Cô muốn tôi phải làm gì?”

“Tôi muốn trở về”.

“Nếu tôi hứa giúp cô trở về, cô sẽ cho tôi biết tên người bạn trai của cô nhé!”

“Tôi có thể trở về à?”

“Tôi sẽ cố gắng tìm cách để cô trở về, phải tôi đã có liên lạc với nơi đó và biết cô nói thật”.

“Pamela sẽ đưa tôi về à?”

“Tôi sẽ cố gắng để Pamela đưa cô trở về trong vòng một năm”.

“Tôi phải đợi lâu quá”.

“Cô đã đợi bao lâu rồi?”

“Cả hàng trăm năm rồi”

“Vậy cô cố gắng chờ thêm một năm nữa đi, thời gian đã trôi qua, có lẽ cái nhẫn cũng không còn ở chỗ có nữa rồi làm

sao đây?”

“Tôi sẽ tìm và tìm cho bằng thấy”.

““Bây giờ cô có sung sướng được nhập trong thể xác của Pamela không? Cô có được Pamela ưng thuận không? Cô có thích là cô ấy không?”

“Chỉ với mục đích được trở về mà thôi”.

“Tôi hãy còn tò mò muốn biết tại sao lại như thế, và bằng cách nào cô đã tìm ra cô ấy (Pamela) ở đây. Cô có biết cô đang ở nước nào không?”

“Không”.

“Cô nghĩ rằng cô đang ở đâu? Cô có biết tên của nước mà cô đang ở không? Không phải là Tô Cách Lan đâu”.

“Tôi không phải ở trong quần đảo đâu”.

“Không, cô có biết từ khi cô còn sống cho đến nay, một thời gian dài đã trôi qua, cô có bao nhiêu lâu rồi không?”

“Hàng trăm năm”.

“Cô có thể cho tôi biết tên người trẻ tuổi ấy không?”

“Tôi không tìm thấy anh ấy, ông cũng không thể mang anh ấy trở lại được”.

“Cô hãy kể cho tôi biết cái âm mưu đã làm cô sợ hãi? Ai đã nhúng tay vào vụ này?”

“Cha tôi chỉ cho biết họ là những người chống lại cha tôi”.

“Ai?”

“Tôi chỉ biết cha tôi là Gowrie thôi”.

““Cha cô ở cấp bậc nào?”

“Tôi không rõ, khi họ đến tôi phải vào tháp canh”.

“Và khi gọi cô, họ gọi thế nào?”

“Tôi muốn cha tôi trở lại”.

“Tôi sẽ giúp cô. Cô có thể nói cho tôi biết tên cô được không, tên thật của cô đó?”

“Tôi phải tìm trong cuốn Thánh Kinh”.

“Cô đi tìm trong cuốn Thánh Kinh đi và nói cho tôi biết Thánh Kinh viết gì?”

“Không, tôi phải đi gặp ông ta “.

“Cô sẽ gặp ông ta, nếu như ông ta bằng lòng để cô gặp ông ta”

“Không, tôi muốn gặp Peter”.

“Peter, ông hãy đến với cô đi. Nếu ông đã tái sinh, nói cho cô ấy biết, hiện giờ ông ở đâu để rồi cô ấy có thể đến với ông được. Ông hãy nói như thế này: Tôi, nói tên ông, muốn gặp cô. Rồi ông đó sẽ đến với cô.”

“Chúng tôi không thể nói cho ai biết được “.

“Chỉ có tôi và cô là hai người biết mà thôi”.

“Không, khi chúng tôi rời lâu đài, mẹ tôi nói “không” “.

“Nói tên cô đi?”

“Không, tôi sẽ bị đánh”.

“Những người hầu gọi tên cô thế nào?”

“Họ thường gọi tên tôi là Ruthven”.

“Nhưng khi cô có mặt tại đây, họ gọi cô thế nào?”

“Họ thường chỉ gọi tôi bằng chữ Thừa Cô “.

“Cô nào? Tên thánh của cô là gì?”

“Tôi không thể nói được”.

“Nhưng cô biết phải không?”

“Phải”.

“Chữ đầu tiên của tên cô là gì? Cô hãy đánh vần chữ đầu tiên tên cô đi?”

“Tôi sẽ bị trừng phạt”.

“Cô đâu có bị trừng phạt khi nói tên của mình. “Cô muốn tìm cái nhẫn phải không? Còn tìm cái gì nữa không?”

“Không”.

“Nếu tôi hỏi cô một câu, cô có hứa là trả lời tôi thành thực không?”

“Được”.

“Cô có phải là Beatrix không?”

“Tôi không nói được”.

“Cô phải nói phải hay không phải”.

“Tôi sẽ bị trừng phạt”.

“Cô sẽ không bị trừng phạt vì cô có nói tên cho tôi biết đâu? Cô chỉ trả lời đúng hay sai mà thôi. Nếu cô nói là đúng, đó là sự thật, mà nếu cô nói là sai thì cũng là sự thật vậy, còn như nếu cô không nói sự thực thì chính cô đã bội thệ và cô sẽ bị đọa xuống địa ngục. Cho nên tốt hơn là cô nên nói sự thực. Lần này là lần thứ ba cũng là lần cuối cùng tôi hỏi có phải cô là Beatrix không?”

“Phải”.

“Bây giờ tôi để cô đi và tôi sẽ để ý đến chuyện đó càng sớm càng tốt để cô có thể trở về nhìn thấy nơi mà cô ưa thích”

“Vâng”.

“Chúc cô lên đường bình an”.

Sau khi Pamela tỉnh dậy, Pamela không nhớ một tý gì về cuộc thôi miên này. Tôi hỏi Pamela vì đâu mà lại đặt tên là Pamela.

“Mẹ tôi không muốn tôi có một tên trùng với bất cứ người nào trong gia đình. Mẹ tôi xem báo, thấy có một cô gái tên là Pamela sắp thành hôn, nên mẹ tôi đã lấy tên này để đặt cho tôi”.

“Bây giờ tôi đọc vài cái tên phụ nữ, cái tên nào thấy quen quen hoặc cần chú ý, thì Pamela cho tôi biết”.

““Dorothy hay Dorothea?”

““Bà ngoại của tôi tên là Dorothy”.

“Cô có thích tên này không?”

“Cũng được”.

“Thế nào về tên Barbara?”

“Không”.

“Thế nào về Beatrix?”

“Tên này rất đẹp, tôi thích tên này”.

“Cô thích tên này hơn tất cả tên khác phải không?”

“Phải, nếu mọi người tôi là Bea, tôi cũng không cần đề ý đến cách gọi này.”

Những gì tôi thu lượm được qua cuộc thôi miên thật là kỳ thú. Bây giờ tôi hiểu chữ “Handsel” là cái nhẫn. Với thiếu nữ, cái nhẫn này rất quý vì là của người yêu tặng cho cô. Tôi biết rằng cô ta không chịu nói tên, nên cách tốt nhất là nêu một vài tên. Mặc dầu tôi không coi việc tìm tên như là kết quả của một bằng chứng, nhưng qua nội dung của cuộc điều tra, cô ấy đã tỏ ra phản ứng với cái tên Beatrix hơn là các tên khác trong khi tôi nói với cùng một âm điệu.

Một lúc sau, Pamela ngồi dậy và cùng uống cà phê với tôi. Đến đây tôi liền bóc cái thư mới nhất của Bà Elizabeth Byrd, nhận được ngày hôm qua ở Nữ Ước. Kèm theo bản tin của nhà Quý Tộc Lyon Of Scotland chuyên phụ trách các đơn đòi tiền bồi hoàn các vũ khí của các gia đình quý tộc. Bản tin như sau:

“Người con gái có mệnh danh “Cái Nhảy Của Người Trinh Nữ” tại Huntingtower tên là Dorothea. Cô này lấy ông John Vemyss ngày 8 tháng 6 năm 1609 tại Pittencrieff. Dorothea là người con thứ 13 song chưa phải là con Út, còn về tin tức của Barbara, người con thứ 14 là đứa con út trong gia đình có thể tìm thấy tại trang 266 và 267 trong cuốn “Four Of the Scots Peerage”.

Báo cáo của Nhà Quý Tộc Lyon of Scotland đương nhiên là không đầy đủ chi tiết về những cô con gái của Bá Tước Gowrie. Một ý nghĩ thoáng qua trong đầu. Theo như “Cô” Gowrie nói đến cái nhảy của thiếu nữ có phải chính Pamela là thiếu nữ đã nhảy cái nhảy nổi tiếng đó không? Cũng có thể là một người con gái khác đã bị suy nhược và bị rớt trong khi đó có một thiếu nữ khác nữa đã nhảy thành công.

Sau khi kiểm soát lại các dữ kiện mà người con gái giòng họ Gowrie nói cho tôi tại Chicago thì là người đã bị ngã chết tại bờ thành lâu đài Gowrie không phải là cô gái đã nhảy thành công để đi tìm tình yêu, cho nên bằng chứng ở chỗ này có phần không rõ ràng. Trong cuốn *The Fortified House In Scotland* (Những Thành Quách của Tô Cách Lan) của Nigel Tranter có nói đến những bức tường thành, đến những lâu đài mà không nói đến huyền thoại về cái nhảy của một thiếu nữ; do đó tôi nghĩ rằng “Cái Nhảy của Người Trinh Nữ” đã không được mấy phổ thông.

Trước khi chia tay Pamela, tôi nói cô hãy lưu ý đến tất cả các việc xảy ra sau cuộc thí nghiệm thôi miên và yêu cầu cô cố gắng ghi nhớ sau này sợ rằng có thể cuộc thôi miên có hậu quả làm trí nhớ bị kích động.

Bốn ngày sau tôi có nhận được một lá thư của Pamela. Bấy giờ tôi có nói cho cô biết là những ký ức của cô về Tô Cách Lan đã được các nhà chuyên viên xác nhận là đúng, và kiếp trước cô là một trong những người con gái của Bá Tước Gowrie. Vì vậy những sự cô đã biết không còn giá trị thực tiễn nữa. Thư của cô như sau:

“Tôi không biết sự việc này có giá trị hay không, nhưng tôi cảm thấy cần phải cho ông biết. Vào khoảng 2 giờ 30 sáng, tôi tỉnh dậy vì một giấc mơ, giấc mơ như thật đối với tôi. Trong giấc mơ tôi thấy tôi đang cưỡi ngựa đi đến một nơi mà tôi không biết nhưng cảm thấy quen quen. Cho ngựa chạy chừng 40 dặm, tôi dừng lại buộc ngựa vào một cái cây. Tôi bắt đầu đi bộ, hình như đây là một thung lũng nhưng có nhiều cây. Tôi nhìn thấy núi bao quanh. Trong lúc tôi đi bộ, có nhiều gai hay cái gì đó nhọn đã đâm vào chân tôi. Tôi lại gần một con sông và bắt đầu chạy. Rồi tôi thấy tôi nằm trên giường. Điều làm tôi sợ là chân tôi hầu như bị báng rất đau đớn. Sau đó tôi tỉnh dậy vì những tiếng kêu than khủng khiếp mà tôi nghĩ là các tiếng động này có thể làm cho cả lối xóm thức dậy.

Có hai chữ đã in sâu vào tâm trí tôi. Một chữ là Dab hay là Daba. Tôi không biết chữ này từ đâu đến, nhưng hình như chữ này làm cho tôi khó chịu. Còn chữ thứ hai là “Beitris”, chữ này tôi thấy rất rõ trên trần nhà đêm qua khi các đèn trong

phòng đã tắt cả. Tôi không hiểu các việc trên có nghĩa gì không, song tôi cứ viết thư cho ông”

Tôi cũng không hiểu những chữ trên đây nên tôi đã nhờ Bà Elizabeth Byrd tìm hộ trong cuốn tự điển Jamison s English-Scottish. Dadown có nghĩa là rơi xuống rất mạnh với tiếng động. Có thể là ám chỉ cái ngã tàn khốc của người con gái nhảy từ bờ tường lâu đài Gowrie nhưng cũng có chữ Dablet có nghĩa là con quỷ hay con yêu tinh nhỏ. Không biết có phải là Bà Alanna Knight đã mô tả người thiếu nữ này khi Bà nhìn thấy trong ảo giác không?

Đầu tháng 11, Pamela lại thấy một giấc mơ khác nữa. Hình ảnh trong giấc mơ thấy hai lần đã in sâu vào trí nhớ của cô và cô hơi lo lắng về lời dặn dò như sau:

“Người sẽ bị chết bởi Newa Vleen”, cô gái nói trong giấc mơ. Pamela tự hỏi ai sẽ chết - cô gái có mái tóc đỏ hay là chính cô - và Newa Vleen có nghĩa gì?

Ngày 30 Tháng 4 Năm 1972, tôi nhận được một lá thư của Bà A. McDougall, Bà này sống tại Perth, Tô Cách Lan đã soi sáng cho những lời khai của Pamela:

“Người ái nữ đề cập chính là ái nữ của Bá Tước Ruthven IV được phong hiệu Bá Tước Gowrie sau khi ông cùng với Nam Tước Lindsay tháp tùng Hoàng Hậu Mary tới Loch Leven và đã lấy danh nghĩa của Hoàng Hậu thành lập một ủy ban để lật đổ chính phủ.

Người thiếu nữ trẻ tuổi đã làm bước nhảy nổi tiếng thời ấy, bỏ gia đình, đi theo người yêu là Địa Chủ James Vemyss tại Pittencreeff là nơi tiếp cận với Loch Katrine ở Trossachs.

Chữ Newavleen có nguồn gốc từ chữ Jacobite mà bây giờ gọi là Gaelic. Tôi đã tra cứu trong sách vở và đi đến kết luận là Tô Cách Lan không có địa danh Newav. Nieve rất có thể đọc là Newav ở Tô Cách Lan có nghĩa là nắm tay. Linn nghĩa là chỗ thất lại của giòng nước lũ hay một thác nước và được đọc là Leen. Đó là nghĩa chữ Newavleen.

Còn về câu trích dẫn “Thà là trẻ khóc còn hơn là người già phải khóc”, đó là câu tuyên bố của một lãnh chúa ở Glamis trước mặt Vua James VI, câu này nổi tiếng trong Lịch

Sử Tô Cách Lan vì Nam Tước Ruthven nổi lên tấn công bất ngờ.

Bá Tước Gowrie cùng một số hầu tước đã sắp xếp một kế hoạch để giải thoát Vua James VI - khi nhà Vua còn nhỏ tuổi - ra khỏi đám cận thần vô dụng. Sau cuộc đi săn ở Athol trên đường về, nhà Vua bị bắt đưa về lâu đài Ruthven. Lúc sắp sửa khởi hành, nhà Vua bị những nhà Quý tộc chặn đường trình lên một bản kiến nghị bày tỏ lòng phẫn uất của họ. Nhà Vua đã cố tự mình giải thoát khỏi sự câu thúc của họ rồi bật khóc. Vị lãnh chúa Glamis (cầm đầu cuộc bắt giữ nhà Vua) đã nhận xét là “Thà để trẻ con khóc còn hơn là để người già phải khóc”. Các nhà quý phái đã mang nhà Vua đi nhưng nhà Vua trốn thoát và lại tìm về với Bá Tước Arran. Mặc dầu nhà Vua có thông qua một đạo luật ân xá cho những nhà quý phái dính líu đến việc bắt giam nhà Vua, nhưng sau đó trong một phiên tòa tra hình tại Stirling, Vua đã kết tội âm mưu làm phản, đã lên án tử hình Bá Tước Gowrie.

Ngày 21 Tháng Ba Năm 1970, Pamela báo cáo một “bộ phát bất ngờ” về cô gái Tô Cách Lan.

Cô thiếu nữ này lại nói nữa. Tôi muốn cho ông biết vài tên mà tôi không biết là chính cô thiếu nữ ấy nói ra hay tự tôi đã tưởng tượng.

Những tên này là: Lord Patrick, Bá Tước William, Bá Tước Hom. Rồi Saint John s Stone và Black Pike có nghĩa gì không? Và thiếu nữ đó cũng nói về làm một cái gì vinh danh cho Hoàng Hậu.

Với Pamela cho đến nay, tôi chưa hề cho cô biết về tiền thân của cô ngoại trừ các việc có liên quan đến Tô Cách Lan mà thôi, cho nên tôi rất thích thú với tin tức này. Tôi đã liên lạc với các bạn tôi ở Aberdeen để sưu tra.

Sử Gia C.I.A. Ritchie, trong một bức thư đề ngày 14 Tháng 4 năm 1970 đã báo cho Bà Elizabeth như sau:

Bá Tước William có lẽ là Bá Tước William of Douglas bị Vua James giết chết. Bá Tước Hom là Bá Tước Hume hay Home. Bá Tước đầu tiên giòng họ Home 1566-1619. Nam Tước Patrick tức Nam Tước Gowrie III là phụ thân của Bá

Tước Gowrie. Saint John s Stone tức St Johnstone, địa danh của Perth.

Alanna Knight và chồng Bà đã khám phá ra tên Thị Xã của Perth là St John s Town, thị xã này cách xa Hintingtower 2 dặm. Qua Tiến Sĩ Margaret Steward, nhà khảo cổ sống tại Perth, Ông Bà Knight cũng khám phá ra chữ “Black Pike” có thể là chữ “Black Park”, một miếng đất có tòa lâu đài cổ ở cách Huntingtower chừng 4 dặm về phía bắc.

Không phải để nhấn mạnh quan điểm của tôi, nhưng làm sao một người con gái 20 tuổi với trình độ học vấn trung học, một công nhân bệnh viện ở Illinois, Hoa Kỳ lại có thể biết được rõ ràng từng chi tiết của một nơi hẻo lánh nhỏ bé tại Tô Cách Lan trừ phi chính cô đã sống tại đó trước kia?

-HẾT-